



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG  
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

# SỔ TAY

## HƯỚNG DẪN THỰC THI, HỎI ĐÁP CÁC QUY ĐỊNH

VỀ SPS NGÀNH HÀNG ĐỘNG VẬT,  
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT



Hà Nội, năm 2025







BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG  
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

# SỔ TAY

HƯỚNG DẪN THỰC THI, HỎI ĐÁP CÁC QUY ĐỊNH  
VỀ SPS NGÀNH HÀNG ĐỘNG VẬT,  
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT



Hà Nội, năm 2025

CƠ QUAN CHỦ QUẢN:  
**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM**

**BAN SOẠN THẢO VÀ BIÊN TẬP**

**1. TS. Ngô Xuân Nam**

*- Chịu trách nhiệm nội dung,*

*- Trưởng ban Soạn thảo và Biên tập*

*Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam*

*Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

**2. ThS. Nguyễn Thị Huyền**

**3. ThS. Đinh Đức Hiệp**

**4. ThS. Bùi Đức Toàn**

**5. ThS. Nguyễn Hoàng Long**

**THƯ KÍ BAN BIÊN TẬP**

**TS. Đào Văn Cường**

# Mục lục

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b>	7
<b>CÁC TỪ VIẾT TẮT</b>	9
<b>PHẦN I: TỔNG QUAN VỀ NGÀNH HÀNG ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VÀ CÁC THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU CHÍNH</b>	11
1.1. Sản lượng chăn nuôi	11
1.2. Các sản phẩm xuất khẩu	13
1.3. Thị trường và thực trạng xuất khẩu	13
<b>PHẦN II: QUY ĐỊNH CỦA VIỆT NAM VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT (SPS) ĐỐI VỚI ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU</b>	15
2.1. Quy định về an toàn thực phẩm	17
2.2. Quy định về kiểm dịch động vật	18
2.3. Kiểm soát chất ô nhiễm trong thực phẩm động vật	18
2.4. Kiểm soát dư lượng thuốc thú y ở động vật	20
2.5. Quy định về truy xuất nguồn gốc	20
2.6. Quy định về ghi nhãn các sản phẩm động vật	21
2.7. Quy định về sản phẩm hữu cơ	22

<b>PHẦN III: QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT (SPS) CỦA CÁC THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU CHÍNH ĐỐI VỚI ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT</b>	<b>23</b>
3.1. Quy định về SPS của Trung Quốc đối với động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu	23
3.2. Quy định về SPS của Hồng Kông (Trung Quốc) đối với động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu	33
3.3. Quy định về SPS của Hoa Kỳ đối với động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu	40
3.4. Quy định về SPS của EU đối với động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu	49
3.5. Quy định về SPS của Nhật Bản đối với động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu	53
3.6. Quy định về SPS của Hàn Quốc đối với động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu	61
3.7. Quy định về SPS của HALAL đối với động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu	72
<b>PHẦN IV: MỘT SỐ CÂU HỎI THƯỜNG GẶP VỀ CÁC QUY ĐỊNH AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT (SPS) ĐỐI VỚI NGÀNH HÀNG ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT</b>	<b>78</b>
<b>PHẦN V: CẬP NHẬT MỘT SỐ THÔNG BÁO DỰ THẢO/ CÓ HIỆU LỰC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT (SPS) LIÊN QUAN ĐẾN ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU</b>	<b>92</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	<b>116</b>

## Lời mở đầu

Trong những năm gần đây, cùng với quá trình hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, ngành hàng động vật và sản phẩm động vật của Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh, đóng góp tích cực vào tăng trưởng xuất khẩu nông nghiệp và nâng cao vị thế của Việt Nam trên thị trường quốc tế. Việt Nam đã và đang xuất khẩu các sản phẩm động vật tới nhiều thị trường có yêu cầu kỹ thuật khắt khe như Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Hồng Kông (Trung Quốc) và một số quốc gia Trung Đông. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, ngành hàng vẫn đang đối mặt với không ít thách thức, đặc biệt là trong việc đáp ứng các biện pháp vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động thực vật (SPS) theo quy định của các thị trường nhập khẩu.

Các yêu cầu về SPS ngày càng đa dạng, phức tạp và thường xuyên được cập nhật, đòi hỏi doanh nghiệp, cơ quan quản lý và các đơn vị liên quan phải nắm bắt kịp thời, hiểu đúng và thực thi hiệu quả. Trước bối cảnh đó, việc xây dựng và ban hành “Sổ tay hướng dẫn thực thi, hỏi đáp các quy định về SPS ngành hàng động vật, sản phẩm động vật” nhằm mang đến những thông tin hữu ích cho các doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng, hợp tác xã, hộ sản xuất, cơ quan quản lý và các tổ chức có liên quan, góp phần nâng cao năng lực tuân thủ quy định SPS và có định hướng tốt hơn trong việc phát triển ngành hàng tiềm năng này.

Thông qua việc sử dụng Sổ tay, các tổ chức và cá nhân hoạt động trong ngành hàng có thể nâng cao nhận thức và năng lực tuân thủ các quy định SPS của các thị trường quốc tế; tăng cường khả năng tiếp cận thông tin, giảm thiểu rủi ro pháp lý và thương mại trong hoạt động xuất khẩu; hỗ trợ quá trình xây dựng chuỗi sản phẩm ngành hàng an toàn, bền vững và thực thi tốt các cam kết SPS của Việt Nam trong khuôn khổ WTO, các hiệp định thương mại tự do (FTA) và các thỏa thuận song phương.

Nhiều biện pháp SPS của thị trường nhập khẩu thường được thay đổi, cập nhật, vì vậy Văn phòng SPS Việt Nam khuyến cáo doanh nghiệp trước khi xuất khẩu cần cập nhật quy định của thị trường để tuân thủ, tránh rủi ro trong thương mại.

Ban biên tập rất mong tiếp tục nhận được sự đóng góp của độc giả cho nội dung Sổ tay để chúng tôi có thể hoàn thiện trong những lần tái bản tiếp theo./.

# DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

**ATTP:** An toàn thực phẩm

**APHIS:** Animal and Plant Health Inspection Service – Cục Kiểm dịch động, thực vật Hoa Kỳ

**EU:** Liên minh Châu Âu

**FAO:** Food and Agriculture Organization of the United Nations – Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc

**FDA:** Food and Drug Administration – Cục Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ

**FEHD:** Food and Environmental Hygiene Department – Cục Vệ sinh thực phẩm và Môi trường Hồng Kông (Trung Quốc)

**FSC:** Food Safety Commission – Ủy ban An toàn Thực phẩm Nhật Bản

**FSIS:** Food Safety and Inspection Service – Cục Kiểm tra và An toàn Thực phẩm Hoa Kỳ

**FTA:** Free Trade Agreement – Thỏa thuận thương mại tự do

**GCC:** Gulf Cooperation Council – Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh

**GDP:** Gross Domestic Product – Tổng sản phẩm quốc nội

**GMP:** Good Manufacturing Practice – Thực hành sản xuất tốt

**HACCP:** Hazard Analysis and Critical Control Points – Hệ thống Phân tích mối nguy và Điểm kiểm soát tới hạn

**IFS:** International Food Standard – Tiêu chuẩn Thực phẩm Quốc tế

**KFDA:** Korea Food And Drug Administration – Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hàn Quốc

**MRL:** Maximum Residue Limit – Giới hạn dư lượng tối đa

**NNMT:** Nông nghiệp và Môi trường

**NNPTNT:** Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

**QCVN:** Quy chuẩn Việt Nam

**USDA:** United States Department of Agriculture – Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ

**SPS:** Biện pháp Vệ sinh an toàn thực phẩm và Kiểm dịch động thực vật

**TCVN:** Tiêu chuẩn Việt Nam

**WOAH:** World Organisation for Animal Health – Tổ chức Thú y Thế giới

**WTO:** World Trade Organization – Tổ chức Thương mại Thế giới

# PHẦN I

## TỔNG QUAN VỀ NGÀNH HÀNG ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VÀ CÁC THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU CHÍNH

### 1.1. Sản lượng chăn nuôi

Theo báo cáo của Cục Chăn nuôi và Thú y - Bộ NNMT, đến hết năm 2024, tổng đàn lợn cả nước đạt hơn 31 triệu con, tăng 3,3% so với năm 2023. Đàn gia cầm đạt trên 575 triệu con, tăng 2,8%. Tuy nhiên, đàn trâu giảm 3%, còn hơn 2 triệu con, đàn bò giảm nhẹ 0,6%, còn hơn 6 triệu con. Trong 3 năm từ 2022-2024, Việt Nam luôn duy trì đàn lợn đứng thứ 5 thế giới về đầu con, thứ 6 về sản lượng, cung cấp khoảng 4,5 triệu tấn thịt hơi mỗi năm. Đàn gia cầm đứng top đầu thế giới, trong đó thủy cầm đứng thứ 2 thế giới.

Năm 2024, sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 8,1 triệu tấn, tăng 3,5% so với năm 2023; trong đó thịt lợn hơi 5 triệu tấn, tăng 3,7%; thịt gia cầm hơi 2,4 triệu tấn, tăng 3,8%. Sản lượng sữa tươi 1,2 triệu tấn, tăng 2,1%; trứng 19,7 tỷ quả, tăng 2,8%. Mặc dù đối diện với nhiều thách thức nhưng giá trị ngành chăn nuôi vẫn chiếm trên 26% GDP và ước giá trị sản xuất chăn nuôi năm 2024 tăng trưởng khoảng 5,4% so với năm 2023, đóng góp quan trọng vào mức tăng trưởng chung của ngành Nông nghiệp.

## Số liệu tình hình sản xuất chăn nuôi của Việt Nam

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Năm 2024	
			Kế hoạch	Ước thực hiện
<b>I. Số lượng đàn gia súc, gia cầm</b>				
1. Đàn trâu	1.000 con	2.136,0	2.200,0	2.078,0
2. Đàn bò	1.000 con	6.331,9	6.495,0	6.320,0
Bò sữa	1.000 con	323,4	329,5	326,0
3. Đàn lợn	1.000 con	30.088,6	31.700,5	30.750,9
Đàn lợn nái	1.000 con	3.120,2	3.065,0	3.145,0
Tỷ lệ nái ngoại	%	27,5	30,0	28,5
Tỷ lệ lợn lai, ngoại	%	93,9	95,0	94,5
4. Đàn gia cầm	Triệu con	559,4	572,8	578,1
Đàn gà	Triệu con	457,2	455,0	471,5
Tổng số gia cầm xuất bán	Triệu con	1.072,2	-	1.105,0
<b>II. Sản phẩm chăn nuôi</b>				
1. Thịt hơi các loại	1.000 tấn	7.832,9	8.059,8	8.107,4
Thịt lợn	1.000 tấn	4.842,2	5.015,0	5.020,0
Thịt gia cầm	1.000 tấn	2.336,4	2.410,0	2.425,0
Thịt trâu	1.000 tấn	122,9	122,0	122,5
Thịt bò	1.000 tấn	489,5	532,8	495,8
Thịt dê, cừu...	1.000 tấn	41,9	53,8	44,1
2. Sản lượng sữa tươi	1.000 tấn	1.185,3	1.286,0	1.210,0
3. Trứng các loại	Triệu quả	19.146,0	19.685,0	19.680,0
4. Sản lượng mật ong	1.000 tấn	22,1	25,8	23,8
5. Sản lượng kén tằm	1.000 tấn	17,7	20,0	18,5

Nguồn: Số liệu thống kê ngành Nông nghiệp năm 2024, Bộ NNMT

Tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm cơ bản được kiểm soát nên chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển ổn định. Năm 2024 có 14 ổ dịch cúm gia cầm (giảm 30% so với cùng kỳ năm trước) tại 09 tỉnh, thành phố; 1.575 ổ dịch tả lợn châu Phi (tăng gần 79%) tại 48 tỉnh; 72 ổ dịch lở mồm long móng (tăng 2,48 lần) tại 20 tỉnh; 145 ổ dịch viêm da nổi cục (tăng 26,08%) tại 20 tỉnh; 02 ổ dịch tai xanh (giảm 60%) tại 02 tỉnh; 269 ca bệnh dại trên động vật (tăng 14,95%) tại 36 tỉnh, thành phố.

## 1.2. Các sản phẩm xuất khẩu

Sản phẩm xuất khẩu chính của ngành chăn nuôi Việt Nam gồm: lợn sữa, gà chế biến, tổ yến, và các sản phẩm thịt, phụ phẩm, sữa. Ngành đang hướng tới mục tiêu xuất khẩu đạt từ 1 - 1,5 tỷ USD mỗi năm bằng cách đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường khó tính như Nhật Bản, Hoa Kỳ, EU, Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore, Anh và Trung Đông.

Các sản phẩm xuất khẩu chính:

- Lợn sữa: Là một trong những sản phẩm được xuất khẩu, chủ yếu sang Hồng Kông (Trung Quốc).
- Gà chế biến: Việt Nam đã có khả năng xuất khẩu gà chế biến sang các thị trường khó tính như Nhật Bản.
- Tổ yến: Sản phẩm này cũng là một mặt hàng xuất khẩu sang các thị trường khó tính.
- Thịt và phụ phẩm thịt: Xuất khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam đã có sự tăng trưởng đáng kể, với thị trường chính là các nước châu Á.
- Sữa và sản phẩm sữa: Mặc dù kim ngạch xuất khẩu có giảm nhẹ trong năm 2024, đây vẫn là một sản phẩm chính được xuất khẩu.

## 1.3. Thị trường và thực trạng xuất khẩu

Việt Nam hiện xuất khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt sang 35 thị trường trên thế giới, trong đó Hồng Kông (Trung Quốc) là thị trường

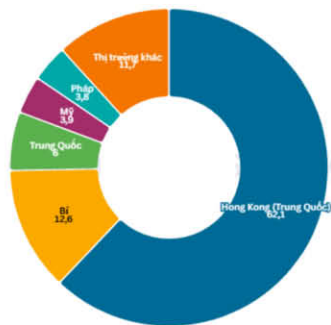
xuất khẩu lớn nhất. Tiếp đó là các thị trường EU, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản,...

Theo Cục Chăn nuôi và Thú y – Bộ NNMT, năm 2024, Việt Nam chủ yếu xuất khẩu thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (chiếm 42,6% về lượng và chiếm 57,4% về giá trị); thịt khác và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ của động vật khác tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (chiếm 34,9% về lượng và chiếm 26,8% về giá trị). Ngoài ra, Việt Nam còn xuất khẩu thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia cầm tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh...

Cụ thể, giá trị xuất khẩu sản phẩm ngành chăn nuôi năm 2024 đạt 533,6 triệu USD, tăng 6,5% so với năm 2023. Trong đó, có 122,9 triệu USD là sữa và sản phẩm từ sữa; 172,1 triệu USD thịt, phụ phẩm dạng thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của động vật. Ngoài ra, trong năm 2024, Việt Nam đã xuất khẩu khoảng 1.700 con lợn sống, tương đương 662 nghìn USD, 1.200 con bò sống.

Trong năm 2024, thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam xuất khẩu tới 35 thị trường. Hồng Kông (Trung Quốc) vẫn là thị trường xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt lớn nhất của Việt Nam với 8.600 tấn, đạt 51,99 triệu USD, tăng 9,7% về lượng và 6,6% về giá trị so với cùng kỳ. Hồng Kông (Trung Quốc) chủ yếu nhập từ Việt Nam thịt lợn sữa nguyên con đông lạnh và thịt lợn nguyên con đông lạnh.

Bên cạnh đó, thịt và sản phẩm thịt của Việt Nam xuất khẩu sang một số thị trường ghi nhận tăng cả về lượng và kim ngạch như Bỉ, Pháp, Tây Ban Nha, Singapore, Lào. Ngược lại, một hàng này xuất khẩu sang một thị trường lại giảm về lượng và giá trị như Trung Quốc, Mỹ, Canada, Malaysia, Campuchia, Nhật Bản, Hà Lan...



*Tỷ trọng sản lượng xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt của Việt Nam sang các thị trường chính (%) năm 2024*  
 Nguồn: Tổng cục Hải quan, 2024

## PHẦN II

### QUY ĐỊNH CỦA VIỆT NAM VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT (SPS) ĐỐI VỚI ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU

Quy định của Việt Nam về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động vật (SPS) đối với động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu tập trung vào các nội dung: (1) Quy định về an toàn thực phẩm (ATTP); (2) Quy định về kiểm dịch động vật; (3) Kiểm soát chất ô nhiễm trong thực phẩm; (4) Kiểm soát dư lượng thuốc thú y ở động vật; (5) Quy định về truy xuất nguồn gốc; (6) Quy định về nhãn mác sản phẩm động vật và (7) Quy định về chăn nuôi hữu cơ. Danh sách các quy định liên quan đến các nội dung này được liệt kê dưới đây:

#### Danh sách quy định về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động vật (SPS) đối với động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu

Nhóm quy định về ATTP và kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật	Văn bản quy định	Nội dung quy định
Quy định về an toàn thực phẩm	Luật An toàn thực phẩm 2010	Quy định về bảo đảm ATTP, ghi nhãn thực phẩm, kiểm nghiệm thực phẩm, phân tích nguy cơ đối với ATTP,...
	Thông tư số 38/2018/TT-BN-NPTNT	Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ NNPTNT (nay là Bộ NNMT).
	Thông tư số 17/2024/TT-BN-NPTNT	Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ NNPTNT (nay là Bộ NNMT).

Quy định về kiểm dịch động vật	Luật Thú y năm 2015	Quy định về phòng bệnh, chống dịch bệnh động vật, kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát chế biến động vật, sản phẩm động vật,...
	Thông tư số 25/2016/TT-BN-NPTNT	Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.
	Thông tư số 09/2022/TT-BN-NPTNT	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.
	Thông tư số 04/2024/TT-BN-NPTNT	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.
	Thông tư số 28/2025/TT-BN-NMT	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.
Kiểm soát chất ô nhiễm trong thực phẩm động vật	Thông tư số 50/2016/TT-BYT	Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
	QCVN 8-2:2011/BYT	Quy định giới hạn kim loại nặng trong thực phẩm.
	QCVN 8-3:2012/BYT	Quy định giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
Kiểm soát dư lượng thuốc thú y ở động vật	Thông tư số 24/2013/TT-BYT	Quy định mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.
Quy định về truy xuất nguồn gốc	Thông tư số 17/2021/TT-BN-NPTNT	Quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý của Bộ NNPTNT (nay là Bộ NNMT).
Quy định về nhãn mác sản phẩm động vật	Nghị định số 43/2017/NĐ-CP	Quy định về nhãn hàng hóa.
	Nghị định số 111/2021/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP về nội dung, cách ghi về nhãn đối với hàng hóa lưu thông tại Việt Nam, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
Quy định về chăn nuôi hữu cơ	Nghị định số 109/2018/NĐ-CP	Quy định về sản xuất, chứng nhận, ghi nhãn, truy xuất nguồn gốc, kinh doanh, kiểm tra nhà nước sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.
	Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 11041-3:2017	Quy định các yêu cầu và nguyên tắc để sản xuất, chế biến, ghi nhãn các sản phẩm chăn nuôi theo phương pháp hữu cơ.

## 2.1. Quy định về an toàn thực phẩm

Quy định về ATTP của Việt Nam đối với động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu tập trung vào các yêu cầu cụ thể như tổng hợp dưới đây. Doanh nghiệp có thể tra cứu nội dung chi tiết tại các văn bản quy định hiện hành.

Yêu cầu quy định	Điều, khoản của văn bản quy định
Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận ATTP	Khoản 1, Điều 36, Luật An toàn thực phẩm 2010
Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP	Phụ lục V, Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT
Mẫu bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh ATTP	Phụ lục VI, Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT
Phương thức nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận ATTP	Điều 5, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT
Trình tự thẩm định cấp giấy chứng nhận ATTP	Khoản 16, Điều 1, Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT
Tần suất thẩm định đánh giá định kỳ	Điều 9, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018



## 2.2. Quy định về kiểm dịch động vật

Quy định về kiểm dịch động vật của Việt Nam đối với động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu được tổng hợp dưới đây:

Yêu cầu quy định	Điều, khoản của văn bản quy định
Quy định chung về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu	Điều 41, Luật Thú y 2015
Mẫu đơn đăng ký kiểm dịch	Mẫu 2 Phụ lục V, Thông tư số 07/VBHN-BN-NPTNT ngày 04/10/2022
Nội dung hồ sơ và trình tự kiểm dịch	Điều 42, Luật Thú y 2015
Kiểm soát động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu tại cửa khẩu	Điều 7, Thông tư số 07/VBHN-BNNPTNT ngày 04/10/2022



## 2.3. Kiểm soát chất ô nhiễm trong thực phẩm động vật

Các chất gây ô nhiễm là những chất không được thêm vào thực phẩm một cách có chủ ý, nhưng có thể xuất hiện do các giai đoạn khác nhau trong quá trình sản xuất, đóng gói, vận chuyển hoặc lưu giữ. Để tránh tác động tiêu cực đến chất lượng thực phẩm và nguy cơ đối với sức khỏe con người, mỗi thị trường xuất khẩu kiểm soát chất gây ô nhiễm trong thực phẩm bằng những quy định là khung pháp lý chung để đảm bảo thực phẩm lưu hành tại nước nhập khẩu an toàn, không chứa chất gây ô nhiễm ở mức có thể đe dọa sức khỏe con người.

Một số văn bản quy định có liên quan của Việt Nam:

1. Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế ban hành quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT quy định giới hạn kim loại nặng trong thực phẩm, chẳng hạn quy định giới hạn kim loại nặng trong thịt lợn:

- Hàm lượng Cadmi (Cd): 0,05 mg/kg;
- Hàm lượng Chì (Pb): 0,1 mg/kg; đối với phụ phẩm: 0,5 mg/kg;
- Hàm lượng Thiếc (Sn) trong sản phẩm đóng hộp: 200 mg/kg (sản phẩm đóng trong hộp tráng thiếc); 50 mg/kg (sản phẩm đóng trong hộp không tráng thiếc).

3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-3:2012/BYT về giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm, quy định giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thịt và sản phẩm thịt bao gồm các chỉ tiêu bắt buộc phải kiểm nghiệm khi tiến hành đánh giá hợp quy, cụ thể:

- *Salmonella*: Thịt và sản phẩm chế biến từ thịt sử dụng trực tiếp không cần xử lý nhiệt, thịt và sản phẩm chế biến từ thịt phải qua xử lý nhiệt trước khi sử dụng; Không phát hiện;
- *Tổng số vi sinh vật hiếu khí*: Thịt và sản phẩm chế biến từ thịt sử dụng trực tiếp không cần xử lý nhiệt, thịt và sản phẩm chế biến từ thịt phải qua xử lý nhiệt trước khi sử dụng:  $5 \times 10^5$  CFU/g;
- *E. coli*: Thịt và sản phẩm chế biến từ thịt sử dụng trực tiếp không cần xử lý nhiệt:  $5 \times 10^1$  CFU/g; thịt và sản phẩm chế biến từ thịt phải qua xử lý nhiệt trước khi sử dụng:  $5 \times 10^2$  CFU/g;
- *Tổng số vi sinh vật hiếu khí và E. coli* (không bắt buộc kiểm nghiệm nếu nhà sản xuất thực hiện kiểm soát mối nguy trong quá trình sản xuất theo HACCP hoặc GMP).



Thông tư số. 02/2011/TT-BYT  
BỘ Y TẾ

QCVN 8-2:2011/BYT

**QCVN**

8-3:2012/BYT

## 2.4. Kiểm soát dư lượng thuốc thú y ở động vật

Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm có nguồn gốc động vật tại Việt Nam được quy định tại **Thông tư 24/2013/TT-BYT** ngày 14/8/2013 của Bộ Y tế đối với các nhóm: thuốc kích thích tăng trưởng, thuốc kháng khuẩn, thuốc gây mê, thuốc kích thích thụ thể, thuốc tẩy giun sán, thuốc trừ sâu...

Quy định này là cơ sở pháp lý cho việc kiểm soát dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm có nguồn gốc động vật. Thông thường, các nước muốn xuất khẩu thực phẩm có nguồn gốc động vật sang các thị trường nhập khẩu phải nộp kế hoạch giám sát dư lượng hàng năm đối với các mặt hàng xuất khẩu theo quy định của từng thị trường. Sau khi kế hoạch được phê duyệt, những quốc gia được duyệt sẽ được liệt kê trong Quy định của nước nhập khẩu. Việc được đưa vào “danh sách dư lượng” này là điều kiện tiên quyết để xuất khẩu thực phẩm có nguồn gốc động vật. Các yêu cầu về sức khỏe cộng đồng và sức khỏe động vật cũng cần được tuân thủ.

Mức MRL đối với các hoạt chất dược lý trong thực phẩm có nguồn gốc động vật, chẳng hạn như thuốc kháng sinh. Mức MRL cũng được quy định cụ thể trong thực phẩm có nguồn gốc động vật. Nếu thực phẩm có dư lượng của một hoạt chất không có trong danh sách quy định hay vượt quá nồng độ tối đa cho phép thì sẽ không được cho phép lưu hành ở thị trường nhập khẩu.



## 2.5. Quy định về truy xuất nguồn gốc

Truy xuất nguồn gốc là khả năng nhận diện, theo dõi một đơn vị sản phẩm thông qua tất cả các giai đoạn sản phẩm đó trải qua trong chuỗi cung ứng, từ nguồn nguyên liệu, sản xuất, chế biến, vận chuyển và phân phối ra thị trường. Tại Việt Nam, quy định về truy xuất nguồn gốc đối với thực phẩm được thực hiện theo Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

Ở các thị trường nhập khẩu, các hàng hóa, đặc biệt là tất cả thực phẩm khi thâm nhập vào thị trường phải chứng minh nguồn gốc bằng chứng từ, tài liệu của những người đã mua thực phẩm và người cung cấp. Để thực hiện nghĩa vụ của mình, các nhà nhập khẩu yêu cầu các tài liệu chứng minh truy xuất nguồn gốc từ các nhà cung cấp. Điều này cho thấy tầm quan trọng của một hệ thống lưu trữ hồ sơ tại chỗ để cung cấp thông tin theo yêu cầu của nhà nhập khẩu. Truy xuất nguồn gốc hàng hóa có nguồn gốc động vật được nêu tại quy định cụ thể của từng thị trường nhập khẩu.

## 2.6. Quy định về ghi nhãn các sản phẩm động vật

Ngày 09/12/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 111/2021/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa. Theo đó, nhãn của hàng hóa xuất khẩu trong đó có thực phẩm thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật nước nhập khẩu. Các quy định của thị trường nhập khẩu về ghi nhãn rất rõ ràng. Nhãn sản phẩm gồm các thông tin chính sau đây. Tham khảo chi tiết tại Website của Văn phòng TBT Việt Nam (theo đường link: <https://tbt.gov.vn/tra-cuu-tai-lieu/?category=hoi-dap-ve-tbt>):

- Tên của sản phẩm, bao gồm tên thương mại và tên khoa học;
- Danh sách các thành phần;
- Phương pháp sản xuất;
- Xuất xứ: tham chiếu quốc gia nơi chúng được sản xuất;
- Khối lượng tịnh: khối lượng tịnh phải được đề cập trên các sản phẩm đóng gói sẵn;
- Ngày có độ bền tối thiểu, bao gồm ngày, tháng và năm, theo thứ tự đó và đứng trước các từ “tốt nhất trước” hoặc “tốt nhất trước khi kết thúc” hoặc ngày “sử dụng trước”;
- Người bán ở nước nhập khẩu - tên hoặc tên doanh nghiệp và địa chỉ của nhà sản xuất, đóng gói hoặc người bán được thành lập;

- Bao bì phải có số phê duyệt của nước nhập khẩu; Bao bì cũng phải có “số lô”, là số được cấp cho các sản phẩm thuộc cùng một lô từ cùng một nhà xuất khẩu;
- Dinh dưỡng – thành phần và giá trị dinh dưỡng phải được đề cập đến.

## 2.7. Quy định về sản phẩm hữu cơ

Theo quy định tại Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ, sản phẩm động vật hữu cơ là thực phẩm có nguồn gốc động vật được sản xuất, chứng nhận và ghi nhãn phù hợp theo quy định từ quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, vận chuyển, bảo quản phù hợp với tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ. Đối với các sản phẩm hữu cơ xuất khẩu phải được chứng nhận bởi tổ chức, quốc gia ban hành tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài thừa nhận bằng văn bản. Việt Nam đã ban hành Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 11041-3:2017 về Chăn nuôi hữu cơ với các quy định cụ thể có liên quan đến động vật và sản phẩm động vật.

Để xuất khẩu sản phẩm hữu cơ, nhà sản xuất phải được chấp thuận cho sản xuất hữu cơ. Thủ tục phê duyệt tùy thuộc vào việc nước xuất khẩu có được thị trường nhập khẩu công nhận tương đương cấp tương đương hay không. Công nhận tương đương được cấp sau khi cơ quan có thẩm quyền của thị trường nhập khẩu hoàn thành thủ tục đánh giá và chứng nhận đối với các trang trại hữu cơ. Tất cả các loại thực phẩm hữu cơ phải được thông báo trước khi đến biên giới của nước nhập khẩu và chịu sự kiểm soát tại biên giới trước khi được phép nhập khẩu vào thị trường đó.



04 tiêu chuẩn trong chăn nuôi hữu cơ theo quy định của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA)

## PHẦN III

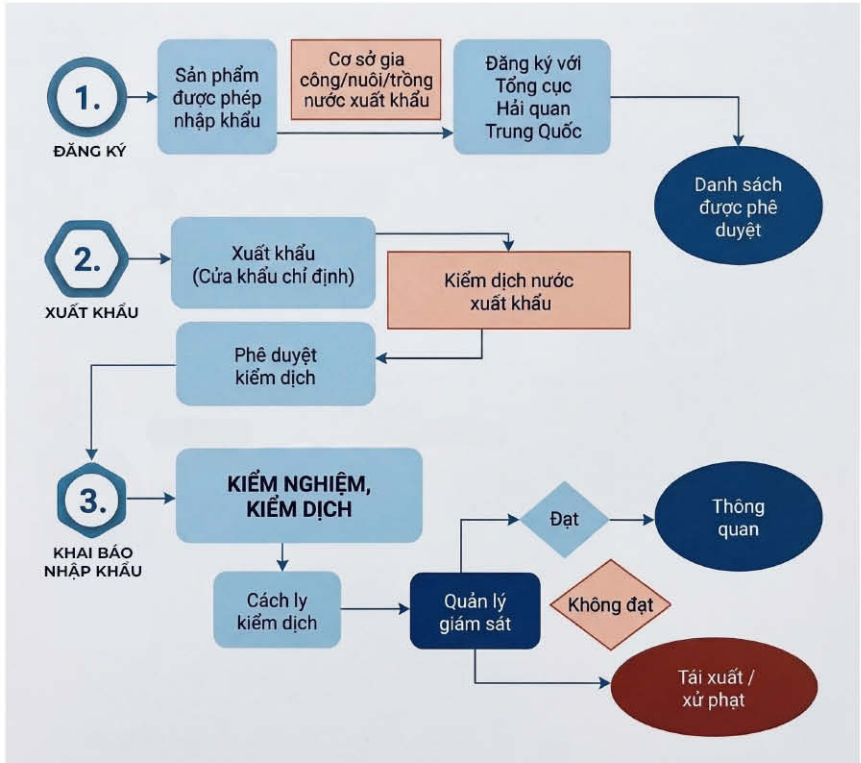
# QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT (SPS) CỦA CÁC THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU CHÍNH ĐỐI VỚI ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

### 3.1. Quy định về SPS của Trung Quốc đối với động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu

#### 3.1.1. Quy định chung

- Quốc gia xuất khẩu sản phẩm động vật phải bảo đảm an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH) và của Trung Quốc, nhất là đối với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở động vật (như cúm gia cầm, nhiệt thán, lao bò, lở mồm long móng,...).
- Quốc gia xuất khẩu phải có Chương trình quốc gia phòng chống dịch bệnh động vật, giám sát các yêu cầu về vệ sinh thú y đối với loại động vật và sản phẩm động vật tương ứng.
- Sản phẩm động vật xuất khẩu phải được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia xuất khẩu giám sát theo chuỗi từ nguồn nguyên liệu cho đến sản phẩm thành phẩm cuối cùng.
- Các doanh nghiệp xuất khẩu phải được cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế và cấp phép xuất khẩu.
- Lô hàng xuất khẩu phải kèm theo Giấy chứng nhận kiểm dịch do cơ quan thú y có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp và chứng nhận phải bảo đảm an toàn dịch bệnh và bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh thú y, đồng thời phải gửi ngay cho cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc.

Đối với mỗi loại sản phẩm nhập khẩu đều có yêu cầu về kiểm nghiệm, kiểm dịch cụ thể, tuy nhiên nhà sản xuất/xuất khẩu đều phải tuân thủ quy trình kiểm dịch động vật chung như mô tả dưới đây khi thực hiện xuất khẩu sản phẩm nông sản sang thị trường Trung Quốc.



Hình 2. Quy trình kiểm dịch nông sản vào thị trường Trung Quốc

Ngày 14/10/2025, Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) ban hành Nghị định số 280 quy định về đăng ký cơ sở sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài, thay thế Lệnh số 248, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2026. Một số thay đổi chính giữa Lệnh số 248 và Nghị định số 280 của GACC như sau:

## So sánh thay đổi giữa Lệnh số 248 và Nghị định 280 của GACC

STT	Nội dung so sánh	Lệnh số 248	Văn bản quy định	Nội dung quy định
1	Nguyên tắc Quản lý và Phân loại	Yêu cầu điều kiện tiên quyết: "Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của quốc gia (khu vực) sở tại thông qua đánh giá, thẩm tra tương đương của GACC" (Điều 5(1)).	Áp dụng "Quản lý Phân loại theo Rủi ro" (Risk-based Classification Management): Việc phân loại dựa trên đánh giá hệ thống, tình hình an toàn thực phẩm của quốc gia và mức độ rủi ro của sản phẩm để xác định các yêu cầu quản lý khác nhau (Điều 5).	Linh hoạt và dựa trên rủi ro hơn. Loại bỏ điều kiện bắt buộc về đánh giá tương đương hệ thống tại Điều kiện đăng ký cơ bản.
2	Danh mục sản phẩm		Liệt kê cố định danh mục sản phẩm bắt buộc phải có thư của cơ quan có thẩm quyền giới thiệu (Điều 6).	
3	Cơ chế Gia hạn Đăng ký	Nhà sản xuất phải nộp đơn xin gia hạn trong vòng 3 đến 6 tháng trước khi hết hạn (Điều 20).	Áp dụng Cơ chế Gia hạn tự động (Automatic Renewal), thời gian gia hạn là 5 năm, trừ các trường hợp ngoại lệ (Điều 22). Mã đăng ký có hiệu lực tự động được kéo dài thêm 5 năm, trừ 3 trường hợp: - Sản phẩm nằm trong danh sách không tự động gia hạn. - Doanh nghiệp đang trong thời gian chỉnh sửa vì không đáp ứng yêu cầu. - GACC tạm dừng nhập khẩu thực phẩm liên quan của quốc gia/khu vực đó. Tuy nhiên GACC sẽ ban hành danh mục danh mục không được tự động gia hạn (Điều 22)	Giảm gánh nặng hành chính cho các doanh nghiệp tuân thủ.

4	P h ư ơ n g thức Đăng ký đặc biệt		Đăng ký theo danh sách các doanh nghiệp dựa trên việc hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của quốc gia thông qua đánh giá tương đương (Điều 17).	Áp dụng "Đăng ký theo Danh sách" ( 清單注册方式 - List Registration) đối với các nước có hệ thống được GACC công nhận à đã ký kết thỏa thuận hợp tác an toàn thực phẩm song phương (Điều 17).
5	Thay đổi Thông tin Đăng ký/ Đăng ký lại	Nếu thay đổi địa điểm sản xuất, người đại diện pháp luật, hoặc số đăng ký nước sở tại thì phải đăng ký lại, và số đăng ký tại Trung Quốc tự động hết hiệu lực (Điều 19).	Cụ thể và nghiêm ngặt hơn: Nếu có thay đổi gây ảnh hưởng lớn đến hệ thống quản lý an toàn vệ sinh (như di dời địa điểm, thay đổi người đại diện pháp luật, thay đổi số đăng ký nước sở tại), GACC sẽ không cho phép thay đổi, số đăng ký tại Trung Quốc hết hiệu lực kể từ ngày thông báo (Điều 20).	Nhấn mạnh yêu cầu quản lý nghiêm ngặt khi có thay đổi lớn ảnh hưởng đến rủi ro.
6	Phạm vi áp dụng (Làm rõ)	Chỉ đề cập chung đến "nhà sản xuất, chế biến, lưu trữ" (Điều 2).	Phạm vi các doanh nghiệp nước ngoài bảo quản (kho lạnh, kho trung chuyển) phải đăng ký theo quy định này sẽ do Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) công bố riêng. Việc đăng ký các cơ sở sản xuất nông sản sơ cấp dùng trực tiếp làm thực phẩm (ví dụ: trái cây, ngũ cốc, rau tươi...) sẽ được GACC ban hành quy định riêng. Đối với doanh nghiệp sản xuất thực phẩm phục vụ thương mại điện tử xuyên biên giới, việc quản lý được thực hiện theo các quy định hiện hành có liên quan. (Điều 30)	Làm rõ phạm vi quản lý riêng:

7	Thời hạn hiệu lực	Có hiệu lực từ 01/01/2022 (Điều 28).	Có hiệu lực từ 01/06/2026 (Điều 33).	Cung cấp thời gian chuyển tiếp dài (hơn 6 tháng), tuân thủ thỏa thuận WTO/SPS.
---	-------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--

### 3.1.1. Quy định chung

Thực phẩm nhập khẩu phải tuân thủ luật pháp và quy định của Trung Quốc và các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm, các yêu cầu đặc thù của điều ước và thỏa thuận quốc tế mà Trung Quốc đã ký kết hoặc tham gia và phải phù hợp các yêu cầu của các hiệp định, điều ước quốc tế.

Trường hợp nhập khẩu thực phẩm chưa có tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm, cần tuân theo các yêu cầu của tiêu chuẩn có liên quan sử dụng tạm thời do Ủy ban quản lý Y tế của Quốc vụ viện ban hành.

Thực phẩm được sản xuất bằng nguyên liệu thực phẩm mới phải có giấy phép quản lý y tế về nguyên liệu thực phẩm mới của Ủy ban quản lý Y tế của Quốc vụ viện theo quy định tại Điều 37 của Luật An toàn thực phẩm của Trung Quốc.

### 3.1.3. Tiêu chuẩn áp dụng

Trong bất kỳ trường hợp nào sau đây, GACC có thể tiến hành đánh giá và kiểm tra đối với quốc gia (khu vực) xuất khẩu:

(1) Một quốc gia (khu vực) xin xuất khẩu lần đầu tiên một loại thực phẩm nhất định sang Trung Quốc;

(2) Quốc gia (khu vực) xuất khẩu đã có những điều chỉnh lớn trong cơ cấu tổ chức, luật và quy định về an toàn thực phẩm, kiểm dịch động thực vật;

(3) Cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) xuất khẩu đề nghị điều chỉnh lớn đối với các yêu cầu kiểm tra và kiểm dịch của một loại (loài) thực phẩm nhất định xuất khẩu vào Trung Quốc;

(4) Xảy ra dịch bệnh lớn trên động vật hoặc sự cố về an toàn thực phẩm ở nước ngoài (khu vực);

(5) Hải quan phát hiện vấn đề nghiêm trọng trong thực phẩm xuất khẩu vào Trung Quốc, cho rằng có dịch bệnh động vật hoặc tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn thực phẩm;

(6) Các tình huống khác cần đánh giá và xem xét.

#### **3.1.4. Nội dung và hình thức đánh giá rủi ro**

Dựa trên quy định liên quan về quản lý rủi ro và quy định hành chính về kiểm tra hàng hóa nhập khẩu, Hải quan Trung Quốc thực hiện đánh giá sự phù hợp đối với thực phẩm nhập khẩu. Hoạt động đánh giá sự phù hợp của thực phẩm nhập khẩu bao gồm:

- Đánh giá, rà soát hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của các nước (khu vực) xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc;
- Đăng ký doanh nghiệp sản xuất nước ngoài;
- Bảo đảm hợp quy và hồ sơ nhà xuất nhập khẩu;
- Phê duyệt kiểm dịch động vật nhập cảnh;
- Kiểm tra các chứng chỉ năng lực kèm theo, xem xét tài liệu;
- Kiểm tra tại chỗ, giám sát và kiểm tra ngẫu nhiên;
- Kiểm tra hồ sơ nhật ký nhập khẩu và bán hàng;
- Và kết hợp nhiều hạng mục khác nhau.

GACC có thể tổ chức cho các chuyên gia thực hiện đánh giá, thẩm tra thông qua các hình thức, kết hợp giữa thẩm tra:

- Tài liệu;
- Kiểm tra video;
- Kiểm tra tại chỗ.

### 3.1.5. Xử lý kết quả đánh giá rủi ro

- Thực phẩm nhập khẩu nếu đã được cơ quan hải quan đánh giá hợp quy thì được phép nhập khẩu.
- Nếu thực phẩm nhập khẩu được cơ quan hải quan đánh giá là không hợp quy thì hải quan cấp giấy xác nhận không hợp quy; nếu không đủ điều kiện về an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường thì hải quan thông báo bằng văn bản cho nhà nhập khẩu thực phẩm để có trách nhiệm tiêu hủy hoặc trả lại; nếu là các hạng mục khác không đủ tiêu chuẩn, thông qua xử lý kỹ thuật đáp ứng yêu cầu đánh giá sự phù hợp mới được nhập khẩu. Trường hợp các hạng mục liên quan của thực phẩm nhập khẩu không được xử lý kỹ thuật trong thời gian quy định hoặc sau khi xử lý kỹ thuật vẫn không đạt chất lượng thì hải quan ra lệnh tiêu hủy hoặc trả lại đơn vị nhập khẩu thực phẩm.

### 3.1.6. Kiểm dịch và phê duyệt kiểm dịch tại cửa khẩu

Theo nhu cầu của quản lý rủi ro, Hải quan có thể triển khai chỉ định các cảng/cửa khẩu nhập khẩu thực phẩm và chỉ định các địa điểm kiểm tra, giám sát. Tổng cục Hải quan Trung Quốc công bố danh sách các cảng/cửa khẩu và địa điểm giám sát được chỉ định.

Hải quan thực hiện kiểm dịch và kiểm tra, phê duyệt kiểm dịch đối với thực phẩm nhập khẩu phải kiểm tra, phê duyệt kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

Căn cứ nhu cầu giám sát và quản lý, hải quan sẽ tiến hành kiểm tra tại chỗ đối với thực phẩm nhập khẩu, kiểm tra tại chỗ, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau:

- (1) Phương tiện vận chuyển và nơi bảo quản có đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh hay không;
- (2) Số container, số niêm phong, nội dung ghi nhãn trên bao bì bên trong và bên ngoài, tình trạng thực tế của hàng hóa có phù hợp với thông tin khai báo và các chứng từ kèm theo hay không;

(3) Thực phẩm nguồn gốc động vật, bao bì và vật liệu lót chuồng có tồn tại các điều kiện trong quy định tại Điều 22 của “Quy định thi hành Luật Kiểm dịch động thực vật xuất nhập cảnh” hay không;

(4) Bao bì bên trong và bên ngoài có đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm hay không và có bị nhiễm bẩn, hư hỏng, ngấm ướt hoặc thấm thấu hay không;

(5) Nhãn, biểu tượng và hướng dẫn trên bao bì bên trong và bên ngoài có đáp ứng các yêu cầu của pháp luật, quy phạm hành chính, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia và quy định của Tổng cục Hải quan Trung Quốc hay không;

(6) Các đặc tính cảm quan của thực phẩm có đáp ứng các đặc tính nên có của thực phẩm hay không;

(7) Độ tươi của thực phẩm đông lạnh và làm lạnh, nhiệt độ lõi có đáp ứng yêu cầu không, có biến đổi bệnh lý không, nhiệt độ của môi trường làm lạnh và đông lạnh có đáp ứng yêu cầu của các tiêu chuẩn liên quan hay không, thiết bị và phương tiện kiểm soát nhiệt độ dây chuyền lạnh hoạt động bình thường hay không, ghi chép nhiệt độ có đáp ứng các yêu cầu hay không và có thể được thực hiện nếu cần thử nghiệm nữa.

### 3.1.7. Quy định ghi nhãn và đóng gói thực phẩm

Việc đóng gói, ghi nhãn và nhận dạng thực phẩm nhập khẩu phải tuân theo luật, quy định và các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc; nếu theo quy định cần có hướng dẫn thì phải có hướng dẫn bằng tiếng Trung Quốc.



Đối với các sản phẩm thịt tươi sống và đông lạnh nhập khẩu, bao bì bên trong và bên ngoài phải có nhãn hiệu chắn chắn, rõ ràng, để

đọc bằng tiếng Trung Quốc/ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc và nước xuất khẩu (khu vực), thể hiện rõ như sau: quốc gia (khu vực) xuất xứ, tên sản phẩm, số đăng ký của nhà sản xuất, số lô sản xuất; bao bì bên ngoài phải ghi thông số kỹ thuật, nơi sản xuất (cụ thể đến tỉnh/thành phố), nơi đến, ngày sản xuất, hạn sử dụng, nhiệt độ bảo quản, v.v., bằng tiếng Trung Quốc và điểm đến phải ghi rõ là Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, cộng với dấu kiểm dịch và kiểm dịch chính thức cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) xuất khẩu.

Nhãn của Trung Quốc đối với thực phẩm chức năng nhập khẩu và thực phẩm dinh dưỡng đặc biệt phải được in trên bao bì tiêu thụ nhỏ nhất mà không được dán lên.

Trường hợp thực phẩm nhập khẩu có quy định ghi nhãn đặc biệt thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

*Lưu ý: Trong quá trình giám sát thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu, cơ quan Hải quan phát hiện thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu không dán nhãn tiếng Trung Quốc hoặc nhãn tiếng Trung Quốc không tuân thủ pháp luật, quy định và tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia, doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm không chấp hành tiêu hủy, trả lại hoặc xử lý kỹ thuật theo yêu cầu của Hải quan, thì phạt cảnh cáo hoặc phạt tối đa 10 nghìn nhân dân tệ.*

### **3.1.8. Minh họa quy định về SPS của Trung Quốc đối với sản phẩm sữa nhập khẩu**

#### *Chủng loại được phép nhập khẩu*

Các sản phẩm sữa Việt Nam nhập khẩu vào Trung Quốc là thực phẩm chế biến từ sữa nguyên liệu và được xử lý nhiệt, bao gồm sữa tươi tiệt trùng, sữa tiệt trùng, sữa pha chế, sữa lên men, phô mai và phô mai chế biến, kem, bơ, sữa đặc, sữa bột, bột whey, bột protein whey, bột sữa non, casein, muối khoáng sữa, sữa bột dành cho trẻ em và sữa trộn sẵn (hoặc bột nền), v.v.

#### *Giấy phép kiểm dịch*

Nhập khẩu sữa tiệt trùng và sữa hoàn nguyên từ Việt Nam được sản xuất theo quy trình thanh trùng phải được kiểm duyệt trước và được cấp giấy phép kiểm dịch động vật và thực vật nhập cảnh của Trung Quốc trước khi thực hiện nhập khẩu vào nước này.

#### *Yêu cầu đáp ứng*

Đảm bảo yêu cầu về an toàn dịch bệnh: giám sát bệnh lở mồm long móng, lao bò và nhiệt thán tại các trang trại bò sữa; đảm bảo yêu cầu về an toàn thực phẩm, có chương trình quốc gia giám sát các chất tồn dư độc hại trong sữa và sản phẩm sữa và đáp ứng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm của Trung Quốc.

#### *Nhà sản xuất xuất khẩu*

Chỉ doanh nghiệp đã đăng ký và được Trung Quốc chấp thuận mới được xuất khẩu sữa và sản phẩm sữa vào Trung Quốc. Danh sách có thể tra cứu tại website của GACC.

#### *Lưu trữ, đóng gói, ghi nhãn và vận chuyển*

Các sản phẩm sữa Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc phải được đóng gói bằng các nguyên liệu mới tuân thủ các tiêu chuẩn có liên quan của Trung Quốc.

Bao bì bên ngoài phải được đánh dấu bằng thông số kỹ thuật của Trung Quốc và tiếng Anh (cụ thể theo tỉnh/thành phố), điểm đến như:

- a. Tên sản phẩm;
- b. Trọng lượng;
- c. Tên nhà sản xuất;
- d. Số đăng ký;
- e. Số lô sản xuất;
- f. Điều kiện bảo quản;
- g. Ngày sản xuất và hạn sử dụng.

Bao bì bên trong phải tuân theo các quy định có liên quan của Trung Quốc, nhãn phải ghi rõ xuất xứ gồm:

- a. Tên sản phẩm;
- b. Số đăng ký công ty;
- c. Tên và địa chỉ của nhà sản xuất;
- d. Thông tin liên hệ;
- e. Ngày sản xuất và hạn sử dụng;
- f. Số lô.

Toàn bộ quá trình bảo quản và vận chuyển các sản phẩm sữa Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc cần đáp ứng các điều kiện vệ sinh để ngăn ngừa ô nhiễm bởi các chất độc và có hại.

Sau khi hàng hóa được xếp vào container, cần niêm phong và đóng dấu, số niêm phong phải được ghi rõ trong giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đã được cấp trước đó, không mở hoặc thay thế bao bì trong suốt quá trình vận chuyển.

## **3.2. Quy định về SPS của Hồng Kông (Trung Quốc) đối với động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu**

### **3.2.1. Quy định chung**

Quy định về an toàn thực phẩm, vệ sinh dịch tễ của Hồng Kông (Trung Quốc) được quy định tại Phần V của Luật Y tế Công cộng và Dịch vụ Đô thị (Chương 132), Luật An toàn thực phẩm (Chương 612) và các văn bản pháp luật bổ sung. Các quy định pháp lý cơ bản nghiêm cấm việc bán thực phẩm không phù hợp để tiêu thụ cho con người, như được quy định tại Mục 54 của Luật Y tế Công cộng và Dịch vụ Đô thị. Các tiêu chí và yêu cầu cụ thể đối với nhập khẩu thịt thú săn, thịt, gia cầm và trứng được quy định trong Quy định về Thịt thú săn, Thịt, Gia cầm và Trứng nhập khẩu của Luật (tham khảo tại đường link: [https://www.cfs.gov.hk/sc\\_chi/index.html](https://www.cfs.gov.hk/sc_chi/index.html)).

Cục Vệ sinh Thực phẩm và Môi trường (FEHD) là cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm thực hiện các chính sách kiểm soát an toàn thực phẩm và thực thi pháp luật liên quan. FEHD thực hiện quyền hạn được quy định tại Điều 62 (1) của Luật Y tế Công cộng và Dịch vụ Đô thị Hồng Kông (Trung Quốc) để thu thập mẫu thực phẩm nhập khẩu tại các cửa khẩu nhập khẩu khác nhau để phân tích vi sinh và hóa học nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm. Sau khi thu thập mẫu thực phẩm, FEHD sẽ trả lại mẫu cho nhà nhập khẩu với giá trị được tính theo giá thị trường. Do giá thị trường của thực phẩm rất khó xác định tại thời điểm nhập khẩu, nhân viên của FEHD sẽ gửi thông báo cho nhà nhập khẩu, trong đó nêu chi tiết các mặt hàng và số lượng mẫu đã lấy. Sau đó, nhà nhập khẩu có thể nộp thông báo này cùng với hóa đơn mẫu cho FEHD để được hoàn lại giá trị thị trường của mẫu.



*Xử lý trứng gia cầm tươi trước khi đóng hộp xuất khẩu*

### **3.2.2. Giấy phép nhập khẩu**

Việc nhập khẩu thịt đông lạnh, thịt ướp lạnh, gia cầm đông lạnh hoặc gia cầm ướp lạnh vào Hồng Kông (Trung Quốc) phải có giấy phép nhập khẩu theo Luật Xuất nhập khẩu (Chương 60). FEHD là cơ quan được chỉ định chịu trách nhiệm cấp giấy phép nhập khẩu cho các loại thực phẩm nêu trên.

Thịt bao gồm thịt bò, thịt cừu, thịt lợn, thịt bê hoặc thịt cừu non và nội tạng của động vật mà chúng được lấy ra. Gia cầm bao gồm thân thịt hoặc bất kỳ bộ phận nào của gà, vịt, ngỗng hoặc gà tây thuần hóa, và bất kỳ bộ phận nào của những loài gia cầm này có thể ăn được hoặc được sử dụng để chế biến thực phẩm.

### *Thủ tục nộp đơn*

- Các nhà nhập khẩu thịt đông lạnh, thịt ướp lạnh, gia cầm đông lạnh hoặc gia cầm ướp lạnh phải nộp đơn xin giấy phép nhập khẩu từ FEHD.
- Mỗi lô hàng thịt đông lạnh, thịt ướp lạnh, gia cầm đông lạnh và gia cầm ướp lạnh đều phải có giấy phép nhập khẩu. Đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu phải kèm theo giấy chứng nhận y tế hợp lệ do cơ quan có thẩm quyền của một tổ chức cấp phép được công nhận tại nơi xuất xứ của lô hàng liên quan cấp, hoặc được sự chấp thuận đặc biệt của FEHD.
- Người nộp đơn không phải trả bất kỳ khoản phí nào để xử lý giấy phép nhập khẩu.

Sau khi Luật An toàn Thực phẩm có hiệu lực đầy đủ vào ngày 01/02/2012, giấy phép nhập khẩu thịt đông lạnh, thịt ướp lạnh, gia cầm đông lạnh và gia cầm ướp lạnh sẽ chỉ được cấp cho các nhà nhập khẩu đã đăng ký theo Chương trình Đăng ký Nhà nhập khẩu và Nhà phân phối Thực phẩm hoặc cho các thương nhân thực phẩm được miễn trừ theo Luật An toàn Thực phẩm (tức là các nhà nhập khẩu hoặc nhà phân phối thực phẩm đã đăng ký hoặc được cấp phép theo các sắc lệnh khác (chi tiết được liệt kê trong Phụ lục 1 của Luật An toàn Thực phẩm). Do đó, các công ty nhập khẩu có ý định nhập khẩu thịt và gia cầm trước tiên phải đăng ký với FEHD theo Luật An toàn Thực phẩm. Để biết chi tiết về hệ thống đăng ký và thủ tục đăng ký, vui lòng truy cập "Hướng dẫn về Chương trình Đăng ký cho Nhà nhập khẩu và Nhà phân phối Thực phẩm" tại đường link: <https://www.cfs.gov.hk/foodsafetyord/>

### *Thời hạn hiệu lực*

Giấy phép nhập khẩu thường có hiệu lực trong sáu tuần kể từ ngày cấp và chỉ có hiệu lực cho một lô hàng.

### *Nộp giấy phép nhập khẩu*

Sau khi đơn xin cấp phép nhập khẩu được chấp thuận, FEHD sẽ cấp giấy phép nhập khẩu cho nhà nhập khẩu. Chủ tàu, máy bay hoặc phương tiện nhập khẩu thịt hoặc gia cầm phải nộp giấy phép nhập khẩu và bản kê khai hàng hóa cho Cục Thương mại và Công nghiệp Hồng Kông (TID) trong vòng 14 ngày kể từ ngày thực phẩm được nhập khẩu.

### **3.2.3. Nhà nhập khẩu**

Các nhà nhập khẩu thực phẩm có trách nhiệm duy trì liên lạc chặt chẽ với các nước xuất khẩu để đảm bảo rằng thịt thú săn, thịt, gia cầm hoặc trứng mà họ nhập khẩu tuân thủ luật pháp Hồng Kông (Trung Quốc). Các nhà nhập khẩu nên đặc biệt chú ý đến các quy trình cụ thể để đảm bảo rằng thịt thú săn, thịt, gia cầm hoặc trứng nhập khẩu đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh. Luật An toàn Thực phẩm (Chương 612) có hiệu lực đầy đủ từ ngày 01 tháng 02 năm 2012. Điều 4 và 5 của Luật quy định rằng bất kỳ cá nhân nào kinh doanh nhập khẩu/phân phối thực phẩm đều phải đăng ký với FEHD với tư cách là nhà nhập khẩu/phân phối thực phẩm.

### **3.2.4. Quy định đối với thịt, gia cầm hoặc trứng nhập khẩu**

Điều 4(1) của Quy định về Thịt thú săn, Thịt, Gia cầm và Trứng nhập khẩu của Luật An toàn Thực phẩm quy định rằng thịt, gia cầm hoặc trứng nhập khẩu phải kèm theo giấy chứng nhận y tế do một cơ quan cấp phép được FEHD phê duyệt cấp. Để đạt được mục đích này, Đạc khu Hành chính Hồng Kông (Trung Quốc) phải thiết lập một cơ chế nhập khẩu liên quan với nơi xuất xứ của thịt, gia cầm hoặc trứng. Trong quá trình thiết lập cơ chế này, cơ quan cấp phép hoặc cơ quan chính quyền liên quan khác tại nơi xuất xứ phải cung cấp cho FEHD thông tin cụ thể về nơi xuất xứ để FEHD đánh giá và xem xét, bao gồm:

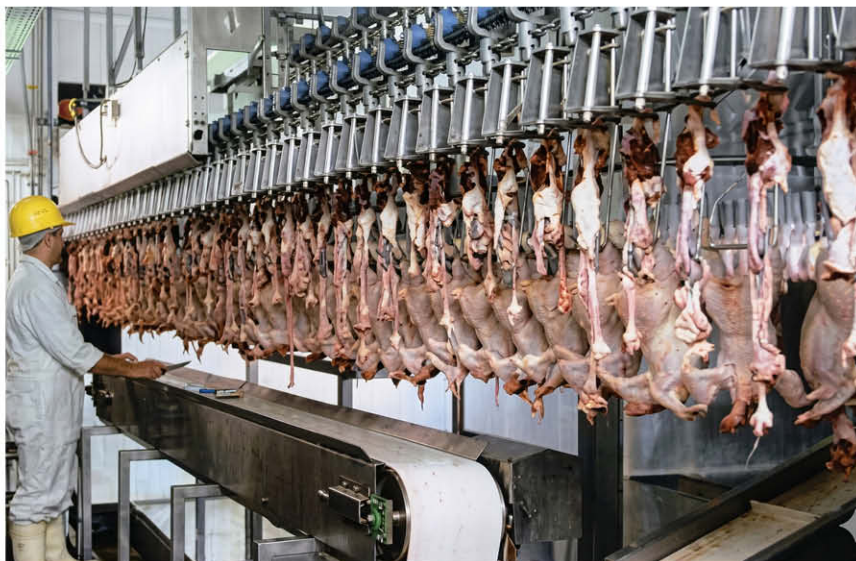
- a. Tình trạng bệnh tật của động vật;
- b. Các tiêu chuẩn vệ sinh của thịt, gia cầm hoặc trứng;
- c. Thông tin chi tiết về địa điểm sản xuất và các hoạt động liên

quan đến sản xuất thịt, gia cầm hoặc trứng;

d. Thông tin chi tiết về các thủ tục kiểm tra trước và sau khi giết mổ đối với thịt hoặc gia cầm, và trình độ của nhân viên chịu trách nhiệm kiểm tra các hoạt động đó;

e. Hồ sơ giấy chứng nhận thú y và sức khỏe;

f. Tên chính thức của cơ quan cấp giấy chứng nhận thú y và y tế.



Các nhà nhập khẩu muốn nhập khẩu thịt, gia cầm hoặc trứng có thể tham khảo cơ chế nhập khẩu thực phẩm hiện hành để xác định xem thực phẩm đó có đáp ứng các yêu cầu nhập khẩu vào Hồng Kông (Trung Quốc) hay không. Các nhà nhập khẩu nên đảm bảo rằng thông tin trên giấy chứng nhận y tế của thực phẩm liên quan (nếu có) phải nhất quán với thông tin trong cơ chế nhập khẩu thực phẩm, đặc biệt là bản chất của hoạt động sản xuất tại cơ sở liên quan. Khi xin giấy phép nhập khẩu thịt (ví dụ: thịt bò/thịt cừu/thịt lợn), các nhà nhập khẩu phải cung cấp thông tin về các lò giết mổ và nhà máy chế biến/xẻ thịt được phê duyệt dựa trên giấy chứng nhận y tế. Đối với nhập khẩu gia cầm, các nhà nhập khẩu cũng phải

cung cấp thông tin về các lò giết mổ và/hoặc nhà máy chế biến/xé thịt được phê duyệt khi nộp đơn. Việc không cung cấp thông tin này có thể gây trở ngại cho việc nhập khẩu thực phẩm hoặc cấu thành hành vi vi phạm pháp luật liên quan.

Luật Y tế Công cộng và Dịch vụ Đô thị Hồng Kông (Chương 132) Phần V (Thực phẩm và Dược phẩm) Quy định về thịt thú săn, thịt, gia cầm và trứng nhập khẩu, Điều 4 quy định:

- Cấm nhập khẩu thịt hoặc gia cầm nếu: (i) không có giấy chứng nhận sức khỏe; hoặc (ii) trong trường hợp thịt hoặc gia cầm đã được chuyển tải - nhập khẩu mà không có giấy phép nhập khẩu;
- Cấm nhập khẩu trứng nếu: (i) Không có giấy chứng nhận sức khỏe; (ii) trong trường hợp trứng đã được chuyển tải - nhập khẩu mà không có giấy phép nhập khẩu; (iii) không có sự cho phép bằng văn bản của viên chức y tế được đưa ra; hoặc (iv) không tuân thủ điều kiện do nhân viên y tế đưa ra.

### **3.2.5. Quy định đối với nhập khẩu sữa và đồ uống từ sữa vào Hồng Kông (Trung Quốc)**

Quy định về nguồn gốc của sữa hoặc đồ uống từ sữa phải được FEHD phê duyệt trước khi nhập khẩu vào Hồng Kông (Trung Quốc). Do đó, trước khi nhập khẩu sữa hoặc đồ uống từ sữa, nhà nhập khẩu phải nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận nguồn gốc sản xuất cho Bộ phận Xuất nhập khẩu Thực phẩm thuộc Trung tâm An toàn Thực phẩm thông qua Cổng thông tin Thương mại Thực phẩm (FTP) ([https://www.ftp.cfs.gov.hk/web/ftp/landing?lang=zh\\_CN](https://www.ftp.cfs.gov.hk/web/ftp/landing?lang=zh_CN)) hoặc nộp dưới dạng giấy. Đơn xin phải bao gồm các thông tin sau bằng tiếng Anh hoặc tiếng Trung, hoặc kèm theo bản dịch tiếng Anh hoặc tiếng Trung đã được xác minh:

- a. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký sản phẩm của nhà sản xuất còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ thực phẩm cấp;

b. Giấy chứng nhận cung cấp do nhà sản xuất cấp xác nhận rằng họ là nhà cung cấp trực tiếp sản phẩm, kèm theo sơ đồ quy trình sản xuất hiển thị thông tin chi tiết như thiết bị sản xuất và phương pháp xử lý nhiệt;

c. Báo cáo kiểm tra chất lượng nước sử dụng trong sản xuất thực phẩm tại nhà sản xuất, bao gồm nồng độ vi khuẩn coliform và clo dư tự do;

d. Báo cáo thử nghiệm thành phần hóa học của sản phẩm;

đ. Báo cáo kiểm tra chất lượng vi sinh của sản phẩm;

e. Tuyên bố của nhà sản xuất về thời hạn sử dụng của sản phẩm;

f. Mẫu hộp đựng sản phẩm rỗng;

g. Hình ảnh bao bì sản phẩm đầy đủ và rõ ràng (phải thể hiện rõ thương hiệu, tên sản phẩm, thành phần, phương pháp xử lý nhiệt, tên và địa chỉ của nhà sản xuất, tên và địa chỉ của nhà nhập khẩu);

h. Mẫu giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền tại nơi xuất xứ thực phẩm cấp, chứng nhận sản phẩm đã được xử lý nhiệt phù hợp, được xử lý, chế biến và đóng gói trong điều kiện vệ sinh đạt yêu cầu, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quy định và phù hợp để sử dụng cho người. Nếu giấy chứng nhận trích dẫn bất kỳ văn bản pháp luật nào, phải đính kèm bản sao văn bản pháp luật liên quan gốc.

Ngoài các thông tin và tài liệu được liệt kê ở trên, FEHD có thể yêu cầu người nộp đơn cung cấp thông tin và tài liệu bổ sung khác dựa trên hoàn cảnh cụ thể.

Các nhà nhập khẩu có thể nhập khẩu sữa hoặc đồ uống từ sữa vào Hồng Kông (Trung Quốc) sau khi được FEHD chấp thuận và đáp ứng tất cả các điều kiện. Tuy nhiên, FEHD vẫn có thể áp dụng biện pháp kiểm tra đặc biệt đối với sữa hoặc đồ uống từ sữa nhập khẩu vào Hồng Kông (Trung Quốc) theo thẩm quyền được quy định tại

Điều 59(1)(c) của Luật Y tế Công cộng và Dịch vụ Đô thị. Hiện tại, tất cả sữa hoặc đồ uống từ sữa nhập khẩu vào Hồng Kông (Trung Quốc) đều phải được FEHD kiểm tra, nếu cần thiết phải lấy mẫu và thử nghiệm. Chỉ sau khi kiểm tra hoặc thử nghiệm đạt yêu cầu, FEHD mới cấp Giấy thông quan hàng hóa cho nhà nhập khẩu, cho phép thông quan hàng hóa.

### 3.3. Quy định về SPS của Hoa Kỳ đối với động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu

#### 3.3.1. Quy định chung

- Dựa trên quy định của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH).
- Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ tổ chức đánh giá hệ thống quản lý sản phẩm động vật của nước xuất khẩu thông qua đánh giá tài liệu, thanh tra thực tế, kiểm tra sản phẩm khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ. Hệ thống quản lý sản phẩm động vật của nước xuất khẩu phải đạt các yêu cầu tương đương với hệ thống kiểm soát dịch bệnh và các yêu cầu về vệ sinh thú y của Hoa Kỳ.
- Áp dụng đánh giá ban đầu và định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, đánh giá hệ thống kiểm soát dịch bệnh, các yêu cầu về vệ sinh thú y đối với sản phẩm động vật của nước xuất khẩu.



Trách nhiệm liên quan đến thú y và an toàn thực phẩm của Hoa Kỳ thuộc sự quản lý của hai cơ quan Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) và Bộ Y tế và Dịch vụ dân sinh (HHS). Hai cơ quan thuộc USDA quản lý an toàn thực phẩm và thú y bao gồm Cục Kiểm tra và An toàn Thực phẩm (FSIS) và Cục Kiểm dịch động, thực vật (APHIS). Cơ quan thuộc HHS quản lý về thực phẩm và dược phẩm là Cục Quản lý thực phẩm và dược phẩm (FDA):

- FSIS là cơ quan đầu tiên có trách nhiệm quy định an toàn và dán nhãn của hầu hết các sản phẩm thịt theo Luật Thanh tra sản phẩm thịt Liên Bang (FMIA). FSIS thanh tra các cơ sở giết mổ động vật có sừng và các sản phẩm thịt để đảm bảo an toàn thực phẩm. Bất cứ một nhà máy chế biến nào tại Hoa Kỳ mà vận chuyển thịt qua các bang hoặc xuất khẩu đều phải tuân thủ các yêu cầu của FSIS. Thêm vào đó, để giám sát việc sản xuất thịt có mục đích thương mại tại Hoa Kỳ, FSIS thanh tra và cấp chứng chỉ cho các nhà máy nước ngoài mà được phép xuất khẩu vào Hoa Kỳ. FSIS cũng thanh tra cả các sản phẩm thực phẩm trong nước và nhập khẩu đối với dư lượng thuốc thú y. Văn phòng Codex của Hoa Kỳ được đặt tại FSIS.
- APHIS có trách nhiệm đối với thú y và phúc lợi động vật. Nếu một con vật bị nhiễm bệnh, ví dụ Bệnh bò điên hoặc lở mồm long móng, được phát hiện, APHIS sẽ thực hiện một thủ tục khẩn cấp để nhằm quản lý nhanh hoặc loại trừ dịch bệnh. APHIS có trách nhiệm tiến hành các điều tra giám sát dịch bệnh. Liên quan đến thương mại quốc tế, APHIS xây dựng và đưa ra các tiêu chuẩn dựa trên cơ sở khoa học với các đối tác thương mại và làm việc với các tổ chức quốc tế như WOAHA, Tổ chức Nông lương Liên hiệp quốc (FAO).
- FDA có trách nhiệm đánh giá việc sử dụng các loại thuốc trong chăn nuôi để đảm bảo an toàn đối với môi trường và người tiêu dùng đối với các sản phẩm có nguồn gốc động vật. FDA đảm bảo rằng dư lượng bất kỳ một chất hoặc loại thuốc nào mà còn trong thực phẩm đều không gây hại đối với người tiêu dùng. Mức dư lượng thuốc thú y được thiết lập bởi FDA. FDA thực hiện các quy định về cấm sử dụng hầu hết các protein động vật trong thức ăn chăn nuôi nhằm đối phó với quan ngại về bệnh bò điên. Theo quy định của FMIA, FDA có thẩm quyền thu hồi thịt ngoài các nhà máy được USDA thanh tra nếu các sản phẩm đó có bằng chứng vi phạm về quy định hoặc nhãn mác.

### **3.3.2. Yêu cầu nhập khẩu sản phẩm động vật vào Hoa Kỳ**

Nếu doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm động vật, phụ phẩm hoặc sản phẩm tiếp xúc với nguyên liệu có nguồn gốc động vật vào Hoa Kỳ, doanh nghiệp cần tuân thủ các yêu cầu nhập khẩu và giấy phép.

APHIS quản lý việc nhập khẩu động vật và nguyên liệu có nguồn gốc động vật để đảm bảo chúng không mang các bệnh động vật ngoại lai vào Hoa Kỳ (tham khảo tại đường link: <https://www.aphis.usda.gov/animal-product-import>).

Nếu doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm động vật để tiêu dùng cho người, doanh nghiệp phải tuân thủ các yêu cầu của FSIS (sẽ được trình bày ở phần dưới đây) (tham khảo tại đường link: <https://www.fsis.usda.gov/inspection/import-export>).

Thông thường, doanh nghiệp cần có giấy phép của APHIS đối với các vật liệu có nguồn gốc từ động vật hoặc tiếp xúc với vật liệu có nguồn gốc động vật. Cơ quan Hải quan và Bảo vệ biên giới thuộc Bộ An ninh Nội địa Hoa Kỳ sẽ xem xét tất cả các sản phẩm động vật nhập khẩu tại cảng nhập cảnh, bao gồm cả những sản phẩm không yêu cầu giấy phép nhập khẩu.

### **3.3.3. Tiêu chuẩn Quốc gia**

FSIS chịu trách nhiệm đảm bảo các sản phẩm thịt, gia cầm và trứng trong nước và nhập khẩu đều an toàn, lành mạnh và được dán nhãn chính xác. Các quốc gia nước ngoài xuất khẩu các sản phẩm thịt, gia cầm và trứng sang Hoa Kỳ được yêu cầu thiết lập và duy trì các hệ thống kiểm tra tương đương với hệ thống của Hoa Kỳ. FSIS kiểm tra các hệ thống kiểm tra của nước ngoài và kiểm tra lại thịt và gia cầm tại cửa khẩu nhập để đảm bảo rằng các quốc gia nước ngoài đã duy trì các hệ thống kiểm tra tương đương.

FSIS đưa ra hai loại xác định tương đương:

1. Xác định tương đương ban đầu (gọi là "đủ điều kiện") đối với các quốc gia chưa phải là đối tác thương mại.
2. Xác định xem các quốc gia hiện đang đủ điều kiện có duy trì tương đương hay không.



Các quốc gia xuất khẩu phải trải qua quy trình đánh giá nghiêm ngặt trước khi đủ điều kiện xuất khẩu các sản phẩm thịt, gia cầm hoặc trứng sang Hoa Kỳ. Các quốc gia không bắt buộc phải áp dụng một hệ thống kiểm tra giống hệt nhau, mà phải có một hệ thống tương đương. Việc đánh giá hệ thống kiểm tra của một quốc gia để xác định tiêu chuẩn bao gồm hai bước: xem xét tài liệu và kiểm tra tại chỗ.

Xem xét tài liệu là việc đánh giá luật pháp, quy định và các thông tin bằng văn bản khác của quốc gia, tập trung vào năm lĩnh vực rủi ro: kiểm soát vệ sinh, kiểm soát dịch bệnh động vật, kiểm soát giết mổ và chế biến, kiểm soát dư lượng, và kiểm soát thực thi.

Nếu quy trình xem xét tài liệu cho thấy hệ thống của quốc gia đó tương đương, một nhóm kỹ thuật sẽ đến quốc gia đó để đánh giá năm lĩnh vực rủi ro cũng như các khía cạnh khác của hệ thống kiểm tra, bao gồm cơ sở vật chất và thiết bị nhà máy, phòng thí nghiệm, chương trình đào tạo và hoạt động kiểm tra tại nhà máy. Các cuộc kiểm tra tại chỗ này được sử dụng để xác minh rằng các quốc gia đã thực hiện đúng các chương trình kiểm tra và nếu chưa, sẽ giải quyết các khác biệt và làm rõ các yêu cầu.

Nếu FSIS cho rằng hệ thống kiểm tra tương đương với hệ thống của Hoa Kỳ, một quy định đề xuất sẽ được công bố trên Công báo Liên bang, công bố quyết định và ý định của FSIS về việc liệt kê quốc gia đó đủ điều kiện xuất khẩu các sản phẩm thịt, gia cầm hoặc trứng sang Hoa Kỳ. Sau khi xem xét ý kiến công chúng, quyết định cuối cùng về điều kiện của quốc gia sẽ được đưa ra và nếu thuận lợi, quy định cuối cùng sẽ được ban hành. Hệ thống kiểm tra của quốc gia đó sau đó có trách nhiệm chứng nhận từng cơ sở xuất khẩu cho FSIS và cung cấp tài liệu chứng nhận lại hàng năm. FSIS thường xuyên tiến hành kiểm tra tại chỗ các hệ thống kiểm tra nước ngoài đủ điều kiện để đảm bảo chúng vẫn tương đương với hệ thống của Hoa Kỳ.

Đôi khi, một số trường hợp có thể dẫn đến việc đình chỉ tư cách đủ điều kiện và gián đoạn thương mại. Một ví dụ là nếu FSIS thực hiện một biện pháp vệ sinh khẩn cấp để giải quyết một mối nguy hiểm nghiêm trọng đến mức không sản phẩm nào có thể được đưa vào thị trường từ một cơ sở nước ngoài cho đến khi biện pháp kiểm soát được áp dụng. Trường hợp thứ hai có thể xảy ra nếu một quốc gia xuất khẩu không cung cấp tài liệu thỏa đáng về biện pháp vệ sinh tương đương. Trường hợp thứ ba có thể là nếu một cuộc kiểm toán hệ thống phát hiện ra rằng một quốc gia xuất khẩu không thực hiện một biện pháp vệ sinh y tế công cộng theo cách mà FSIS ban đầu xác định là tương đương.

Việc thu hồi vĩnh viễn tư cách, giống như việc phê duyệt tư cách ban đầu, chỉ có thể được thực hiện thông qua việc ban hành quy

định. Tuy nhiên, FSIS có thể thực hiện các biện pháp để đảm bảo rằng các sản phẩm từ một quốc gia cụ thể không được phép nhập khẩu vào Hoa Kỳ nếu chúng bị pha trộn hoặc dán nhãn sai dựa trên những phát hiện cụ thể trong quá trình kiểm tra tại chỗ, do lỗi kiểm tra lại tại cửa khẩu nhập, hoặc các nguyên nhân khác.

### **3.3.4. Chứng nhận nhập khẩu**

Tất cả các sản phẩm thịt, gia cầm và trứng nhập khẩu đều phải có giấy chứng nhận kiểm định nước ngoài. Giấy chứng nhận này phải ghi rõ tên sản phẩm, số hiệu cơ sở sản xuất, quốc gia xuất xứ, tên và địa chỉ của nhà sản xuất hoặc nhà phân phối, số lượng và trọng lượng sản phẩm, danh sách các thành phần, loài động vật được sử dụng làm nguồn gốc sản phẩm và các dấu hiệu nhận dạng. Giấy chứng nhận cũng phải có con dấu chính thức của cơ quan chính phủ nước ngoài chịu trách nhiệm kiểm định cùng với chữ ký của cán bộ cơ quan. Giấy chứng nhận này phải được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng nước sở tại.

#### *Cơ quan Hải quan và Biên phòng Hoa Kỳ*

Các nhà nhập khẩu bất kỳ hàng hóa nào vào Hoa Kỳ phải nộp đơn nhập cảnh cho Cơ quan Hải quan và Biên phòng Hoa Kỳ (CBP) trong vòng năm ngày làm việc sau khi lô hàng đến cảng nhập cảnh Hoa Kỳ. Đối với các lô hàng thịt và gia cầm, FSIS yêu cầu hai tài liệu bổ sung: (1) giấy chứng nhận gốc từ quốc gia xuất xứ cho biết sản phẩm đã được cơ quan kiểm tra của quốc gia đó kiểm tra và đạt yêu cầu, đủ điều kiện xuất khẩu sang Hoa Kỳ; (2) đơn xin kiểm tra nhập khẩu cùng báo cáo. CBP cũng yêu cầu nhà nhập khẩu nộp tiền bảo lãnh, thường là số tiền tương đương với giá trị lô hàng cộng với thuế và phí. Các lô hàng thịt và gia cầm vẫn được bảo lãnh và có thể bị CBP thu hồi cho đến khi FSIS thông báo kết quả kiểm tra lại.

Các lô hàng sản phẩm trứng và trứng nguyên vỏ dùng để đập vỡ không cần đơn nhập cảnh, nhưng phải nộp đơn yêu cầu nhập khẩu để phê duyệt trước khi các sản phẩm này có thể được xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

### 3.3.5. Kiểm tra tại cảng nhập cảnh

Khi đến cảng nhập cảnh Hoa Kỳ, tất cả các lô hàng thịt và gia cầm phải được thanh tra nhập khẩu của FSIS kiểm tra lại trước khi được phép vào quốc gia này. Mỗi lô sản phẩm đều được kiểm tra trực quan về hình thức và tình trạng, đồng thời được kiểm tra chứng nhận và tuân thủ nhãn mác. Ngoài ra, Hệ thống Thông tin Nhập khẩu Tự động (AIIIS) còn chỉ định nhiều loại hình kiểm tra khác, bao gồm kiểm tra sản phẩm và phân tích vi sinh và hóa học trong phòng thí nghiệm.

Các sản phẩm trứng được kiểm tra lại tại cơ sở nơi chúng được đưa đi chế biến tiếp theo. Khoảng 65 thanh tra viên của FSIS thực hiện kiểm tra tại khoảng 150 cơ sở nhập khẩu chính thức.

Các lô hàng vượt qua kiểm tra lại được phép vào thị trường thương mại Hoa Kỳ và được coi là sản phẩm nội địa. Các lô hàng từ tất cả các quốc gia, ngoại trừ Canada, đều được đóng dấu kiểm tra chính thức của USDA. Các lô hàng của Canada mang dấu kiểm tra của Canada và một con dấu xuất khẩu. Nếu một lô hàng không đáp ứng các yêu cầu của Hoa Kỳ, các container sẽ được đóng dấu "Từ chối Nhập cảnh Hoa Kỳ" và trong vòng 45 ngày phải được xuất khẩu, tiêu hủy hoặc chuyển đổi thành thức ăn chăn nuôi, nếu yêu cầu chuyển hướng phù hợp được FDA chấp thuận.

Đối với các sản phẩm trứng nhập khẩu, 10 lô hàng đầu tiên từ mỗi nhà máy nước ngoài sẽ được kiểm tra tại cơ sở đích để xác định lịch sử tuân thủ. Tỷ lệ này được giảm xuống còn một trong tám lô sản xuất được chọn ngẫu nhiên, miễn là sản phẩm tiếp tục tuân thủ. Mỗi lô sản xuất đều phải trải qua kiểm tra cảm quan, cũng như đánh giá nhãn mác.

### 3.3.6. Kiểm tra dư lượng và vi khuẩn

Để xuất khẩu sang Hoa Kỳ, một quốc gia phải có chương trình kiểm soát dư lượng với các tiêu chuẩn tương đương với tiêu chuẩn Hoa Kỳ. Luật pháp quy định rằng các chương trình kiểm soát dư lượng của quốc gia bao gồm:

- Lấy mẫu ngẫu nhiên động vật tại lò mổ;
- Sử dụng các phương pháp lấy mẫu và phân tích đã được phê duyệt;
- Kiểm tra các mô đích phù hợp để tìm các hợp chất cụ thể;
- Kiểm tra các hợp chất được USDA hoặc quốc gia xuất xứ xác định là chất gây ô nhiễm tiềm ẩn.

FSIS lấy mẫu ngẫu nhiên các sản phẩm thịt, gia cầm và trứng để tìm dư lượng hóa chất vi phạm theo Chương trình Dư lượng Quốc gia. Các hợp chất được đưa vào kế hoạch kiểm tra dư lượng nhập khẩu phản ánh kết quả kiểm tra được thực hiện trong chương trình kiểm tra dư lượng nội địa của Hoa Kỳ. FSIS có thể khởi xướng một kế hoạch lấy mẫu đặc biệt khi cần giám sát một quốc gia về dư lượng của một hợp chất cụ thể, dựa trên việc phát hiện dư lượng vi phạm tại cửa khẩu nhập của Hoa Kỳ hoặc các thông tin khác liên quan đến rủi ro đối với sức khỏe con người. Quyết định về khả năng chấp nhận sản phẩm dựa trên mức dung sai hoặc mức độ hành động của Hoa Kỳ.

Kiểm tra vi khuẩn cũng được tiến hành trên các sản phẩm thịt và gia cầm nhập khẩu. Kế hoạch kiểm tra vi sinh vật đối với các sản phẩm nhập khẩu, tương tự như kế hoạch kiểm tra dư lượng, được mô phỏng theo kế hoạch kiểm tra vi sinh vật đối với các sản phẩm trong nước. Việc phân công lấy mẫu các lô sản phẩm được tạo thông qua AIS. Các sản phẩm khác nhau được kiểm tra các tác nhân gây bệnh khác nhau:

- Các sản phẩm thịt và gia cầm ăn liền phải được kiểm tra ngẫu nhiên *Listeria monocytogenes* và *Salmonella*.
- Xúc xích lên men khô và bán khô được lấy mẫu ngẫu nhiên để kiểm tra *E. coli* O157:H7, *Listeria monocytogenes*, độc tố ruột *Staphylococcus aureus* và *Salmonella*.
- Thịt bò xay sống và các thành phần thịt bò xay sống được lấy mẫu ngẫu nhiên để kiểm tra *E. coli* O157:H7.

Các mẫu ngẫu nhiên từ mỗi lô sản xuất các sản phẩm trứng tiệt trùng nhập khẩu được kiểm tra Salmonella. Ngoài ra, các sản phẩm trứng lỏng tiệt trùng trong các hộp nhỏ, còn nguyên vẹn (tối đa 5 pound), có ghi rõ thời hạn sử dụng cũng có thể được kiểm tra Listeria monocytogenes. Các sản phẩm trứng chưa tiệt trùng chỉ được kiểm tra ngẫu nhiên để xác định sự hiện diện của dư lượng. Việc kiểm tra bổ sung có thể được tiến hành nếu phát hiện vấn đề sức khỏe cộng đồng.

Nếu phát hiện dư lượng hoặc vi phạm về vi sinh vật trong các sản phẩm thịt, gia cầm hoặc trứng, tần suất kiểm tra sẽ được tăng lên đối với tất cả các lô hàng sản phẩm tương tự từ cơ sở nước ngoài vi phạm cho đến khi hồ sơ tuân thủ được thiết lập lại.

### **3.3.7. Kiểm tra nhãn sản phẩm**

Thanh tra nhập khẩu của FSIS kiểm tra nhãn trên cả thùng chứa vận chuyển và bao bì bán lẻ. Nhãn trên bao bì bán lẻ thịt hoặc gia cầm được vận chuyển đến Hoa Kỳ phải đáp ứng các yêu cầu về nhãn mác của Hoa Kỳ. Nhãn sản phẩm phải bằng tiếng Anh và phải bao gồm:

- Tên sản phẩm;
- Mã số cơ sở nước ngoài và quốc gia xuất xứ được ghi ngay dưới tên sản phẩm;
- Tên và địa chỉ của nhà sản xuất hoặc nhà phân phối;
- Khối lượng tịnh tính bằng pound và ounce hoặc đơn vị đo lường chất lỏng;
- Danh sách các thành phần;
- Hướng dẫn xử lý an toàn và thông tin dinh dưỡng (nếu có).

### 3.4. Quy định về SPS của EU đối với động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu

Thực phẩm có nguồn gốc động vật nhập khẩu vào EU bao gồm thịt, các sản phẩm từ thịt, sữa, các sản phẩm làm từ sữa, các sản phẩm thủy sản, trứng chim và các sản phẩm từ trứng, mật ong và các sản phẩm nuôi khác, chân ếch và ốc. Thực phẩm có nguồn gốc động vật cũng bao gồm các sản phẩm tổng hợp có chứa các sản phẩm đã qua chế biến có nguồn gốc động vật.



Một số quy định chung của EU đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật như sau:

- Nước xuất khẩu phải có cơ quan thú y có thẩm quyền chịu trách nhiệm về toàn bộ chuỗi sản xuất thực phẩm. Cơ quan này phải có quyền hạn và năng lực để thực hiện kiểm tra, giám sát, bảo đảm hiệu quả của công tác thực hiện kiểm dịch và chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu.
- Nước xuất khẩu phải bảo đảm các tiêu chuẩn về an toàn dịch bệnh trên toàn lãnh thổ hoặc vùng lãnh thổ; cơ quan thú y có thẩm quyền phải là thành viên của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH) và phải đáp ứng được tiêu chuẩn và nghĩa vụ báo cáo dịch bệnh định kỳ, đột xuất theo quy định của WOAH.
- Nước xuất khẩu phải là quốc gia an toàn dịch bệnh, hoặc có các vùng an toàn dịch bệnh được WOAH công nhận.
- Nước xuất khẩu phải có hệ thống cơ quan thú y để tổ chức thực hiện việc kiểm tra, giám sát, xác minh sự tuân thủ các yêu cầu của EU về các chỉ tiêu vi sinh vật, chất tồn dư độc hại (kháng sinh, hoóc môn, thuốc bảo vệ thực vật, kim loại nặng và các hóa chất độc hại khác).

- Nước xuất khẩu phải có chương trình giám sát phù hợp và hàng năm cơ quan thú y có thẩm quyền nước xuất khẩu phải báo cáo cho Ủy ban châu Âu về kết quả giám sát dịch bệnh, các chất tồn dư độc hại và kế hoạch giám sát của năm tiếp theo.
- Nước xuất khẩu phải đạt yêu cầu của EU trong các chuyến thanh tra, kiểm tra thực tế đột xuất và định kỳ của chuyên gia EU.
- Lô hàng xuất khẩu phải kèm theo Giấy chứng nhận kiểm dịch do cơ quan thú y có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp và chứng nhận phải bảo đảm an toàn dịch bệnh và bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh thú y.

“Nhập khẩu” đề cập đến việc di chuyển thực phẩm có nguồn gốc động vật từ các nước không thuộc EU (“các nước thứ ba”) sang EU. Tuy nhiên, nếu thực phẩm được đưa từ một quốc gia được coi là ngang hàng với các quốc gia Thành viên EU dựa trên thỏa thuận giữa quốc gia đó và EU thì việc vận chuyển không được coi là nhập khẩu từ nước thứ ba mà là nhập khẩu từ thị trường nội địa. Các quốc gia như vậy bao gồm, ví dụ, Na Uy và Thụy Sĩ.

Các yêu cầu nhập khẩu hơi khác nhau tùy thuộc vào việc thực phẩm được nhập khẩu với mục đích thương mại hay hàng mẫu, được vận chuyển bởi khách du lịch hay được gửi cho cá nhân dưới dạng bưu kiện. Các yêu cầu nhập khẩu phần lớn được hài hòa trong luật của EU, có nghĩa là ngoại trừ một số trường hợp ngoại lệ, các quy tắc tương tự áp dụng cho hàng nhập khẩu vào tất cả các nước EU. Cũng có những lĩnh vực nhất định mà các yêu cầu vẫn chưa được hài hòa ở cấp độ EU, cho phép các quốc gia Thành viên đặt ra các yêu cầu riêng đối với việc nhập khẩu thực phẩm được đề cập. Thực phẩm chưa được bổ sung khoáng chất bao gồm, ví dụ, thịt bò sát và tôm càng nước ngọt sống.

Nhìn chung, các yêu cầu được hài hòa giữa các quốc gia Thành viên EU để đảm bảo duy trì sự hài hòa về mặt quy định và pháp luật của EU.

Các sản phẩm thịt, sữa và các sản phẩm khác có nguồn gốc động vật phải được sản xuất tại một cơ sở được ủy quyền, thường là dưới sự giám sát của cơ quan chức năng chính thức



có chuyên môn và được uỷ quyền. Việc kiểm tra ngẫu nhiên thêm các sản phẩm cũng có thể được thực hiện tại điểm đến cuối cùng.

Ngoài các yêu cầu chung về sức khỏe, các yêu cầu cụ thể đối với sản phẩm động vật có thể được yêu cầu trong các tình huống dịch bệnh đang phát triển ở các nước EU. Những trường hợp đó có thể cần phải có giấy chứng nhận sức khỏe động vật cụ thể.

Các quy tắc sau đây phải được tôn trọng trước khi các sản phẩm khác có nguồn gốc động vật có thể được buôn bán hoặc nhập khẩu vào EU:

- Các quy tắc quản lý cả nhập khẩu và buôn bán nội cộng đồng EU áp dụng cho các sản phẩm có nguồn gốc động vật để tiêu thụ cho con người được nêu trong Chỉ thị của Hội đồng 2002/99 /ECS. Chỉ thị này đã được sửa đổi nhiều lần, hài hòa các quy tắc và thiết lập các quy tắc về sức khỏe cộng đồng và động vật cho việc nhập khẩu và buôn bán các sản phẩm động vật trong EU mà các quy tắc cụ thể của EU chưa được đặt ra ở nơi khác.
- Ngoài các sản phẩm được liệt kê ở trên, các quy tắc cơ bản quản lý việc nhập khẩu thịt thú rừng và thịt thỏ nuôi cũng được quy định trong Chỉ thị Hội đồng 92/118/EEC. Thông tin chi tiết có thể tham khảo tại các trang liên quan đến việc nhập khẩu thịt thú săn. Mục tiêu của Chỉ thị này là đảm bảo rằng các nguyên tắc nhập khẩu và thương mại giống nhau được áp dụng ở tất cả các quốc gia Thành viên và ngăn ngừa các sản phẩm gây ra các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho vật nuôi hoặc con người.

Chỉ thị của Hội đồng 92/118/EEC mô tả các nguyên tắc về động vật và sức khỏe cộng đồng dựa trên việc nhập khẩu và buôn bán, các yêu cầu cần được đáp ứng trước khi các sản phẩm 'khác' có nguồn gốc động vật có thể được nhập khẩu hoặc buôn bán.



Đối với hàng nhập khẩu, ngoài việc đáp ứng các yêu cầu cơ bản trong Chỉ thị, các khía cạnh quan trọng nhất là: yêu cầu rằng tất cả các sản phẩm chỉ được nhập khẩu từ các quốc gia được liệt kê không thuộc EU được phép nhập khẩu sản phẩm cụ thể được đề cập. Đối với một số sản phẩm (mật ong và sữa ong chúa, trứng và các sản phẩm từ trứng, gelatine, chân ếch và ốc sên) cần phải liệt kê cụ thể danh sách các quốc gia ngoài EU được phép nhập khẩu.

Ngoài ra, sản phẩm phải được kèm theo giấy chứng nhận sức khỏe ghi rõ đáp ứng các yêu cầu về sức khỏe cộng đồng và động vật được quy định trong Chỉ thị nhập khẩu vào các nước EU.

Chỉ thị của Hội đồng 2002/99/ECS hiện tạo thành cơ sở pháp lý cho tất cả các quy tắc về sức khỏe động vật điều chỉnh quá trình sản xuất; phân phối và giới thiệu các sản phẩm có nguồn gốc động vật cho con người và thay thế Chỉ thị 92/118/EEC của Hội đồng.

Các yêu cầu bổ sung để giới thiệu được quy định trong các Quyết định cụ thể của Ủy ban. Những giấy chứng nhận sức khỏe này phải đi kèm với tất cả các sản phẩm động vật khi được đưa vào EU. Các tài liệu này phải được ký bởi cơ quan có thẩm quyền của nước thứ ba xuất khẩu, đảm bảo rằng các điều kiện nhập khẩu vào EU đã được đáp ứng.

Khi đến EU, các sản phẩm động vật và các giấy chứng nhận kèm theo phải được xác nhận và kiểm tra bởi EU tại một Trạm Kiểm tra Biên giới được chỉ định. Việc kiểm tra thêm các sản phẩm cũng có thể được thực hiện tại điểm đến cuối cùng.

### 3.5. Quy định về SPS của Nhật Bản đối với động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu

#### 3.5.1. Quy định chung

- Dựa trên quy định của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH).
- Nước xuất khẩu phải có Chương trình quốc gia giám sát các bệnh truyền nhiễm, giám sát an toàn thực phẩm (ATTP) liên quan đến sản phẩm xuất khẩu.
- Sản phẩm động vật trước khi nhập khẩu cần phải được đánh giá rủi ro nhập khẩu. Yếu tố đầu tiên để các nước thực hiện đánh giá rủi ro nhập khẩu là căn cứ vào tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm của nước xuất khẩu, sự thiết lập được các vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh được WOAH công nhận.
- Sau khi đánh giá sơ bộ thông tin về tình hình dịch bệnh của nước xuất khẩu, nếu nước nhập khẩu nhận thấy mức rủi ro có thể chấp nhận được thì họ sẽ cung cấp cho nước xuất khẩu các yêu cầu nhập khẩu cùng các bảng câu hỏi để nước xuất khẩu cung cấp thông tin.
- Sau khi đánh giá các thông tin do nước xuất khẩu cung cấp đạt yêu cầu, nước nhập khẩu sẽ cử đoàn thanh tra tới nước xuất khẩu để kiểm tra thực tế hệ thống thú y, quy trình kiểm dịch xuất nhập khẩu, điều kiện vệ sinh thú y, ATTP...
- Kết quả đánh giá rủi ro nhập khẩu, thẩm định hồ sơ và báo cáo kiểm tra thực tế sẽ được cơ quan thú y tổng hợp, đánh giá quyết định việc có cho phép nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật đó hay không.
- Nếu được phép, hai nước sẽ trao đổi, thống nhất các điều kiện, nội dung và mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu.
- Mỗi lô hàng sản phẩm động vật nhập khẩu phải kèm theo Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu đã thống nhất.

### 3.5.2. Quy định kiểm dịch an toàn vệ sinh thực phẩm

Theo Luật Kiểm dịch An toàn vệ sinh Thực phẩm của Nhật Bản, nhà nhập khẩu thực phẩm phải nộp đầy đủ giấy tờ cần thiết có liên quan kèm theo đơn xin kiểm dịch cho các cơ quan kiểm soát thực phẩm nhập khẩu thuộc các trạm kiểm dịch của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản (MHLW).

Việc kiểm dịch được thực hiện khi các cơ quan kiểm dịch quyết định cần phải kiểm tra các tiêu chuẩn hoặc vấn đề an toàn thực phẩm ngay ở bước kiểm tra ban đầu. Nếu theo kết quả kiểm tra và kiểm dịch ban đầu, không phát hiện ra vấn đề gì đối với thực phẩm nhập khẩu theo quy định của Luật, nhà nhập khẩu sẽ được nhận chứng nhận đăng ký. Nhà nhập khẩu sẽ nộp giấy chứng nhận này cho cơ quan hải quan cùng với các giấy tờ hải quan và đơn xin cấp phép nhập khẩu. Trong trường hợp phát hiện sản phẩm không phù hợp để nhập khẩu, các biện pháp như huỷ hàng hoặc trả lại hàng cho công ty vận chuyển sẽ được thực hiện.

Các chất phụ gia, kể cả chất nhân tạo và chất tự nhiên, không được chấp nhận đều bị cấm sử dụng ở Nhật Bản và các sản phẩm nhập khẩu bị phát hiện có chứa dư lượng chất phụ gia không được chấp nhận sẽ không được phép bán tại Nhật Bản. MHLW đánh giá an toàn thực phẩm dựa theo các tiêu chuẩn của CODEX và chỉ những chất phụ gia được Ủy ban An toàn Thực phẩm xem xét và được Bộ này chấp nhận mới có thể được sử dụng trong thực phẩm và đồ uống được bán tại Nhật Bản.

Một chất phụ gia được chấp nhận có thể chỉ được giới hạn sử dụng trên một loại sản phẩm cụ thể với một mức độ cụ thể và được phép sử dụng cụ thể.

Việc dán nhãn phụ gia thực phẩm bao gồm thuốc diệt nấm sau thu hoạch do Hội Bảo vệ Người tiêu dùng Nhật Bản quản lý.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thông quan, tại thời điểm nhập khẩu, nhà nhập khẩu cần cung cấp các thông tin sau đây

Tên hóa chất và thành phần tính theo phần triệu (ppm) của tất cả phụ gia tổng hợp có mức độ dung sai theo quy định của MHLW.

(i) Tên tất cả các phụ gia thực phẩm tự nhiên.

(ii) Màu nhân tạo được xác định theo tên hóa học và số chỉ số màu sắc quốc tế. Phải cung cấp bảng thông tin mô tả màu sắc tự nhiên để quyết định việc chấp nhận đối với sản phẩm xuất khẩu cụ thể.

(iii) Hương vị nhân tạo được xác định theo tên hóa học khi được đưa vào danh sách các chất phụ gia được ghi bằng tiếng Nhật đối với sản phẩm xuất khẩu cụ thể.

### **3.5.3. Quy trình phê duyệt phụ gia thực phẩm**

MHLW sẽ xem xét các đơn yêu cầu về chất phụ gia thực phẩm mới và rà soát những phê duyệt trước đó về chất phụ gia mới và dung sai chất phụ gia. Bộ này là đầu mối tiếp nhận những đơn yêu cầu, sau khi kiểm tra đầy đủ, sẽ gửi các yêu cầu qua Ủy ban An toàn Thực phẩm (FSC) để đánh giá mức độ nguy hiểm của các chất phụ gia và nhận lại báo cáo kết quả đánh giá.

MHLW với chức năng của cơ quan quản lý rủi ro, quyết định chấp thuận mức sử dụng phụ gia thực phẩm cụ thể cho mỗi loại thực phẩm dựa trên các khái niệm về lượng trung bình hàng ngày (ADI) của chất có thể dung nạp vào cơ thể. Như vậy, trước khi phê duyệt, MHLW xem xét tất cả các sản phẩm khi có sử dụng chất phụ gia đó.

### **3.5.4. Quy định về dư lượng hóa chất nông nghiệp**

Nhật Bản thực hiện các quy định mới về dư lượng hóa chất nông nghiệp, phụ gia thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y trong thực phẩm (sau đây gọi tắt là hóa chất nông nghiệp). Trước khi thực hiện các quy định này, MHLW đã công bố mức dư lượng tối đa cho phép (MRL) tạm thời cho loại hóa chất nông nghiệp trong MRLs chính thức hiện nay. Những MRL này vẫn còn tạm thời cho đến khi chúng được xem xét và trong khi nhiều loại đã hoàn tất quá trình, việc đánh giá các

MRL khác sẽ tiếp tục cho đến khi hoàn thành. Sau khi hoàn thành việc đánh giá rủi ro, một MRL chính thức có thể được xác định. Các MRL hiện có cùng với các MRL tạm thời tạo ra danh sách xác nhận các MRL.

Thực phẩm bị phát hiện vượt quá mức MRL trong danh sách xác nhận được coi là vi phạm Luật Vệ sinh Thực phẩm và bị từ chối tại cảng. Một hành vi vi phạm có thể dẫn đến việc tăng cường giám sát (khoảng 30%) tất cả các hoạt động nhập khẩu của cùng loại hàng hóa từ quốc gia đó. Sau hai lần vi phạm vượt mức MRL cụ thể, sản phẩm đó có thể phải theo lệnh yêu cầu giám định rất tốn kém, bị giữ lại và bị kiểm tra, do đó sẽ bị trì hoãn dài tại cảng. Để trở về tình trạng giám sát bình thường sau một hành vi vi phạm, MHLW yêu cầu phải có hồ sơ 60 lần kiểm tra đạt kết quả sạch hoặc một năm không có hành vi vi phạm. Sau nhiều lần vi phạm, MHLW yêu cầu phải có hồ sơ kiểm tra sạch và năm không có hành vi vi phạm trước khi được loại bỏ lệnh yêu cầu giám định (bị giữ lại và kiểm tra).

Lưu ý rằng MHLW cũng đã liệt kê danh sách một số hóa chất nông nghiệp và các chất khác gọi là không phát hiện được bị cấm sử dụng trong thực phẩm. Ngoài ra, có chất được xác định không gây hại cho sức khỏe.

Đối với dư lượng trong thực phẩm chế biến không có MRL cụ thể, MHLW sẽ kiểm tra sản phẩm dựa vào nồng độ của các thành phần.

+ Kiểm tra dư lượng hóa chất.

Việc kiểm tra dư lượng hóa chất do các văn phòng kiểm dịch thuộc MHLW (đối với cây trồng nhập khẩu) và các phòng thí nghiệm của chính quyền địa phương (đối với cây trồng nhập khẩu và sản xuất trong nước, được thu thập chủ yếu từ các kệ bán lẻ) thực hiện. Mục đích của các lần kiểm tra giám sát là để xem cây trồng và các sản phẩm chăn nuôi trên thị trường có được thực hiện theo đúng quy định MRL và quy định về an toàn thực phẩm không. Bất kỳ sản phẩm nào được tìm thấy có chứa chất vi phạm quy định MRL sẽ không được phép bán tại Nhật.

Kể từ năm 2021, MHLW tiến hành điều tra dư lượng hóa chất, bao gồm cả thuốc trừ sâu, thuốc thú y không có MRL, để có được dữ liệu cơ bản cho việc thiết lập các MRL. Kết quả kiểm tra thường cho thấy ít hơn, các mẫu được thử nghiệm có dư lượng hóa chất trên các mức MRL được thiết lập. Cây trồng không đáp ứng được tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật của Luật Vệ sinh an toàn Thực phẩm, bao gồm cả MRL, phải bị loại bỏ, tái xuất khẩu hoặc đổi hướng sử dụng thành sản phẩm không phải thực phẩm. Mỗi năm MHLW quyết định một kế hoạch kiểm tra cụ thể.

Mặc dù việc chiếu xạ được sử dụng như một công cụ để loại bỏ các tác nhân gây bệnh từ thực phẩm và ngăn ngừa ngộ độc thực phẩm ở nhiều nước, nhưng biện pháp chiếu xạ lại không được cho phép ở Nhật Bản, ngoại trừ trường hợp khoai tây có thể được chiếu xạ nhưng phải dán nhãn ghi rõ chiếu xạ. Các mặt hàng thực phẩm cần kiểm tra bao gồm thịt, sữa, hải sản, sản phẩm nông nghiệp khác và các sản phẩm chế biến từ chúng.

### **3.5.5. Quy định vào thực phẩm**

Theo quy định tại Điều 1 của Luật Vệ sinh Thực phẩm, không được phép bán, sản xuất hoặc nhập khẩu với mục đích để bán hoặc sử dụng trong kinh doanh bất kể dụng cụ, container, hoặc bao bì có chứa chất độc hại hoặc gây thiệt hại và có thể làm hại sức khỏe con người hoặc bất kỳ dụng cụ, container, hoặc bao bì có thể ảnh hưởng nguy hại đến sức khỏe con người thông qua tiếp xúc với thực phẩm và phụ gia thực phẩm.

MHLW đã quy định rõ các thông số kỹ thuật đối với nhựa tổng hợp, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và các loại hộp đựng bao gói làm bằng thủy tinh, gốm, men hoặc cao su.

Các nhà kinh doanh tư nhân ở Nhật phải thanh toán tất cả các chi phí liên quan đến việc tái chế. Đối với sản phẩm nhập khẩu, các nhà nhập khẩu phải chịu một phần chi phí tái chế. Tuy nhiên, một số nhà nhập khẩu Nhật Bản có thể yêu cầu các nhà cung ứng ở nước ngoài của họ hợp tác cung cấp thêm về việc ghi nhãn. Nhà nhập

khẩu chịu trách nhiệm đảm bảo sử dụng nhãn thích hợp trên tất cả các bao bì và hộp đựng hàng cho hàng hóa nhập khẩu.

### **3.5.6. Quy định về nhãn mác hàng hóa**

Nhãn hàng hoá thực phẩm phải được in bằng tiếng Nhật và tuân thủ theo các luật và quy định hiện hành. Khi nhập khẩu và bán các sản phẩm thực phẩm tươi sống, nhà nhập khẩu phải cung cấp các thông tin sau đây trên nhãn mác sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn về nhãn mác đối với thực phẩm tươi sống theo Luật Tiêu chuẩn hoá và Nhãn mác nông lâm sản: 1) tên sản phẩm, 2) nước xuất xứ, 3) hàm lượng và 4) tên và địa chỉ nhà nhập khẩu.

Khi nhập khẩu và bán các sản phẩm chế biến, nhà nhập khẩu phải cung cấp các thông tin sau đây phù hợp với Luật Tiêu chuẩn hoá và Nhãn mác nông lâm sản, và các quy định tương tự đối với thực phẩm chế biến được đóng gói trong container theo Luật Vệ sinh Thực phẩm: 1) tên sản phẩm, 2) thành phần,) 3) hàm lượng, 4) ngày hết hạn sử dụng, 5) cách thức bảo quản, 6) nước xuất xứ và 7) tên và địa chỉ nhà nhập khẩu.

#### *Tên sản phẩm*

Tên của sản phẩm phải được in trên nhãn phù hợp với Luật Tiêu chuẩn hoá và Nhãn mác nông lâm sản và Luật Vệ sinh Thực phẩm.

#### *Thành phần thực phẩm*

Các thành phần của sản phẩm phải được liệt kê theo thứ tự giảm dần từ thành phần có hàm lượng cao nhất đến thấp nhất trên nhãn mác phù hợp với Luật Tiêu chuẩn hoá và Nhãn mác nông lâm sản và Luật Vệ sinh Thực phẩm.

#### *Phụ gia thực phẩm*

Tên của các chất phụ gia được sử dụng phải được liệt kê theo thứ tự giảm dần từ chất có hàm lượng cao nhất đến thấp nhất trên nhãn mác phù hợp với Luật Vệ sinh Thực phẩm. Tên và cách sử dụng chất phụ gia sau cần được ghi rõ trên nhãn bột ngọt, chất chống oxy

hóa, phẩm nhuộm nhân tạo, chất tạo màu, chất bảo quản, chất làm trắng, chất làm dày ổn định chất làm đông các chất cô đặc, các chất trị nấm và chất chống mối mọt.

### *Ngộ độc thực phẩm*

Để tránh các rủi ro nguy hại tới sức khỏe người tiêu dung liên quan đến vấn đề ngộ độc thực phẩm, luật của Nhật Bản quy định một số thành phần cụ thể cần được thể hiện trên nhãn sản phẩm phù hợp với Luật Vệ sinh Thực phẩm.

### *Trọng lượng thành phần thực phẩm*

Khi nhập khẩu và bán các loại thực phẩm, nhà nhập khẩu cần ghi rõ trọng lượng của sản phẩm phù hợp với Luật Đo lường và chỉ rõ trọng lượng tính theo gam trên nhãn mác. Sản phẩm cần được ghi rõ trọng lượng, sự khác biệt giữa trọng lượng thực của sản phẩm và con số ghi trên nhãn chỉ trong giới hạn cho phép.

### *Hạn sử dụng*

Hạn sử dụng của sản phẩm theo từng cách thức bảo quản sản phẩm cần được ghi rõ trên nhãn phù hợp với Luật Tiêu chuẩn hóa và Dán nhãn các sản phẩm nông lâm sản và Luật Vệ sinh Thực phẩm. Nhãn hạn sử dụng cần có chứa các thông tin: ngày hết hạn sử dụng và hạn sử dụng tốt nhất (best by).

### *Cách thức bảo quản sản phẩm*

Cách thức bảo quản sản phẩm đảm bảo giữ nguyên hương vị của thực phẩm cho đến hạn sử dụng tốt nhất phải được chỉ rõ trên nhãn phù hợp với Luật Tiêu chuẩn hóa và Dán nhãn các sản phẩm nông lâm sản và Luật Vệ sinh Thực phẩm.

### *Nước xuất xứ*

Các tiêu chuẩn dán nhãn chất lượng đối với thực phẩm, được quy định bởi Luật Tiêu chuẩn hóa và Dán nhãn các sản phẩm nông lâm sản, yêu cầu có thông tin về nước xuất xứ trên nhãn thực phẩm nhập khẩu.

### *Chất lượng*

Luật Tiêu chuẩn hóa và Dán nhãn các sản phẩm nông lâm sản yêu cầu có thông tin trên nhãn mác với các trường hợp sau:

- Rã đông (Defrosted ) đối với các sản phẩm đông lạnh cần rã đông;
- Sản phẩm nuôi (Farmed ) đối với các loại thủy sản nuôi.

### *Nhà nhập khẩu*

Tên và địa chỉ của nhà nhập khẩu cũng phải được ghi rõ trên nhãn phù hợp với Luật Tiêu chuẩn hóa và Dán nhãn các sản phẩm nông lâm sản và Luật Vệ sinh Thực phẩm. Đối với các sản phẩm được chế biến tại Nhật Bản sử dụng các thành phần nhập khẩu, tên và địa chỉ của nhà sản xuất hoặc nhà kinh doanh cũng cần được ghi rõ trên nhãn.

### *Thông tin dinh dưỡng*

Các thành phần dinh dưỡng và hàm lượng calo cũng cần được ghi rõ trên nhãn thực phẩm biến phù hợp với các tiêu chuẩn về dán nhãn dinh dưỡng do MHLW quy định. Các thông tin bắt buộc bao gồm thành phần dinh dưỡng, cơ cấu thành phần (ví dụ, các loại axit amin trong protein) và loại thành phần thực phẩm (ví dụ, các loại axit béo có trong chất béo). Nếu nhãn chỉ có thông tin chung như vitamin thay vì ghi rõ tên các chất dinh dưỡng cụ thể, cần ghi rõ thành phần thực phẩm.

Các thành phần thực phẩm cần được ghi theo thứ tự và đơn vị như sau :

- Hàm lượng calo (kcal hoặc kilocalo);
- Protein (g hoặc gram);
- Chất béo (g hoặc gram);
- Hy-đrát các-bon (g hoặc gram);
- Natri;
- Các thành phần dinh dưỡng khác cần ghi trên nhãn.

### Mô tả sản phẩm

Mô tả sản phẩm sai hoặc dễ gây hiểu lầm bị cấm bởi Luật Bảo vệ Sức khỏe, Luật Chống lại việc đánh giá cao, sai sự thật và mô tả gây hiểu lầm và các luật và quy định liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ (ví dụ, Luật chống cạnh tranh không lành mạnh, Luật Thương hiệu). Các luật này được áp dụng cho tất cả các sản phẩm, không giới hạn với các sản phẩm thực phẩm.

## 3.6. Quy định về SPS của Hàn Quốc đối với động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu

### 3.6.1. Quy định chung

Liên quan đến nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật, các thủ tục nhập khẩu của Hàn Quốc dựa trên các luật sau:

- Luật Vệ sinh Thực phẩm: nhằm mục đích ngăn ngừa nguy cơ từ các mối nguy vệ sinh đối với sản phẩm thực phẩm. Một mục tiêu khác của luật này là cải thiện sức khỏe quốc gia thông qua những tiến bộ về chất lượng thực phẩm và dinh dưỡng.
- Luật Phòng chống và Kiểm soát dịch bệnh gia súc: nhằm mục đích ngăn chặn sự xuất hiện hoặc lan rộng của dịch bệnh gia súc, góp phần vào sự phát triển của ngành chăn nuôi và cải thiện sức khỏe cộng đồng. Tất cả thịt và các sản phẩm thịt chế biến đều có thể được nhập khẩu vào Hàn Quốc sau khi kiểm dịch theo Luật Phòng chống và Kiểm soát dịch bệnh gia súc.
- Luật Ngoại thương: nhằm mục đích thúc đẩy thương mại nước ngoài và phát triển nền kinh tế quốc gia thông qua tăng cường thương mại và giao thương.
- Luật liên quan đến ghi nhãn thực phẩm: các quy định cho phép người tiêu dùng lựa chọn sản phẩm một cách hợp lý dựa trên thông tin bằng cách hiển thị thông tin liên quan đến thực phẩm trên bao bì hoặc hộp đựng.

- Các luật khác liên quan đến nhập khẩu.

### Quy trình cho các hoạt động trước khi nhập khẩu

Các doanh nghiệp có ý định nhập khẩu thực phẩm động vật có thể yêu cầu dịch vụ tư vấn về thủ tục nhập khẩu từ các chuyên gia kiểm tra và kiểm dịch ngay từ giai đoạn trước khi nhập khẩu. Việc tư vấn trước khi nhập khẩu có thể do Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hàn Quốc (KFDA) hoặc các chuyên gia tư vấn riêng lẻ thực hiện. Việc tư vấn trước khi nhập khẩu sẽ ngăn ngừa việc không tuân thủ và đảm bảo không có sai sót trong việc chuẩn bị các tài liệu theo yêu cầu của Luật Vệ sinh Thực phẩm.



Tư vấn trước khi nhập khẩu về kiểm tra và kiểm dịch tại Hàn Quốc là một giai đoạn hoạt động khác biệt so với thông báo nhập khẩu chính thức với KFDA. Việc tư vấn trước khi nhập khẩu nên được thực hiện trước, với các công ty tư vấn mà doanh nghiệp lựa chọn và có năng lực về kiểm tra và kiểm dịch, thuế hải quan và các yêu cầu khác.

Tư vấn trước sẽ ngăn ngừa sai sót và tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuẩn bị các tài liệu cần thiết, rà soát tài liệu và các giấy tờ nhập khẩu khác.

### *Hồ sơ thông báo nhập khẩu thực phẩm*

Bất kỳ doanh nghiệp muốn nhập khẩu thực phẩm đều phải tuân thủ các tiêu chuẩn vệ sinh, sau khi đáp ứng một số yêu cầu nhất định (ví dụ: tiêu chuẩn vệ sinh cho việc sử dụng kho lưu trữ thực phẩm). Hồ sơ tuân thủ cho việc bán hàng phải được nộp cho KFSA có thẩm quyền tại địa phương. Những doanh nghiệp không có giấy chứng nhận thông báo bán hàng được khuyến cáo không nên tiếp tục nhập khẩu.

Các tài liệu cần thiết cho việc thông báo nhập khẩu thực phẩm bao gồm:

- Giấy chứng nhận vệ sinh do cơ quan chính phủ tại quốc gia xuất xứ cấp cho hàng xuất khẩu;
- Danh mục nguyên vật liệu;
- Chi tiết sản xuất và chế biến.

### *Tài liệu yêu cầu từ nhà nhập khẩu*

Các doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm phải điền đầy đủ các ô cần thiết trong mẫu đơn. Mẫu đơn Thông báo nhập khẩu thực phẩm phải ghi rõ tên công ty, địa chỉ, tên mặt hàng, tiêu chuẩn, số lượng, trọng lượng, quốc gia xuất khẩu, tên nhà sản xuất, cảng vận chuyển, danh sách nguyên vật liệu, quy trình sản xuất và các thông tin khác.

Mẫu khai báo nhập khẩu thực phẩm được viết bằng tiếng Hàn. Để tránh sai sót khi điền mẫu, doanh nghiệp xuất khẩu phải cung cấp cho nhà nhập khẩu thông tin chính xác về tên sản phẩm, nhà sản xuất, địa chỉ, quy trình sản xuất và danh mục nguyên vật liệu.

Đối với thịt và các sản phẩm thịt chế biến sẽ yêu cầu cung cấp Giấy chứng nhận vệ sinh do chính phủ nước xuất khẩu cấp.

#### *Giấy chứng nhận kiểm định hoặc kết quả kiểm định*

Nếu cần thiết, doanh nghiệp xuất khẩu cần chuẩn bị giấy chứng nhận kiểm tra hoặc báo cáo kiểm tra do các tổ chức kiểm tra được ủy quyền trong nước hoặc nước ngoài cấp.

Nhà nhập khẩu thực phẩm phải loại bỏ, trả lại hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng hàng hóa nhập khẩu khi mặt hàng được xác định là không phù hợp sau khi kiểm tra và kiểm dịch. Trong trường hợp này, nhà nhập khẩu có thể bị tổn thất do chi phí và thời gian loại bỏ hoặc trả lại mặt hàng thực phẩm.

Khuyến nghị các doanh nghiệp nên tham khảo Luật Vệ sinh Thực phẩm để lấy mẫu kiểm tra dư lượng thuốc trừ sâu, việc sử dụng phụ gia thực phẩm và sự hiện diện của các vật liệu độc hại hoặc gây hại.

KFDA có thể bỏ qua một phần hoặc toàn bộ quy trình kiểm tra trong các trường hợp sau:

- Khi mặt hàng thực phẩm không nằm trong danh mục thực phẩm nguy hiểm theo quy định của Luật Vệ sinh Thực phẩm. Mặt hàng phải nằm trong danh mục được phép của KFDA. KFDA phải xác nhận mặt hàng không vi phạm Luật Vệ sinh Thực phẩm. Động vật có giấy phép của chính phủ nước xuất khẩu có thể được đưa vào danh sách.
- Khi kết quả kiểm tra hoặc giấy chứng nhận kiểm tra được nộp bởi các tổ chức kiểm tra trong nước hoặc quốc tế được KFDA công nhận và ghi nhận.
- Khi mặt hàng được nhập khẩu bởi một nhà nhập khẩu đã đăng ký có thành tích xuất sắc.

### *Kiểm tra thực phẩm nhập khẩu*

Tất cả thực phẩm nhập khẩu phải được kiểm tra trước khi thông quan và phải đạt tiêu chuẩn và các thông số kỹ thuật tương tự như các mặt hàng thực phẩm sản xuất tại Hàn Quốc. Thanh tra thực phẩm sẽ kiểm tra các giấy tờ thông báo nhập khẩu và hàng hóa để đảm bảo tuân thủ Luật Vệ sinh Thực phẩm. Khi kết quả kiểm tra cho thấy tuân thủ Luật Vệ sinh Thực phẩm, Giấy chứng nhận thông báo nhập khẩu cho thực phẩm sẽ được cấp cho nhà nhập khẩu và Cơ quan Hải quan sẽ được thông báo. Khi kết quả kiểm tra cho thấy không tuân thủ, việc nhập khẩu mặt hàng thực phẩm vào Hàn Quốc sẽ bị cấm. Các mặt hàng thực phẩm nhập khẩu phải bị loại bỏ hoặc trả lại nơi xuất xứ. Cũng có thể thay đổi mục đích sử dụng đã chỉ định của mặt hàng thực phẩm. Do đó, điều quan trọng là nhà nhập khẩu phải xem xét kỹ lưỡng xem hàng hóa có tuân thủ Luật Vệ sinh Thực phẩm hay không và thu thập đầy đủ tài liệu làm bằng chứng.

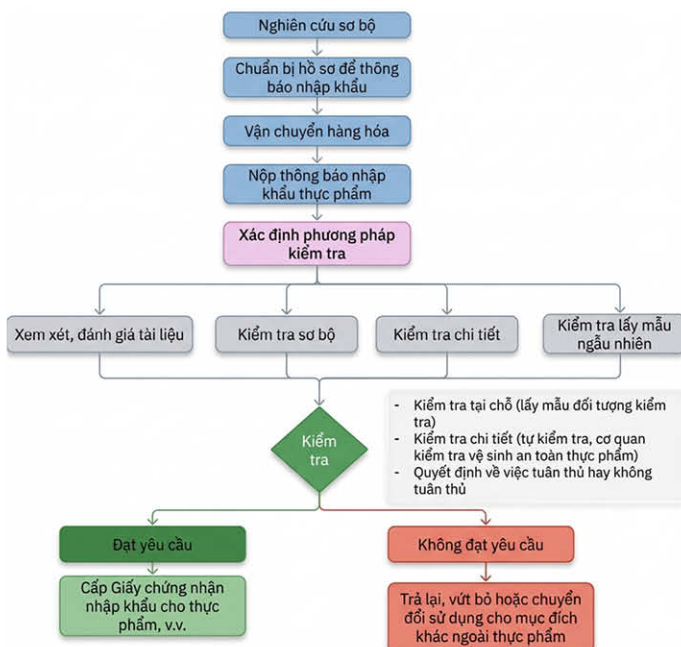


Những điểm chính trong quá trình kiểm tra:

- Phương pháp và tiêu chuẩn sản xuất có tuân thủ các yêu cầu của Luật Vệ sinh Thực phẩm không;
- Các chất phụ gia được sử dụng có nằm trong phạm vi cho phép không;
- Có bất kỳ chất độc hại hoặc nguy hiểm nào không;
- Có tiền sử vi phạm nào của nhà máy sản xuất hoặc nhà sản xuất không.

### 3.6.2. Phòng chống dịch bệnh từ thịt và sản phẩm chế biến từ thịt

Quy trình phòng ngừa và kiểm soát dịch bệnh động vật đối với thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt được tóm tắt trong sơ đồ sau theo quy định của Luật Phòng ngừa và Kiểm soát dịch bệnh động vật Hàn Quốc.



## 1. Nghiên cứu sơ bộ

Các doanh nghiệp nhập khẩu thịt và các sản phẩm thịt chế biến phải vượt qua quy định kiểm dịch theo Luật Phòng chống dịch bệnh gia súc trước khi nhập khẩu. Mục tiêu của luật này là góp phần vào sự phát triển của ngành chăn nuôi và đảm bảo sức khỏe và an toàn cộng đồng bằng cách ngăn chặn sự xuất hiện hoặc lan rộng của dịch bệnh. Các doanh nghiệp nhập khẩu phải kiểm tra xem thịt và các sản phẩm thịt chế biến có phải là đối tượng được chỉ định kiểm dịch hay không.

Các đối tượng được chỉ định kiểm dịch bao gồm:

- Sữa thô và phô mai
- Thực phẩm thịt chế biến như giăm bông, xúc xích, thịt xông khói; trứng và sữa chế biến như bột trứng
- Thịt, xương, xác động vật, ruột, da, lông vũ, lông thú, sừng, móng guốc và gân
- Trứng (gia cầm hoặc chim), mỡ, máu, bột máu, vẩy, phân, não, tủy, chiết xuất, bột thịt và xương, và bột lông chim.

Doanh nghiệp nhập khẩu phải nộp giấy chứng nhận kiểm dịch do chính phủ nước xuất khẩu cấp, trong đó nêu rõ kết quả kiểm tra của chính phủ không phát hiện bất kỳ lo ngại nào về sự lây lan của mầm bệnh dịch hại vật nuôi. Tuy nhiên, khi nhập khẩu từ một quốc gia không có cơ quan kiểm dịch động vật, việc nộp giấy chứng nhận kiểm dịch điện tử sẽ không bắt buộc nếu giấy chứng nhận kiểm dịch điện tử do chính phủ nước xuất khẩu gửi qua đường bưu điện đã được lưu trữ trong hệ thống máy tính chính của cơ quan kiểm dịch.

Giấy chứng nhận kiểm dịch phải cung cấp thông tin về các điều kiện hiện hành như kiểm dịch và vệ sinh của các nước xuất khẩu khi cần thiết để phòng ngừa dịch bệnh gia súc và bảo vệ sức khỏe và an toàn cộng đồng. Các nhà nhập khẩu không tuân thủ các điều

kiện vệ sinh bắt buộc sẽ không được phép nhập khẩu. Tuy nhiên, các đối tượng kiểm dịch được chỉ định được sản xuất tại các quốc gia không phải là các quốc gia liên quan đến bệnh bò điên (BSE) và được xử lý bằng nhiệt ẩm (121°C, 15–20 phút, hoặc 115°C, 35 phút), nhiệt khô (160°C–170°C, 1–2 giờ) hoặc các phương pháp tương tự có hiệu quả tương đương hoặc cao hơn có thể được phép nhập khẩu từ các khu vực bị cấm xuất khẩu sang Hàn Quốc. Các sản phẩm lạnh hoặc đông lạnh trong số các đối tượng kiểm dịch được chỉ định đã được khử trùng vẫn bị cấm nhập khẩu từ các khu vực đó.

Nhà nhập khẩu phải kiểm tra xem sản phẩm có thuộc khu vực kiểm dịch hoặc mặt hàng được chỉ định hay không. Quan trọng nhất, nhà nhập khẩu phải kiểm tra xem giấy chứng nhận kiểm dịch có tuân thủ các điều kiện vệ sinh do nước xuất khẩu cấp hay không. Các mặt hàng được chỉ định kiểm dịch phải được nhập khẩu qua các cảng và sân bay được chỉ định. Nhà nhập khẩu phải chú ý lựa chọn kỹ lưỡng cửa khẩu nhập khẩu cho các mặt hàng nhập khẩu.

## 2. Chuẩn bị hồ sơ

### *Tài liệu cần thiết để kiểm dịch nhập khẩu*

Nhà nhập khẩu thịt và các sản phẩm thịt chế biến phải nộp giấy chứng nhận kiểm dịch do chính phủ nước xuất khẩu cấp.

Đơn đăng ký kiểm dịch phải được viết bằng tiếng Hàn. Nhà nhập khẩu phải điền đầy đủ thông tin chính xác hoặc đúng sự thật vào đơn, theo tài liệu do nhà xuất khẩu cung cấp. Đơn đăng ký phải được điền điện tử và gửi đến Cục Kiểm dịch và Nghiên cứu Thú y Quốc gia. Nhà xuất khẩu phải cung cấp thông tin chính xác về giấy chứng nhận kiểm dịch, bao gồm tên nhà sản xuất, quy trình sản xuất và các thông tin khác.

### *Tài liệu yêu cầu từ nhà xuất khẩu:*

- Giấy chứng nhận kiểm dịch do chính phủ nước xuất khẩu cấp.

- Thịt và các sản phẩm thịt chế biến phải được chính phủ nước xuất khẩu kiểm dịch trước khi xuất khẩu. Giấy chứng nhận kiểm dịch do chính phủ nước xuất khẩu cấp phải tuân thủ các yêu cầu vệ sinh của nước nhập khẩu và Hàn Quốc.
- Nhà xuất khẩu phải chuẩn bị vận đơn hoặc vận đơn hàng không, hóa đơn, danh sách đóng gói, sơ đồ sản xuất và chế biến, danh mục nguyên vật liệu và các tài liệu cần thiết khác.

Khi nhập khẩu các đối tượng kiểm dịch được chỉ định, nhà nhập khẩu phải nộp đơn xin kiểm dịch bằng cách nộp giấy chứng nhận kiểm dịch do chính phủ nước xuất khẩu cấp. Các tài liệu liên quan đến thương mại (vận đơn, hóa đơn, danh sách đóng gói và các tài liệu khác) cũng phải được nộp cho Cục Kiểm dịch và Nghiên cứu Thú y Quốc gia (NVQRS). Đơn xin có thể được nộp trực tuyến qua NVQRS hoặc qua kênh thông quan đơn giản của Cục Hải quan (UNI-PASS).

### 3. Kiểm tra và kiểm dịch

NVQRS phải xác nhận các mặt hàng sản phẩm chăn nuôi nhập khẩu đã báo cáo nếu các sản phẩm này thuộc đối tượng kiểm dịch được chỉ định. NVQRS cũng tiến hành kiểm tra vệ sinh cùng với kiểm dịch. Các tiêu chuẩn thành phần sẽ được kiểm tra trước để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu chế biến chăn nuôi.

Chủ yếu là hàm lượng kim loại nặng (chì, cadmium, thiếc, v.v.), tiêu chuẩn sử dụng phụ gia thực phẩm (chất bảo quản, chất chống oxy hóa, chất tạo màu hắc ín, v.v.), mức độ ô nhiễm vi sinh vật (số lượng vi khuẩn, trực khuẩn ruột, salmonella, clostridium, v.v.), các chỉ số lỗi (pH, peroxit, phosphat, v.v.) và các mặt hàng được chọn để kiểm soát chất lượng (chất béo sữa trong kem) sẽ được kiểm tra. Sau khi hoàn thành hoặc đồng thời với việc kiểm dịch theo Luật Phòng chống và Kiểm soát dịch bệnh chăn nuôi, các thủ tục theo yêu cầu của Luật Vệ sinh Thực phẩm sẽ được thực hiện.

### *Các yêu cầu kiểm tra chính*

- Các tài liệu kèm theo như giấy chứng nhận kiểm dịch: có tuân thủ quy định không;
- Đối tượng kiểm dịch được chỉ định: các sản phẩm này có nằm trong danh mục cấm hay đến từ các khu vực cấm nhập khẩu không;
- Mức độ vi sinh vật (số lượng vi khuẩn, trực khuẩn đường ruột, salmonella và các loại khác): có nằm trong tiêu chuẩn phù hợp không;

### *Tiêu hủy sản phẩm chăn nuôi nhập khẩu không đạt tiêu chuẩn*

Dựa trên kết quả kiểm tra, cơ quan Hải quan sẽ thông báo điện tử cho doanh nghiệp nhập khẩu không đạt tiêu chuẩn vật nuôi nhập khẩu. Sản phẩm phải được tiêu hủy (đốt hoặc chôn) hoặc trả lại.

### **3.6.3. Quy định ghi nhãn thực phẩm của Hàn Quốc**

Các mặt hàng thực phẩm nhập khẩu vào Hàn Quốc phải dán nhãn theo Luật Vệ sinh Thực phẩm. Nhãn chung cho thực phẩm nhập khẩu khác nhau tùy theo loại thực phẩm, thông tin trên nhãn bao gồm các mục sau:

1. Tên sản phẩm
2. Loại sản phẩm thực phẩm
3. Tên và địa chỉ công ty
4. Ngày sản xuất
5. Thời gian lưu thông
6. Trọng lượng
7. Tên nguyên liệu thô và nội dung (chỉ khi sử dụng nguyên liệu thô làm một phần của tên sản phẩm hoặc tên sản phẩm)

8. Thành phần và nội dung (chỉ khi sử dụng thực phẩm và các thành phần được hiển thị dưới dạng một phần của tên sản phẩm hoặc tên sản phẩm hoặc tên sản phẩm)

9. Các thành phần dinh dưỡng (giới hạn ở các sản phẩm được chỉ định riêng)

10. Các thông tin khác được quy định trong các tiêu chuẩn ghi nhãn chi tiết đối với thực phẩm và các sản phẩm liên quan khác.

Nhãn phải được viết bằng tiếng Hàn (Hangeul) bằng mực, khắc hoặc niêm phong không thể tẩy xóa. Nhãn phải được dán trên bao bì hoặc thùng chứa được bán cho người tiêu dùng.

Các mặt hàng thực phẩm lưu thông tại các nước xuất khẩu phải mang nhãn của nước đó. Có thể sử dụng nhãn dán in bằng tiếng Hàn nhưng không được tháo rời. Nhãn không được che khuất các thông tin quan trọng như tên sản phẩm, tên nguyên liệu thô được sử dụng, thời gian lưu hành, ngày sản xuất và các thông tin khác, những thông tin này phải được hiển thị trong bao bì hoặc thùng chứa ban đầu.

Tên quốc gia xuất khẩu và nhà sản xuất có thể được hiển thị bằng ngôn ngữ của quốc gia đó trên nhãn dán tiếng Hàn.

Đối với các mặt hàng thực phẩm được sản xuất hoặc chế biến thành các sản phẩm riêng biệt, chỉ cần ghi tên sản phẩm, nhà sản xuất, ngày sản xuất, thời gian lưu hành hoặc ngày bảo trì chất lượng. Có thể bỏ qua nhãn tiếng Hàn khi nhãn được hiển thị bằng tiếng Anh hoặc ngôn ngữ của quốc gia xuất khẩu. Có thể bỏ qua nhãn tiếng Hàn đối với các sản phẩm nông nghiệp và hải sản tự nhiên không được bảo quản trong bao bì hoặc thùng chứa, và thực phẩm nhập khẩu để sử dụng ở nước ngoài.

### 3.7. Quy định về SPS của HALAL đối với động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu

#### 3.7.1. Chứng chỉ Halal

Halal theo tiếng Ả Rập có nghĩa là hợp pháp, được phép dựa trên việc đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và phù hợp với các chuẩn mực, giá trị, thiêng luật của đạo Hồi hay theo chuẩn của Kinh Qu'ran. Thực phẩm Halal là bất kỳ loại thực phẩm nào tuân theo luật Hồi giáo Sharia và thường được tiêu thụ bởi những người theo đạo Hồi.

Chứng chỉ HALAL là kết quả đầu ra của hoạt động đánh giá chứng nhận Halal sau khi tổ chức chứng nhận xác định doanh nghiệp đã hoàn tất các hành động khắc phục theo đúng yêu cầu.



*Lợi ích của chứng chỉ Halal*

- Đảm bảo rằng các sản phẩm được kiểm tra kỹ lưỡng theo Luật Hồi giáo Shariah bởi hội đồng có liên quan. Vì người tiêu dùng/người mua Halal chỉ chấp nhận và mua những sản phẩm được chứng nhận có dấu Halal, nên cần phải đạt được sự chắc chắn này trước khi bán hoặc xuất khẩu sản phẩm của mình cho người mua Halal;

- Sự cần thiết chính của Chứng chỉ Halal là để phục vụ các cộng đồng Hồi giáo quốc tế nhằm đáp ứng sự tuân thủ tôn giáo của họ. Khái niệm Halal áp dụng cho nhiều loại hàng hóa và dịch vụ được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày của người Hồi giáo. Người tiêu dùng Hồi giáo lựa chọn sản phẩm vì nó tuân thủ quy trình, thủ tục do Luật Hồi giáo quy định;
- Chứng nhận Halal cho phép doanh nghiệp tiếp thị sản phẩm của mình tới nhiều quốc gia khác nhau, chủ yếu ở các quốc gia có số lượng người theo đạo Hồi nhiều hơn;
- Các sản phẩm được chứng nhận Halal có nhu cầu cao chủ yếu ở Đông Nam Á và Trung Đông, những thị trường tiêu thụ sản phẩm Halal lớn nhất;
- Nếu doanh nghiệp đang xuất khẩu hoặc dự định xuất khẩu sang các quốc gia có đa số người theo đạo Hồi thì chứng chỉ Halal sẽ cho phép doanh nghiệp đáp ứng một trong những yêu cầu quan trọng của các nước nhập khẩu;
- Chứng chỉ Halal là sự đảm bảo rằng các sản phẩm tuân thủ các yêu cầu về chế độ ăn uống của người Hồi giáo hoặc lối sống của người Hồi giáo.

### 3.7.2. Sản phẩm động vật Halal

Đối với thực phẩm Halal, yếu tố nguyên liệu đầu vào giữ vai trò nền tảng và có tính quyết định. Theo quy định, chỉ những loài động vật được phép theo Hồi giáo mới có thể được sử dụng. Các loài động vật sau đây phù hợp với tiêu dùng của người Hồi giáo:

- Bò, cừu, dê, lạc đà, hươu, nai, thỏ;
- Gia cầm (Gà, gà tây, vịt, ngỗng, bồ câu), cá có vảy.

*Trong khi các loài bị cấm như heo, chó, động vật ăn thịt hoặc máu động vật đều hoàn toàn bị loại trừ.*

Các động vật được phép nói trên sẽ chỉ được coi là Halal khi chúng được giết mổ theo các nguyên tắc sau:

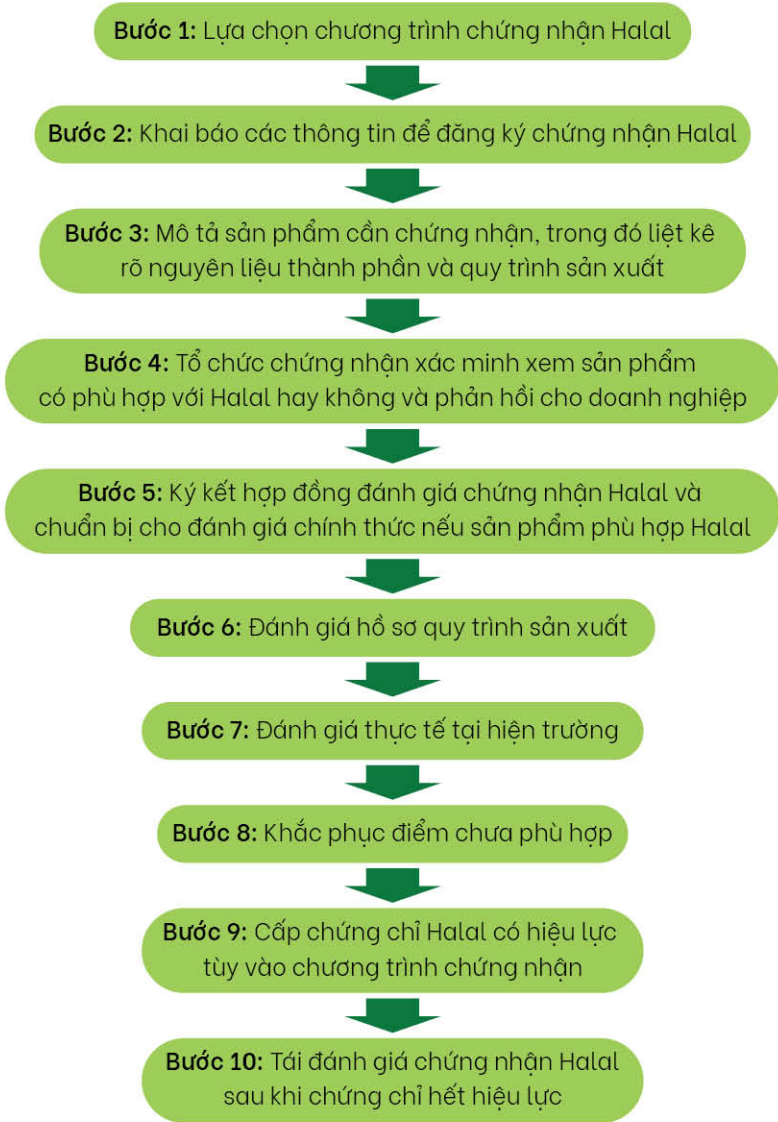
- Người giết mổ phải là người Hồi giáo;
- Trước khi giết mổ, người giết mổ phải gọi tên của Allah trên con vật bị giết bằng cách đọc “Bismillahi Allahu Akbar” hoặc ít nhất là đọc “Bismillah”;
- Người đó phải ngay lập tức giết mổ con vật mà không có bất kỳ sự chậm trễ đáng kể nào;
- Con dao của người giết mổ phải cực kỳ sắc bén để việc giết mổ có thể được tiến hành hiệu quả, dễ dàng và con vật phải chịu đau đớn tối thiểu;
- Người đó phải cắt đứt các động mạch sau: khí quản, thực quản, cả hai tĩnh mạch cảnh;
- Nếu người giết mổ không thể cắt cả bốn động mạch vì bất kỳ lý do gì thì anh ta phải cắt ít nhất ba động mạch để biến thịt thành Halal;
- Người giết mổ phải tiến hành giết mổ thủ công (tức là bằng tay) và nhanh chóng.



Trước khi chuẩn bị thức ăn Halal, nhà xuất khẩu phải thực hiện một số biện pháp phòng ngừa nhất định để đảm bảo rằng các nguyên tắc Halal được tuân thủ. Điều này bao gồm:

- Làm sạch tất cả các đồ dùng, ly, đồ sành sứ, đĩa phục vụ và các bề mặt chuẩn bị thức ăn;
- Thịt Halal nên có thớt, khu vực sơ chế và dao riêng;
- Tất cả các vật dụng được sử dụng để chuẩn bị bữa ăn Halal phải được làm sạch kỹ lưỡng trước mỗi bữa ăn;
- Thịt Halal và không phải Halal nên được để riêng trong các hộp đựng khác nhau;
- Thịt Halal và thịt không phải Halal không bao giờ được nấu trong cùng một đồ đựng;
- Nếu chế biến thịt trong lò, thịt Halal nên được đặt ở giá trên cùng, trong khi thịt không phải Halal được đặt ở dưới cùng;
- Thực phẩm chiên chỉ nên được chế biến trong dầu thực vật;
- Salad chỉ nên chứa thịt Halal với phô mai Halal.

### 3.7.3. Quy trình cấp chứng chỉ Halal



*Lưu ý: Chỉ những cơ quan, tổ chức được cấp phép trong lĩnh vực chứng nhận Halal mới có thẩm quyền đánh giá, cấp chứng nhận sản phẩm theo tiêu chuẩn này;*

Chỉ các sản phẩm vật thể được sản xuất hàng loạt và có nhãn hiệu thương mại rõ ràng thuộc các lĩnh vực mà Nhà nước sở tại cho phép sản xuất mới có thể đăng ký chứng nhận Halal.

### **3.7.4. Các chương trình chứng nhận Halal**

Có 03 chương trình chứng nhận Halal:

*Chương trình JAKIM:*

- Có thời hạn chứng nhận: 01 năm;
- Tất cả các loại sản phẩm: thực phẩm, mỹ phẩm, nguyên liệu, dịch vụ,... đều chứng nhận được;
- Phạm vi xuất khẩu: Có giá trị xuất khẩu sang tất cả các nước, ngoại trừ Indonesia và các nước thuộc Hội đồng Hợp tác vùng Vịnh (GCC).

*Chương trình GCC:*

- Sau khi đánh giá chứng nhận thành công, doanh nghiệp được cấp 03 bản chứng chỉ có hiệu lực 03 năm;
- Chỉ đánh giá cho sản phẩm thực phẩm;
- Chương trình đánh giá và chứng chỉ này chỉ áp dụng hiệu lực cho thị trường GCC (bao gồm các nước: Dubai-UAE, Kuwait, Oman, Qatar, Saudi Arabia, Bahrain, Yemen).

*Chương trình MUI:*

- Có giá trị 01 năm;
- Chỉ đánh giá cho sản phẩm là nguyên liệu, bán thành phẩm hoặc hương liệu;
- Phạm vi xuất khẩu: Có giá trị xuất khẩu sang tất cả các nước, ngoại trừ Malaysia và GCC.

Doanh nghiệp có thể lựa chọn một hoặc nhiều chương trình chứng nhận cùng lúc để thuận lợi trong việc xuất khẩu hàng hóa.

## PHẦN IV

### MỘT SỐ CÂU HỎI THƯỜNG GẶP VỀ CÁC QUY ĐỊNH AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT (SPS) ĐỐI VỚI NGÀNH HÀNG ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

**Câu hỏi 1: Các địa chỉ, thông tin hữu ích đối với doanh nghiệp khi xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật?**

**Trả lời:**

Các địa chỉ, thông tin hữu ích của một số cơ quan, tổ chức liên quan đối với doanh nghiệp khi xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật bao gồm:

1. Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp quốc gia về Vệ sinh dịch tễ và Kiểm dịch động thực vật Việt Nam (Văn phòng SPS Việt Nam)

Địa chỉ: Số 10 Nguyễn Công Hoan, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3734 4764

Email: [spsvietnam@mae.gov.vn](mailto:spsvietnam@mae.gov.vn)

Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn/>

2. Hội Chăn nuôi Việt Nam (AHAV)

Địa chỉ: Số 73 (Tầng 4) phố Hoàng Cầu, phường Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: +84 24 38691511

Email: [vanphong@hoichannuoi.vn](mailto:vanphong@hoichannuoi.vn)

Website: <https://hoichannuoi.vn/>

### 3. Cục Chăn nuôi và Thú y

Địa chỉ: Số 2 Ngọc Hà, phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

Điện thoại: +84 243.8696788

Email: [vanphongcuc@dah.gov.vn](mailto:vanphongcuc@dah.gov.vn)

Website: <https://cucthuy.gov.vn/>

### 4. Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

Địa chỉ: Số 10 Nguyễn Công Hoan, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: +84 24 38310983

Email: <https://nafiqpm.mae.gov.vn/>

**Câu hỏi 2: Xin cho biết quy trình thủ tục xuất khẩu sản phẩm thịt đông lạnh như thế nào?**

#### Trả lời:

Để được xuất khẩu sản phẩm thịt đông lạnh, doanh nghiệp cần tuân theo các yêu cầu của nước nhập khẩu. Theo các quy định hiện nay, doanh nghiệp chỉ được xuất khẩu sản phẩm thịt làm thực phẩm, vào nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Việt Nam đã đăng ký xuất khẩu sản phẩm động vật làm thực phẩm.

Thịt là một loại thực phẩm thuộc sản phẩm động vật trên cạn. Theo đó, sản phẩm động vật trên cạn là “thịt, trứng, sữa, mật ong, sáp ong, sữa ong chúa, tinh dịch, phôi động vật, huyết, nội tạng, da, lông, xương, sừng, ngà, móng và các sản phẩm khác có nguồn gốc từ động vật trên cạn” (theo điểm a khoản 2 Điều 3 Luật Thú y năm 2015).

Về điều kiện xuất khẩu thịt đông lạnh, tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 01/2024/TT-BNNPTNT quy định, thịt heo thuộc danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải kiểm dịch. Do đó, trước khi xuất khẩu sản phẩm thịt đông lạnh, theo quy định, chủ hàng hóa phải đăng ký kiểm dịch tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng, Chi cục kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Chăn

nuôi và Thú y hoặc Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y ủy quyền (cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu). Trường hợp chủ hàng không có yêu cầu kiểm dịch thì chủ hàng phải thực hiện kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT.

Như vậy, để được xuất khẩu thịt đông lạnh, cá nhân, tổ chức có nhu cầu cần thông qua thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm thịt xuất khẩu và thực hiện thủ tục hải quan để thông quan hàng hóa.

*Bước 1: Đăng ký kiểm dịch sản phẩm thịt đông lạnh (cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm thịt đông lạnh)*

Tổ chức, cá nhân cần chuẩn bị hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch gồm các giấy tờ sau:

- Đơn đăng ký kiểm dịch;
- Yêu cầu vệ sinh thú y của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng (nếu có);
- Mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu (nếu có).

Nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền, sau khi chuẩn bị hồ sơ, tổ chức, cá nhân xuất khẩu thịt nộp hồ sơ đăng ký kiểm dịch cho Cục Chăn nuôi và Thú y. Sau đó, Cục Chăn nuôi và Thú y quyết định và có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch thịt xuất khẩu về địa điểm, thời gian kiểm dịch. Nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cục Chăn nuôi và Thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch Cục sẽ thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp nước nhập khẩu hoặc chủ hàng không yêu cầu kiểm dịch thì chủ hàng thực hiện việc kiểm dịch theo trình tự kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn

cấp tỉnh được quy định tại Điều 39 của Luật Thú y 2015. Sau khi hoàn thành xong việc kiểm dịch thịt xuất khẩu, tổ chức, cá nhân cần thực hiện thủ tục khai hải quan để thông quan hàng hóa.

*Bước 2: Tiến hành làm thủ tục hải quan xuất khẩu thịt đông lạnh*

Bộ hồ sơ làm thủ tục hải quan khi nhập khẩu thịt đông lạnh nói riêng, làm thủ tục nhập khẩu các mặt hàng khác nói chung theo quy định tại Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015; sửa đổi bổ sung 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018. Cụ thể:

- Tờ khai hải quan;
- Hợp đồng thương mại (Sale Contract);
- Hóa đơn thương mại/Phiếu đóng gói (Commercial Invoice/Packing List);
- Booking confirmation.
- Giấy chứng nhận đăng ký kiểm dịch.

Sau khi khai xong tờ khai hải quan, Hệ thống dữ liệu điện tử hải quan sẽ trả kết quả phân luồng tờ khai. Có luồng tờ khai thì in tờ khai ra và mang bộ hồ sơ nhập khẩu đến Chi cục hải quan để làm tiếp các khâu thủ tục hải quan. Tùy theo kết quả phân luồng xanh, vàng, đỏ của cơ quan hải quan mà thực hiện các bước khâu làm thủ tục hải quan.

Cán bộ hải quan chỉ kiểm tra các thông tin trên tờ khai hải quan (đối với luồng xanh và luồng vàng); kiểm tra các thông tin trên tờ khai hải quan và kiểm tra thực tế hàng hóa (đối với luồng đỏ) và sau khi doanh nghiệp nộp Chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật đạt yêu cầu cầu, tờ khai sẽ được thông quan.

### **Câu hỏi 3: Các sản phẩm động vật xuất sang Trung Quốc phải đáp ứng những yêu cầu kiểm dịch và chứng nhận gì?**

#### **Trả lời:**

Để đáp ứng tiêu chuẩn kiểm dịch, động vật và sản phẩm động vật xuất khẩu phải tuân thủ các yêu cầu nghiêm ngặt về vệ sinh thú y và an toàn dịch bệnh. Những yêu cầu này được quy định tại Luật Thú y năm 2015, Nghị định 35/2016/NĐ-CP, Thông tư 02/2018/TT-BNNPTNT, Thông tư 09/2022/TT-BNNPTNT và Nghị định 35/2022/NĐ-CP. Các văn bản này cung cấp thông tin chi tiết về danh mục động vật, sản phẩm động vật phải kiểm dịch, cũng như yêu cầu về hồ sơ và xét nghiệm. Việc cập nhật các văn bản pháp luật mới nhất giúp doanh nghiệp tránh vi phạm và chuẩn bị hồ sơ chính xác.

Doanh nghiệp cần lưu ý rằng các yêu cầu kiểm dịch thay đổi tùy thuộc vào thị trường đích. Ví dụ, Trung Quốc yêu cầu chứng nhận không sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi gia cầm, trong khi Mỹ yêu cầu kiểm tra bổ sung bệnh bò điên đối với thịt bò. Do đó, việc nghiên cứu kỹ quy định của nước nhập khẩu và phối hợp với cơ quan kiểm dịch là yếu tố then chốt để đảm bảo xuất khẩu thành công.

Doanh nghiệp cần liên hệ Văn phòng SPS Việt Nam để xác định sản phẩm có nguồn gốc động vật được phép xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc để chuẩn bị hồ sơ phù hợp.

### **Câu hỏi 4: Tôi muốn xuất khẩu thịt lợn, thì cần làm những thủ tục kiểm dịch và xin phép ở đâu?**

#### **Trả lời:**

Thịt lợn là một loại thực phẩm thuộc sản phẩm động vật trên cạn. Theo đó, sản phẩm động vật trên cạn là “thịt, trứng, sữa, mật ong, sáp ong, sữa ong chúa, tinh dịch, phôi động vật, huyết, nội tạng, da, lông, xương, sừng, ngà, móng và các sản phẩm khác có nguồn gốc từ động vật trên cạn” (theo điểm a khoản 2 Điều 3 Luật Thú y năm 2015).

Về điều kiện xuất khẩu thịt lợn, tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 01/2024/TT-BNNPTNT quy định, thịt heo thuộc danh

mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải kiểm dịch. Do đó, trước khi xuất khẩu thịt lợn, theo quy định, bạn phải đăng ký kiểm dịch tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng, Chi cục kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y hoặc Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y ủy quyền (cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu). Trường hợp không có yêu cầu kiểm dịch thì bạn phải thực hiện kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư số 07/VBHN-BNNPTNT ngày 04/10/2022 về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.

Giai đoạn	Cơ quan Việt Nam phụ trách	Giấy tờ chính cần có
Đăng ký xuất khẩu	Cục Chăn nuôi và Thú y – Bộ NNMT	Mã số cơ sở xuất khẩu
Kiểm dịch trước xuất	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng	Giấy chứng nhận kiểm dịch
Thông quan nhập khẩu		Hồ sơ xuất xứ, kiểm dịch, nhãn mác

Tuy nhiên, doanh nghiệp cần xác định quốc gia nhập khẩu cụ thể vì mỗi quốc gia có quy định khác nhau và liên hệ Văn phòng SPS Việt Nam hoặc Cục Chăn nuôi và Thú y để được hướng dẫn chi tiết.

### **Câu hỏi 5: Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm từ Việt Nam muốn xuất sang EU thì quy trình như thế nào?**

#### **Trả lời:**

Doanh nghiệp cần hiểu rõ quy trình chi tiết sau:

1. Kiểm tra trước: xác định sản phẩm có nằm trong nhóm EU cho phép nhập từ Việt Nam không; kiểm tra danh sách vùng/ cơ sở EU đang công bố (TRACES / “non-EU authorised establishments”). [webgate.ec.europa.eu](http://webgate.ec.europa.eu)+1
2. Đăng ký/được kiểm định tại Việt Nam: cơ quan chức năng Việt Nam (Cục Chăn nuôi và Thú y / Cục Thủy sản và Kiểm Ngư / Bộ Nông nghiệp và môi trường hoặc Bộ Y tế tùy sản phẩm) kiểm tra,

cấp giấy chứng nhận, và nếu cần xin đưa cơ sở vào danh sách được EU công nhận. EU Food Safety

3. Thực hiện kiểm nghiệm các chỉ tiêu bắt buộc theo mẫu EU (MRL, vi sinh, độc tố).

4. Chuẩn bị chứng từ: mẫu giấy chứng nhận y tế/an toàn theo form EU (model certificate), phiếu kiểm nghiệm, giấy tờ HACCP/ISO nếu có. EUR-Lex+1

5. Đăng ký lô hàng trên TRACES & thông báo BCP nơi nhập cảnh EU; hàng tới sẽ kiểm tra tại Border Control Post (kiểm tra hồ sơ + lấy mẫu nếu cần). [webgate.ec.europa.eu](http://webgate.ec.europa.eu)+1

6. Nếu phát hiện không phù hợp: hàng có thể bị trả về, tiêu hủy hoặc xử lý theo quy định quốc gia thành viên EU tiếp nhận.

**Câu hỏi 6: Trung Quốc có yêu cầu cơ sở sản xuất phải nằm trong danh sách được phê duyệt mới được phép xuất khẩu không?**

**Trả lời:**

Có. Trung Quốc chỉ cho phép nhập khẩu từ các cơ sở đã có tên trong danh sách được GACC công nhận. Danh sách này được công bố công khai trên hệ thống CIFER của Trung Quốc. Nếu doanh nghiệp chưa có tên trong danh sách, lô hàng sẽ không được thông quan tại cửa khẩu. Vì vậy, việc cập nhật danh sách thường xuyên và duy trì hiệu lực mã đăng ký là rất quan trọng.

**Câu hỏi 7: Thời hạn hiệu lực của giấy phép nhập khẩu vào Hồng Kông (Trung Quốc) là bao lâu?**

**Trả lời:**

Giấy phép nhập khẩu thường có hiệu lực 6 tuần kể từ ngày cấp và chỉ áp dụng cho một lô hàng.

Cơ sở pháp lý:

- Luật Xuất nhập khẩu (Chương 60);
- Luật An toàn Thực phẩm (Chương 612);
- Quy định về Thịt, Gia cầm và Trứng Nhập khẩu (Phần V, Chương 132).

**Câu hỏi 8: Nhật Bản hiện đang cho phép nhập khẩu những loại thịt, trứng, hay sữa nào từ Việt Nam?**

**Trả lời:**

Nhật Bản hiện cho phép nhập khẩu các sản phẩm động vật đã qua chế biến như cá, tôm và các động vật có xương sống khác, đặc biệt là các loại hải sản tươi sống. Tuy nhiên, thịt tươi sống, nội tạng, trứng, sữa tươi, lông, da và các sản phẩm chế biến từ thịt (như xúc xích, giò, chả, ruốc) đều bị cấm. Cụ thể:

- Thịt và nội tạng: Thịt tươi sống, ướp lạnh, đông lạnh, chế biến sẵn như giò, chả, xúc xích, ruốc;
- Trứng: Trứng tươi, trứng luộc, trứng vịt lộn;
- Sữa tươi;
- Lông, da, sừng, móng, gân: của động vật;
- Gia cầm và các loài động vật có vú: (trừ khi có giấy phép nhập cảnh đặc biệt).

Tuy nhiên, một số sản phẩm đã qua chế biến từ thịt gia cầm của Việt Nam đã được phía Nhật Bản cấp phép nhập khẩu. Điển hình, Công ty CPV Food (thuộc Tập đoàn CP Việt Nam) đã được phép xuất khẩu các sản phẩm thịt gà chế biến nhiệt sang Nhật Bản từ năm 2022, với sản lượng hàng chục tấn mỗi tháng. Các sản phẩm này đáp ứng đầy đủ yêu cầu nghiêm ngặt của Nhật Bản về kiểm dịch, xử lý nhiệt và truy xuất nguồn gốc.

**Câu hỏi 9: Hàn Quốc đang nhập khẩu những loại sản phẩm động vật nào từ Việt Nam? Có giới hạn về nguồn gốc hoặc chủng loại không?**

**Trả lời:**

Hiện nay, Hàn Quốc cho phép nhập khẩu từ Việt Nam các sản phẩm động vật đã qua chế biến, bao gồm sản phẩm có chứa thịt chế biến (như sản phẩm sử dụng thịt gà làm nguyên liệu) và sản phẩm có chứa trứng đã qua chế biến (như bột trứng, thực phẩm chế biến có trứng). Tuy nhiên, thịt tươi, trứng sống và các sản phẩm chăn nuôi chưa qua chế biến vẫn chưa được Hàn Quốc cho phép nhập khẩu từ Việt Nam.

**Câu hỏi 10: Những sản phẩm động vật nào của Việt Nam được xuất khẩu vào thị trường Halal?**

**Trả lời:**

Sản phẩm liên quan động vật “thực phẩm” (ví dụ thịt gà, thịt dê, thịt heo, trứng...) tuy có tiềm năng nhưng chưa xuất khẩu và được chứng nhận Halal rộng rãi. Ví dụ Ninh Thuận vẫn đang ở giai đoạn “hướng tới” thị trường Halal với dê/cừu.

Việc xuất khẩu sản phẩm động vật vào thị trường Halal đòi hỏi rất nhiều tiêu chuẩn: nguồn động vật, quá trình giết mổ/chế biến, tránh tạp chất cấm, kiểm soát chuỗi cung ứng. Doanh nghiệp phải đáp ứng rất nhiều yêu cầu khắt khe của Halal, đặc biệt là với sản phẩm có nguồn gốc động vật.

Chúng nhận Halal tại Việt Nam vẫn còn hạn chế về sự công nhận quốc tế: dù có doanh nghiệp đã nhận chứng nhận, nhưng “chứng nhận halal từ Việt Nam” đôi khi chưa được quốc tế nhìn nhận rộng rãi.

### **Câu hỏi 11: Tôi muốn xuất khẩu trứng gà sang Hoa Kỳ vậy sản phẩm của tôi có bắt buộc phải kiểm tra vi sinh vật không?**

#### **Trả lời:**

Có. Tuy nhiên, cách thức kiểm tra tùy thuộc từng loại trứng và mục đích sử dụng:

- Trứng tiệt trùng lỏng hoặc trứng nguyên vỏ dùng để chế biến: Kiểm tra ngẫu nhiên Salmonella tại cơ sở nhập khẩu.
- Trứng chưa tiệt trùng: Chỉ kiểm tra ngẫu nhiên để xác định sự hiện diện của dư lượng hoặc vi sinh vật, không bắt buộc toàn bộ lô.
- Mục đích: Xác định lịch sử tuân thủ và đảm bảo an toàn thực phẩm trước khi lưu thông tại Hoa Kỳ.
- Lô hàng vượt qua kiểm tra: Được phép vào thị trường thương mại; lô vi phạm phải xuất khẩu lại, tiêu hủy hoặc chuyển sang thức ăn chăn nuôi.

Căn cứ pháp lý: FSIS – USDA: “Import Requirements for Eggs and Egg Products” và chương trình kiểm tra vi sinh vật nhập khẩu của FSIS.

### **Câu hỏi 12: Mật ong của Việt Nam có được phép nhập khẩu vào thị trường EU không?**

#### **Trả lời:**

Mật ong được phép nhập khẩu vào EU nhưng có quy định đặc thù (thay đổi gần đây về ghi nhãn, dữ liệu truy xuất, an toàn) và đôi khi cần đăng ký/đưa thông tin vào TRACES. Có hướng dẫn xuất khẩu mật ong vào EU (gần đây cập nhật năm 2024–2025).

Yêu cầu chính:

- Chứng nhận an toàn thực phẩm (không phải chứng nhận thú y như động vật sống nhưng vẫn có kiểm nghiệm dư lượng thuốc, kháng sinh, tạp chất).
- Đáp ứng quy định ghi nhãn và truy xuất nguồn gốc EU; có thể cần đăng ký thông tin lô hàng vào hệ thống EU (TRACES) trước xuất.

**Câu hỏi 13: Hàn Quốc yêu cầu như thế nào về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm cho sản phẩm động vật nhập khẩu?**

**Trả lời:**

Hàn Quốc quy định rất nghiêm ngặt về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm động vật nhập khẩu. Theo Đạo luật về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu do Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm (MFDS) quản lý, mọi sản phẩm có nguồn gốc động vật phải đáp ứng các yêu cầu chính sau:

- **Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm** theo tiêu chuẩn của *Korean Food Code*, bao gồm kiểm soát vi sinh vật gây bệnh (như *Salmonella*, *Listeria monocytogenes*), dư lượng thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật và kim loại nặng. <https://byvn.net/WuJF>
- **Không chứa chất cấm hoặc vượt giới hạn tối đa cho phép (MRL)** đối với kháng sinh và hóa chất thú y, được quy định chi tiết trong *Korean Residue Limits for Veterinary Drugs in Foods*.
- **Truy xuất rõ nguồn gốc nguyên liệu và cơ sở sản xuất**, đồng thời cơ sở phải được Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm (MFDS) hoặc cơ quan có thẩm quyền Hàn Quốc thẩm định, phê duyệt trước khi cho phép nhập khẩu.
- **Kiểm tra vệ sinh nhập khẩu (Import Sanitation Assessment - ISA)** được áp dụng cho các sản phẩm có chứa thịt hoặc trứng chế biến kể từ ngày 14/6/2024, nhằm đánh giá điều kiện an toàn tại quốc gia xuất khẩu. <https://byvn.net/XGAN>  
<https://byvn.net/IFEr>

**Câu hỏi 14: Tôi muốn đăng ký xuất khẩu thịt gia cầm sang Hàn Quốc, thì cần làm việc với cơ quan nào của Việt Nam và phía Hàn Quốc?**

**Trả lời:**

Để đăng ký xuất khẩu thịt gia cầm sang Hàn Quốc, doanh nghiệp cần làm việc với Cục Chăn nuôi và Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường) của Việt Nam và các cơ quan có thẩm quyền phía Hàn Quốc. Ở Việt Nam, Cục Chăn nuôi và Thú y là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm kiểm dịch, thẩm định điều kiện vệ sinh thú y của cơ sở sản xuất, đồng thời phối hợp với phía Hàn Quốc để thực hiện đánh giá vệ sinh nhập khẩu (Import Sanitation Assessment – ISA). Sau khi cơ sở được thẩm định và đáp ứng yêu cầu, Cục sẽ cấp giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu cho từng lô hàng. Phía Hàn Quốc, việc quản lý và cấp phép nhập khẩu thịt gia cầm do Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm (MFDS) phụ trách, trong khi Cơ quan Kiểm dịch Động thực vật (APQA) đảm nhiệm việc kiểm dịch, kiểm tra an toàn sinh học và ngăn ngừa dịch bệnh tại cửa khẩu. Như vậy, quy trình xuất khẩu thịt gia cầm sang Hàn Quốc cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Cục Chăn nuôi và Thú y của Việt Nam với MFDS và APQA của Hàn Quốc.

**Câu hỏi 15: Khi xuất khẩu sang Nhật Bản, doanh nghiệp Việt Nam thường gặp khó khăn ở khâu nào nhất – kiểm dịch, đăng ký cơ sở hay chứng nhận chất lượng?**

**Trả lời:**

Khi xuất khẩu sản phẩm có nguồn gốc động vật sang Nhật Bản, doanh nghiệp Việt Nam thường gặp khó khăn lớn nhất ở khâu kiểm dịch và đăng ký phê duyệt cơ sở sản xuất. Nhật Bản yêu cầu cơ sở xuất khẩu phải được Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Nhật Bản (MAFF) thẩm định và chấp thuận thông qua đánh giá thực địa hoặc hồ sơ, nhằm bảo đảm hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm của Việt Nam tương đương với tiêu chuẩn Nhật.

Ngoài ra, quy trình kiểm dịch và xác nhận điều kiện vệ sinh thú y cũng phức tạp, đòi hỏi hồ sơ chi tiết về truy xuất nguồn gốc, xử lý nhiệt, và hệ thống quản lý chất lượng như HACCP, GMP. Trong khi đó, việc chứng nhận chất lượng (như tiêu chuẩn ISO, HACCP, hay JAS) thường ít vướng mắc hơn nếu doanh nghiệp đã có kinh nghiệm xuất khẩu sang các thị trường cao cấp khác. Vì vậy, rào cản lớn nhất vẫn nằm ở yêu cầu kiểm dịch và công nhận cơ sở xuất khẩu.

**Câu hỏi 16: Làm thế nào doanh nghiệp có thể tìm thấy thông tin về MRL đã được phê duyệt của EU cho sản phẩm động vật nhập khẩu?**

**Trả lời:**

Có thể lấy thông tin này trên cơ sở dữ liệu dư lượng thuốc thú y trong sản phẩm động vật của EU bằng cách chọn phương án tìm kiếm “dư lượng thuốc thú y” (“Residues of veterinary medicinal products”). Bạn nên chọn loại sản phẩm và hoạt chất rồi bấm vào ô “Hiển thị các mục được chọn” (“Display selected items”). Kết quả tìm kiếm sẽ cho bạn biết giá trị MRL cho sản phẩm của bạn. Nếu quả hiển thị là “không có hồ sơ phù hợp” thì có nghĩa là không có MRL cụ thể trong danh mục MRL của EU và trong trường hợp này loại thuốc đó trên sản phẩm của bạn có thể bị áp mức MRL mặc định là 0,01 mg/kg, trừ khi có nhiều giá trị mặc định khác nhau được quy định cho một hoạt chất trong khi xem xét các phương pháp phân tích thông thường hiện có.

Ngoài ra, doanh nghiệp có thể liên hệ Văn phòng SPS Việt Nam để có thông tin cụ thể hoặc cập nhật tại website <http://www.spsvietnam.gov.vn/>

**Câu hỏi 17: Nhật Bản hiện đang áp dụng những quy định hoặc mức xử phạt mới nào liên quan đến kiểm dịch động vật đối với hàng xuất khẩu sang Nhật?**

**Trả lời:**

Bộ Nông, Lâm, Ngư nghiệp của Nhật Bản cũng sửa đổi Đạo luật về nâng cao mức xử phạt vi phạm các quy định về kiểm dịch động vật để ngăn chặn các bệnh rất dễ lây lan, chẳng hạn như bệnh dịch tả lợn Châu Phi và bệnh Lở mồm long móng.

Cán bộ kiểm dịch động vật được tăng cường và tăng mức phạt liên quan tới việc vi phạm các quy định về kiểm dịch động vật xuất nhập khẩu như sau:

1. Ủy quyền cho cán bộ kiểm dịch động vật phỏng vấn hành khách lên/xuống máy bay và kiểm tra hành lý đối với sản phẩm động vật và các vật phẩm khác.
2. Ủy quyền cho cán bộ kiểm dịch động vật xử lý các sản phẩm động vật bất hợp pháp và các vật phẩm khác khi phát hiện trong quá trình kiểm tra.
3. Tăng mức phạt khi vi phạm các quy định về kiểm dịch xuất nhập khẩu như mang sản phẩm động vật bất hợp pháp vào Nhật Bản: đối với cá nhân, mức phạt tăng từ “1.000.000 yên lên đến 3.000.000 yên” và đối với cơ quan công ty, “từ 1.000.000 yên đến 50.000.000 yên”.
4. Đặt ra mức phạt mới lên đến 300.000 yên đối với vi phạm điều 1 và 2.

Để nắm thêm thông tin chi tiết, doanh nghiệp truy cập địa chỉ sau:

[https://www.maff.go.jp/aqs/languages/border\\_quarantine\\_vn.html](https://www.maff.go.jp/aqs/languages/border_quarantine_vn.html)

## PHẦN V

# CẬP NHẬT MỘT SỐ THÔNG BÁO DỰ THẢO/ CÓ HIỆU LỰC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT (SPS) LIÊN QUAN ĐẾN ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

Tổng hợp một số thông báo dự thảo/có hiệu lực về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động vật (SPS) của các đối tác thương mại chính thuộc Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) liên quan đến động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu của Việt Nam được trình bày trong phần dưới đây. Các doanh nghiệp có thể truy cập trang Web của Văn phòng SPS Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại đường link: <http://www.spsvietnam.gov.vn/> để tra cứu thông tin từ các thị trường liên tục được cập nhật.

### Trung Quốc

1. Tại Thông báo số G/SPS/N/CHN/1354 ngày 17/9/2025 của Trung Quốc về Quy định về biện pháp Kiểm dịch và Quản lý động vật, vật chất di truyền động vật xuất - nhập cảnh. Nội dung chính như sau:

Tổng cục Hải quan Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (GACC) thông báo: Dựa trên thực tiễn công tác giám sát kiểm dịch những năm gần đây, các biện pháp hành chính đã hợp nhất các quy định sau: – Biện pháp về Kiểm dịch và Quản lý Chất liệu Di truyền của Động vật nhập khẩu (Nghị định số 47 của Tổng cục Giám sát Chất lượng, Kiểm tra và Kiểm dịch – AQSIQ, sửa đổi bởi Nghị định số 262 của GACC).

- Biện pháp về Giám sát và Quản lý kiểm tra, kiểm dịch động vật thủy sản xuất khẩu (Nghị định số 99 của AQSIQ, sửa đổi bởi Nghị định số 243 của GACC).

- Biện pháp hành chính về Giám sát việc sử dụng Trạm kiểm dịch động vật nhập khẩu (Nghị định số 122 của AQSIQ, sửa đổi bởi Nghị định số 243 của GACC).
- Biện pháp về Giám sát kiểm tra, kiểm dịch động vật thủy sản nhập khẩu (Nghị định số 183 của AQSIQ, sửa đổi bởi Nghị định số 243 của GACC). Tuy nhiên, không có yêu cầu mới nào được đưa ra đối với các bên liên quan ở nước ngoài.

2. Tại Thông báo số G/SPS/N/CHN/1344 ngày 04/09/2025 của Trung Quốc về Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia: Phụ gia thực phẩm Gelatin . Nội dung chính như sau:

Trung Quốc đề xuất tiêu chuẩn quốc gia mới cho phụ gia thực phẩm **gelatin**, sản xuất từ xương, da, gân và vảy động vật thông qua quá trình thủy phân vừa phải. Tiêu chuẩn mới sẽ xác định các chỉ tiêu kỹ thuật và phương pháp thử nghiệm để đảm bảo độ tinh khiết, chất lượng và tính an toàn của gelatin khi sử dụng trong thực phẩm.

Một số **thay đổi quan trọng** so với tiêu chuẩn cũ:

- Sửa đổi yêu cầu về nguyên liệu (raw materials).
- Thêm chỉ tiêu đối với **cadmium** và **thủy ngân**.
- Thêm chỉ tiêu kiểm soát **nấm mốc** và **men**.
- Sửa đổi chỉ tiêu tổng số vi sinh vật (colony count).
- Thêm phương pháp nhận diện (identification) cho gelatin.

Chi tiết một số nội dung sửa đổi được trình bày trong toàn văn tiêu chuẩn, trong đó:

**1. Phạm vi áp dụng:** Áp dụng cho gelatin làm phụ gia thực phẩm, sản xuất từ nguyên liệu động vật như xương, da, gân, gân, vảy, sau quá trình thủy phân vừa phải.

**2. Chỉ tiêu cảm quan:** Màu sắc: vàng nhạt đến vàng; trạng thái: rắn (hạt, miếng, bột...); không có mùi khó chịu.

**3. Chỉ tiêu hóa-lý & hóa học:**

- Độ ẩm  $\leq 14.0\%$
- Tro (ash)  $\leq 2.0\%$
- Tỷ lệ truyền sáng (transmittance) ở bước sóng 450 nm  $\geq 30\%$ , ở 620 nm  $\geq 50\%$
- Không tan trong nước  $\leq 0.2\%$
- Sulfite ( $\text{SO}_2$ )  $\leq 30$  mg/kg
- Peroxide  $\leq 10$  mg/kg
- Arsenic (As)  $\leq 1.0$  mg/kg; Chì (Pb)  $\leq 1.5$  mg/kg; Cadmium (Cd)  $\leq 0.5$  mg/kg; Thủy ngân (Hg)  $\leq 0.15$  mg/kg; Crom (Cr)  $\leq 2.0$  mg/kg.

**4. Giới hạn vi sinh vật:**

- Tổng số vi khuẩn  $\leq 1000$  CFU/g
- Tụ cầu nhóm đại tràng (coliform)  $\leq 3$  MPN/g
- Nấm mốc & men  $\leq 100$  CFU/g
- Salmonella trong 25 g: không được phát hiện.

**5. Phương pháp thử:** Bản dự thảo có phụ lục mô tả chi tiết các phương pháp thử nghiệm – ví dụ cách xác định độ gel (Bloom), độ truyền sáng, độ ẩm, tro, kim loại nặng, vi sinh vật, nhận dạng mẫu gelatin (identification tests)

3. Tại Thông báo số G/SPS/N/CHN/1352 ngày 04/9/2025 của Trung Quốc về Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia của Trung Quốc: Tiêu chuẩn vệ sinh đối với sản xuất sản phẩm thịt muối và thịt ướp. Nội dung chính như sau:

Trung Quốc đang đề xuất tiêu chuẩn vệ sinh quốc gia mới cho sản xuất **sản phẩm thịt muối** (pickled meat) và **thịt ướp / xông khói / xử lý bảo quản (cured meat products)**, áp dụng cho toàn bộ sản xuất sản phẩm thịt muối và thịt đã được bảo quản / ướp / xông khói. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu vệ sinh cơ bản và tiêu chí quản lý đối với:

- Địa điểm & môi trường nhà máy (site selection, workshop environment);
- Cơ sở vật chất & thiết bị (facilities & equipment);
- Nhân sự (personnel): vệ sinh cá nhân, đào tạo, trang phục, kiểm soát sức khỏe, v.v...;
- Quá trình thu mua nguyên liệu (raw material procurement);

Các công đoạn chế biến, đóng gói, bảo quản và vận chuyển (processing, packaging, storage and transportation).

4. Tại Thông báo số G/SPS/N/CHN/1287/Add.1 ngày 29/8/2025 của Trung Quốc về Sửa đổi nội dung. Nội dung chính như sau:

#### **Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia: Sửa biến đổi**

Dựa trên tài liệu G/SPS/N/CHN/1287 đã được thông báo ngày 25 tháng 10 năm 2023, tiêu chuẩn này có các sửa đổi như sau:

- Bổ sung yêu cầu “ngoại trừ sữa đặc có hương vị” đối với nguyên liệu sữa cô đặc;
- Bãi bỏ yêu cầu cảm quan về việc cho phép lớp béo nổi lên trên bề mặt;

- Sửa đổi mô tả về quy trình sản xuất sữa bột và quy định ghi nhãn đối với sữa hoàn nguyên;
- Bổ sung quy định đối với sản phẩm dạng lỏng làm từ sữa tươi chỉ có bổ sung enzym lactase, làm rõ rằng tiêu chuẩn có thể áp dụng theo quy trình sản xuất của sản phẩm.

Chi tiết một số nội dung sửa đổi được trình bày trong toàn văn tiêu chuẩn, trong đó:

### 1. Thông tin chung và mục đích của sửa đổi

- Đây là phiên bản mới thay thế tiêu chuẩn GB 25191-2010 về sữa điều chế/sữa tái hợp (modified/reconstituted milk).
- Các thay đổi đáng chú ý bao gồm: điều chỉnh phạm vi áp dụng, cập nhật các thuật ngữ & định nghĩa, phương pháp kiểm nghiệm lý hóa được cập nhật, và thay đổi giới hạn vi sinh (pathogen) theo tiêu chuẩn GB 29921.

### 2. Phạm vi áp dụng

- Tiêu chuẩn áp dụng cho các sản phẩm sữa điều chế, tức là sản phẩm từ sữa tươi, sữa cô đặc, sữa bột hoặc các thành phần chính từ những nguồn này, có thêm các nguyên liệu phụ, phụ gia, hoặc chất tăng cường dinh dưỡng.
- Không áp dụng cho các sản phẩm lỏng làm từ sữa tươi chỉ thêm enzym lactase - tức sữa tươi có xử lý enzym này thì dùng tiêu chuẩn riêng.

### 3. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng & an toàn

- **Yêu cầu nguyên liệu:** sữa tươi phải đáp ứng GB 19301, sữa cô đặc phải theo GB 13102, sữa bột theo GB 19644.
- **Yêu cầu cảm quan:** màu sắc, trạng thái, mùi vị không có mùi lạ, đồng đều, không có cặn, không có vật lạ nhìn bằng mắt thường.

- **Chỉ tiêu lý hóa:** hàm lượng chất béo tối thiểu  $\geq 2,5$  g/100 g; protein  $\geq 2,3$  g/100 g đối với các sản phẩm từ sữa bò hoặc sữa cừu.

**Giới hạn ô nhiễm & vi sinh:** tuân thủ GB 2762 và GB 2761 về chất độc/hóa chất & mycotoxin; vi sinh theo GB 29921; giới hạn tổng vi khuẩn, đại diện E. coli, các vi khuẩn gây bệnh theo các phương pháp được quy định.

## Hoa Kỳ

1. Tại Thông báo số G/SPS/N/USA/3526 ngày 25/8/2025 của Hoa Kỳ về đề xuất kiểm tra trực quan sau giết mổ tại các cơ sở giết mổ lợn. Nội dung chính như sau:

Cơ quan An toàn và Kiểm tra Thực phẩm (FSIS) đề xuất chấm dứt yêu cầu bắt buộc **rạch hạch bạch huyết dưới hàm** và **sờ nắn nội tạng** khi kiểm tra sau giết mổ tại các cơ sở giết mổ heo (bao gồm cả hệ thống kiểm tra truyền thống và Hệ thống Kiểm tra mới – NSIS).

- Lý do: các khuyết tật buộc loại bỏ có thể phát hiện bằng kiểm tra trực quan; tỷ lệ loại bỏ heo vì bệnh thấp; biện pháp cắt rạch/sờ nắn không cần thiết để đảm bảo an toàn thực phẩm.
- FSIS dự kiến sửa đổi quy định kiểm tra thịt, bỏ yêu cầu này đối với nhân viên phân loại trước kiểm tra hậu giết mổ.
- Đồng thời điều chỉnh **bảng tiêu chuẩn bố trí nhân sự kiểm tra** để FSIS có thêm linh hoạt phân công nhân viên theo quy mô, dây chuyền và nhu cầu.

## Liên minh Châu Âu (EU)

1. Tại Thông báo số G/SPS/N/EU/809 ngày 20/02/2025 về Quy định (EU) 2025/115 ngày 21/01/2025 sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng đối với mức dư lượng tối đa của *fluxapyroxad*, *lambda-cyhalothrin*,

*metalaxyl* và *nicotine* trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định. Nội dung chính như sau:

Sửa đổi điều chỉnh mức dư lượng tối đa (MRL) đối với *fluxapyroxad* trong quả hồng Nhật bản, nấm trồng, *lambda-cyhalothrin* trong quả bơ, gia cầm (cơ, mỡ, gan, thận) và trứng chim, *metalaxyl* trong nhân sâm và dứa, và *nicotine* trong hạt cà phê, cụ thể:

Hoạt chất	Sản phẩm	Mức dư lượng tối đa (mg/kg)
fluxapyroxad	Quả hồng	0,2
	Nấm nuôi trồng	0,3
lambda-cyhalothrin	Quả bơ	0,15
	Nhóm thực phẩm có nguồn gốc từ gia cầm (cơ, mỡ, gan, thận)	0,03
	Trứng gia cầm	0,02
metalaxyl	Dứa	0,1
	Sâm	0,06
nicotine	Hạt cà phê	0,05

Chi tiết dự thảo xem tại địa chỉ:

[https://members.wto.org/crnattachments/2025/SPS/EEC/25\\_01541\\_00\\_e.pdf](https://members.wto.org/crnattachments/2025/SPS/EEC/25_01541_00_e.pdf)

2. Tại Thông báo số G/SPS/N/EU/808 ngày 04/02/2025 về Dự thảo sửa đổi Quy định (EU) số 37/2010 về việc phân loại chất ketoprofen theo giới hạn mức dư lượng tối đa của chất này trong thực phẩm có nguồn gốc động vật. Nội dung chính như sau:

Sản phẩm		Mức MRL ( $\mu\text{g}/\text{kg}$ )
Động vật nhai lại và ngựa	Cơ, thận	50
	Mỡ, gan, sữa	20
Gia cầm (không áp dụng với động vật để trứng dùng làm thực phẩm cho con người)	Mỡ	30
	Cơ, gan, thận	10

Thiết lập mức MRL của ketoprofen cho các loài bò và lợn và mỡ rộng mức MRL của ketoprofen cho tất cả các loài động vật nhai lại và ngựa.<sup>3</sup> Tại Thông báo số G/SPS/N/EU/837 ngày 13/3/2025 về Quy định 2024/2179 (EU) ngày 02/9/2024 sửa đổi Quy định (EU) 2022/1452 về hàm lượng tối đa được khuyến nghị của 4-hydroxy-2,5-dimethylfuran-3(2H)-one cho mèo và chó. Nội dung chính như sau:

4-hydroxy- 2,5-dimethylfuran-3(2H)-one đã được cấp phép làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho mèo và chó theo Quy định (EU) 2022/1452 trong thời hạn 10 năm.

Quy định (EU) 2024/2179 sửa đổi hàm lượng khuyến nghị tối đa, tăng 5 mg/kg lên 25 mg/kg đối với thức ăn hoàn chỉnh cho chó và từ 5 mg/kg lên 18 mg/kg đối với thức ăn hoàn chỉnh cho mèo.

4. Tại Thông báo số G/SPS/N/EU/811 ngày 05/3/2025 về Quy định (EU) 2025/183 ngày 31/01/2025 sửa đổi Quy định (EU) 2017/53 liên quan đến hàm lượng tối đa được khuyến nghị của hoạt chất phụ gia thức ăn chăn nuôi bao gồm axit nonanoic cho một số loài lợn và gia cầm. Nội dung chính như sau:

Các hoạt chất có trong Đạo luật đã được Quy định (EU) 2017/53 cho phép làm phụ gia thức ăn cho một số loại lợn và gia cầm trong thời hạn 10 năm, tính đến ngày 06/02/2027.

Quy định (EU) 2025/183 sửa đổi các điều khoản hiện tại bằng cách tăng mức hàm lượng tối đa của phụ gia thức ăn bao gồm axit nonanoic từ 5 lên 100 mg/kg, dành cho tất cả các loài gia cầm vỗ béo, hoặc được nuôi lấy giống, tất cả các lợn vỗ béo và lợn con đang bú và cai sữa của tất cả các loài lợn thuộc họ Suidae.

5. Tại Thông báo số G/SPS/N/EU/843 ngày 25/3/2025 về Dự thảo sửa đổi Phụ lục II và V của Quy định (EC) số 396/2005 về mức dư lượng tối đa (MRL) đối với các hoạt chất benfluralin, benthiavalicarb và penflufen trong hoặc trên một số sản phẩm. Nội dung chính như sau:

Liên minh châu Âu đề xuất sửa đổi mức dư lượng giới hạn tối đa (MRLs) đối với các hoạt chất benfluralin, benthiavalicarb và penflufen trong thực phẩm, trong đó:

- Sản phẩm nguồn gốc động vật (lợn, bò, cừu, dê, gia súc,...): điều chỉnh giảm từ mức 0,02 ppm xuống 0,01 ppm.
- Ngày dự kiến công bố: 24/10/2025.
- Ngày dự kiến ban hành: 24/11/2025.

6. Tại Thông báo số G/SPS/N/EU/847 ngày 29/4/2025 về Sửa đổi Quy định (EU) số 37/2010 liên quan đến việc phân loại hoạt chất fluralaner và mức giới hạn dư lượng tối đa của hoạt chất đó trong thực phẩm có nguồn gốc động vật. Nội dung chính như sau:

Dự thảo thiết lập mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với chất hoạt tính được lý fluralaner, được dùng trong các sản phẩm thuốc thú y dành cho động vật sản xuất thực phẩm, cụ thể như sau:

Loại động vật	Mức MRL thiết lập ( $\mu\text{g}/\text{kg}$ )	Bộ phận áp dụng	Phân loại điều trị
Gia cầm	65	Cơ	Thuốc chống ký sinh trùng (bao gồm cả nội ký sinh và ngoại ký sinh)
	650	Da và mỡ tính theo tỷ lệ tự nhiên	
	650	Gan	
	420	Thận	
	1300	Trứng	

7. Tại Thông báo số G/SPS/N/EU/846 ngày 25/4/2025 về sửa đổi Quy định (EU) 2021/403 liên quan đến mẫu giấy chứng nhận thú y và mẫu giấy chứng nhận chính thức để nhập vào Liên minh các lô hàng của một số loại động vật trên cạn và các sản phẩm phôi của chúng. Nội dung chính như sau:

Quy định phản ánh việc tham chiếu đến danh sách các nước thứ ba hoặc khu vực được phép nhập cảnh vào Liên minh châu Âu đối với một số loại động vật và sản phẩm có nguồn gốc từ động vật dùng làm thực phẩm cho con người theo Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu; phản ánh các yêu cầu mới của Chương E và H của Phụ lục IX đối với Quy định (EC) 999/2001 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng ban hành theo Quy định (EU) 2024/887 của Ủy ban liên quan đến động vật họ dê có khả năng kháng bệnh sán dây cổ điển về mặt di truyền; thay thế các tham chiếu trong Nghị định thư về Ireland/Bắc Ireland bằng "Khung Windsor"; làm rõ và thống nhất một số yêu cầu khác trong các mẫu giấy chứng nhận có liên quan để đưa các lô hàng thuộc một số loại động vật trên cạn và các sản phẩm phôi của chúng.

## Nhật Bản

1. Tại Thông báo số G/SPS/N/JPN/1323 ngày 17/01/2025 về Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp. Nội dung chính như sau:

Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp: thuốc trừ sâu Flupyrimin.

Sản phẩm	MRL (dự thảo)	MRL (hiện tại)
Gan gia súc	0.02	0.01
Gan lợn	0.02	0.01
Gan động vật có vú trên cạn khác	0.02	0.01
"Nội tạng ăn được" là tất cả các bộ phận ăn được, ngoại trừ cơ, mỡ, gan và thận của gia súc	0.02	0.01
"Nội tạng ăn được" là tất cả các bộ phận ăn được, ngoại trừ cơ, mỡ, gan và thận của lợn	0.02	0.01
"Nội tạng ăn được" là tất cả các bộ phận ăn được, ngoại trừ cơ, mỡ, gan và thận của các động vật có vú trên cạn khác	0.02	0.01

Một số sản phẩm khác được giữ nguyên theo quy định cũ hoặc đồng nhất mức MRL 0,01 nếu không được liệt kê trong dự thảo.

2. Tại Thông báo số G/SPS/N/JPN/1286/Add.1 ngày 03/7/2025 về Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp. Nội dung chính như sau:

Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất đối với *Sulfadimidine* được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1286 (ngày 09/9/2024) đã được thông qua và công bố vào ngày 10/02/2025. Nội dung MRL đối với chất *Sulfadimidine* áp dụng từ ngày 10/02/2025:

Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)
Heo, bò, cừu, ngựa (phần cơ)	0,1	0,1
Phần cơ động vật có vú trên cạn khác (trừ cừu và ngựa)	0,1	0,1
Mỡ heo, bò, cừu, ngựa	0,1	0,1
Mỡ động vật có vú trên cạn khác (trừ cừu và ngựa)	0,1	0,1
Gan bò, heo, cừu, ngựa	0,1	0,1
Gan động vật có vú trên cạn khác (trừ cừu và ngựa)	0,1	0,1
Thận bò, heo, cừu, ngựa	0,1	0,1
Thận động vật có vú trên cạn khác (trừ cừu và ngựa)	0,1	0,1
Nội tạng ăn được của bò, heo, các động vật có vú khác	0,1	0,1
Sữa	0,025	0,025
Gà, vịt, gà tây (phần cơ)	0,1	0,1
Phần cơ các loài gia cầm khác (trừ vịt và gà tây)	0,1	0,1

Mỡ gà, vịt, gà tây	0,1	0,1
Mỡ các loài gia cầm khác (trừ vịt và gà tây)	0,1	0,1
Gan gà, vịt, gà tây	0,1	0,1
Gan các loài gia cầm khác (trừ vịt và gà tây)	0,1	0,1
Thận gà, vịt và gà tây	0,1	0,1
Thận các loài gia cầm khác (trừ vịt và gà tây)	0,1	0,1
Nội tạng ăn được của gà, các loài gia cầm khác	0,1	0,1
Trứng gà và trứng gia cầm khác	0,01	0,01

Ghi chú:

- “**Nội tạng ăn được**” được hiểu là **tất cả các phần ăn được, ngoại trừ**: cơ, mỡ, gan và thận.
- “Động vật có vú trên cạn khác” là tất cả các loài **trừ bò và heo**.
- Gia cầm khác: tất cả các loài gia cầm trừ gà
- Đối với các sản phẩm không có MRL trong danh sách, áp dụng quy định: **thực phẩm không được chứa kháng sinh hoặc chất kháng khuẩn tổng hợp**.

3. Tại Thông báo số G/SPS/N/JPN/1281/Add.1 ngày 03/7/2025 về Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp. Nội dung chính như sau:

Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất đối với Quinofumelin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1281 (ngày 09/9/2024) đã được thông qua và công bố vào ngày 10/02/2025.

Nội dung MRL thay đổi đối với chất Quinofumelin trong một số sản phẩm tiêu biểu áp dụng từ ngày 10/02/2025:

Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)
Heo, bò, động vật có vú trên cạn khác (phần cơ)	0	0,01
Mỡ heo, bò, động vật có vú trên cạn khác	0	0,1
Gan bò, heo, động vật có vú trên cạn khác	0	0,02
Thận bò, heo, động vật có vú trên cạn khác	0	0,01
Nội tạng ăn được của bò, heo, các động vật có vú khác	0	0,02
Sữa	0	0,01
Gà, các loài gia cầm khác (phần cơ)	0	0,01
Mỡ gà, các loài gia cầm khác	0	0,01
Gan gà, các loài gia cầm khác	0	0,01
Thận gà, các loài gia cầm khác	0	0,01
Nội tạng ăn được của gà, các loài gia cầm khác	0	0,01
Trứng gà và trứng gia cầm khác	0	0,01
Động vật thủy sinh	0	0,1
Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)	0	0,05

Ghi chú:

- **Mức giới hạn đồng nhất 0,01 ppm** được áp dụng cho các mặt hàng không được liệt kê ở trên.
- **“Nội tạng ăn được”** được hiểu là **tất cả các phần ăn được, ngoại trừ:** cơ, mỡ, gan và thận.

- “Động vật có vú trên cạn khác” là tất cả các loài **trừ bò và heo**.
- Gia cầm khác: tất cả các loài gia cầm trừ gà.

4. Tại Thông báo số G/SPS/N/JPN/1301/Add.1 ngày 03/7/2025 về Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp. Nội dung chính như sau:

Các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đề xuất đối với Fluopyram được thông báo trong tài liệu G/SPS/N/JPN/1301 (ngày 04/10/2024) và công bố vào ngày 27/02/2025. Cụ thể một số sản phẩm tiêu biểu:

Sản phẩm	MRL đề xuất	MRL hiện tại	Ghi chú
Sữa bò	2	0,6	○
Thịt gà (cơ)	0,07	0,5	●
Gan gà	0,3	2	●
Trứng gà	0,2	1	●
Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)	0,05	–	○

Chú thích:

○: Mức MRL được giảm, có hiệu lực từ 27/02/2026

●: Mức MRL được tăng, có hiệu lực từ 27/02/2025

Giới hạn đồng nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các sản phẩm không được liệt kê.

5. Tại Thông báo số G/SPS/N/JPN/1343 ngày 19/5/2025 của Nhật Bản về Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm. Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp) Nội dung chính như sau:

**Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau:  
Thuốc thú y: Dibutyl Succinate**

Loại hàng hoá	Giá trị MRL đề xuất (ppm)	Giá trị MRL hiện tại (ppm)
Thịt lợn, cơ	0,09	0,09
Thịt lợn, mỡ	0,09	0,09
Gan lợn	0,09	0,09
Thận lợn	0,09	0,09
Phụ phẩm ăn được của lợn <sup>1</sup>	0,09	0,09
Sữa	0,04	0,04
Thịt gà, cơ	0,05	0,05
Thịt gà, mỡ	0,05	0,05
Gan gà	0,1	0,1
Thận gà	0,05	0,05
Phụ phẩm ăn được từ gà	0,2	0,2
Trứng gà	0,1	0,1

\* Các giá trị tô bóng là MRL tạm thời.

Định nghĩa dư lượng: chỉ bao gồm Dibutyl Succinate.

Định nghĩa dư lượng sẽ không thay đổi.

Chú thích:

• 1. “Phụ phẩm ăn được”: Bao gồm tất cả các phần ăn được, ngoại trừ cơ, mỡ, gan và thận.

6. Tại Thông báo số G/SPS/N/JPN/1358 ngày 17/7/2025 của Nhật Bản về sửa đổi các Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh An toàn Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp. Nội dung chính như sau:

Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với hóa chất nông nghiệp sau:

Thuốc thú y: Prallethrin.

Sản phẩm	MRL đề xuất (ppm)	Ghi chú
Thịt bò (cơ)	0,01	
Thịt heo (cơ)	0,01	
Mỡ bò	○ 0,02	
Mỡ heo	○ 0,02	
Gan bò	0,01	
Gan heo	0,01	
Thận bò	0,01	
Thận heo	0,01	
Phụ phẩm ăn được của bò <sup>1</sup>	0,01	
Phụ phẩm ăn được của heo	0,01	
Sữa	0,01	
Thịt gà (cơ)	0,01	

Mỡ gà	○ 0,02	
Gan gà	0,01	
Thận gà	0,01	
Phụ phẩm ăn được của gà	0,01	
Trứng gà		
<p>○: Các sản phẩm có đề xuất nâng mức MRL.  <sup>1</sup> "Phụ phẩm ăn được" là tất cả các bộ phận có thể ăn được, ngoại trừ cơ, mỡ, gan và thận.</p>		

7. Tại Thông báo số G/SPS/N/JPN/1288/Add.1 ngày 03/7/2025 của Nhật Bản về Quy định và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp. Nội dung chính như sau:

Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất đối với Sulfamethoxazole được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1288 (ngày 09/9/2024) đã được thông qua và công bố vào ngày 10/02/2025.

Nội dung MRL đối với chất Sulfamethoxazole áp dụng từ ngày 10/02/2025:

Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)
Thịt heo (phần cơ), mỡ thận	0,02	0,02
Gan heo	0,05	0,02
Nội tạng ăn được của heo	0,02	0,02
Thịt (Cơ), gan, thận gà	0,02	0,02
Mỡ gà	0,05	0,05
Nội tạng ăn được của gà	0,02	0,02

Ghi chú:

1. **“Nội tạng ăn được”** được hiểu là **tất cả các phần ăn được, ngoại trừ**: cơ, mỡ, gan và thận.

2. Đối với các sản phẩm không có MRL trong danh sách, áp dụng quy định: **thực phẩm không được chứa kháng sinh hoặc chất kháng khuẩn tổng hợp.**

8. Tại Thông báo số G/SPS/N/JPN/1287/Add.1 ngày 03/7/2025 của Nhật Bản về Quy định và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng). Nội dung chính như sau:

Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất đối với Sulfadoxine được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1287 (ngày 09/9/2024) đã được thông qua và công bố vào ngày 10/02/2025.

Nội dung MRL đối với chất Sulfadoxine áp dụng từ ngày 10/02/2025:

Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)
Thịt heo (phần cơ)	0,1	0,1
Thịt bò (phần cơ)	0,1	0,1
Phần cơ động vật có vú trên cạn khác	0,1	0,1
Mỡ heo	0,1	0,1
Mỡ bò	0,1	0,1
Mỡ động vật có vú trên cạn khác	0,1	0,1
Gan bò	0,1	0,1
Gan heo	0,1	0,1
Gan động vật có vú trên cạn khác	0,1	0,1
Thận bò	0,1	0,1
Thận heo	0,1	0,1
Thận động vật có vú trên cạn khác	0,1	0,1
Nội tạng ăn được của heo	0,02	0,02
Nội tạng ăn được của bò	0,1	0,1
Nội tạng ăn được của động vật có vú khác	0,1	0,1
Sữa	0,06	0,06

Ghi chú:

1. **“Nội tạng ăn được”** được hiểu là **tất cả các phần ăn được, ngoại trừ: cơ, mỡ, gan và thận.**

2. “Động vật có vú trên cạn khác” là tất cả các loài **trừ bò và heo**.

3. Đối với các sản phẩm không có MRL trong danh sách, áp dụng quy định: **thực phẩm không được chứa kháng sinh hoặc chất kháng khuẩn tổng hợp**.

### Hàn Quốc

1. Tại Thông báo số G/SPS/N/KOR/818 ngày 23/01/2025 về Dự thảo sửa đổi một phần yêu cầu kiểm dịch nhập khẩu đối với da khô (chưa qua xử lý) và da từ động vật móng chẻ. Nội dung chính như sau:

Dự thảo sửa đổi quy định chi tiết về kiểm dịch đối với việc nhập khẩu da khô (chưa qua xử lý) và da từ động vật móng chẻ phù hợp với những thay đổi trong điều kiện vệ sinh chăn nuôi. Cụ thể, phạm vi được điều chỉnh như sau:

- Phạm vi sửa đổi: loại trừ da tươi, nội mạc (*endothelium*) có nguy cơ lây truyền bệnh truyền nhiễm ở động vật;
- Bổ sung bốn loại bệnh (bệnh viêm da nổi cục, dịch tả lợn, đậu cừu (*sheep pox*) và bệnh nhiễm trùng vi-rút ở dê (*peste des petits ruminants*)) vào danh sách các yêu cầu về tình trạng không có bệnh và xóa bỏ một bệnh đã được loại trừ trên toàn cầu (dịch tả trâu bò).

### Malaysia (MYS)

1. Tại Thông báo số G/SPS/N/MYS/62 ngày 05/02/2025 về Sửa đổi Quy định thực phẩm 1985 [P.U.(A) 437/1985] – PHẦN IIB: Chương trình đảm bảo an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu. Nội dung chính như sau:

Bộ Y tế Malaysia thông báo lấy ý kiến cho việc “Thêm nội dung mới đối với Quy định Thực phẩm năm 1985 [P.U.(A) 437/1985] – Phần IIB: Chương trình Đảm bảo an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu”, cụ thể:

- Yêu cầu thực phẩm nhập khẩu vào Malaysia phải được sản xuất tại các cơ sở thực hiện áp dụng Chương trình đảm bảo an toàn thực phẩm được Bộ Y tế Malaysia công nhận. Các chương trình này có thể bao gồm, nhưng không giới hạn: Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (FSSM), Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP) hoặc Thực hành sản xuất tốt (GMP);
- Malaysia có quyền kiểm tra các cơ sở thực phẩm để đảm bảo tuân thủ quy định, việc kiểm tra có thể thông qua sự phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu hoặc cơ sở sản xuất thực phẩm ở nước ngoài;
- Nhà nhập khẩu có trách nhiệm cung cấp hoặc lưu trữ hồ sơ chứng minh cơ sở sản xuất tuân thủ một chương trình đảm bảo an toàn thực phẩm được công nhận. Nếu vi phạm quy định trên có thể bị áp dụng các biện pháp xử lý hoặc từ chối nhập khẩu thực phẩm;
- Yêu cầu này phù hợp với Quy định vệ sinh thực phẩm Malaysia năm 2009, trong đó quy định các nhà sản xuất trong nước phải cung cấp và triển khai các chương trình đảm bảo an toàn thực phẩm tại các cơ sở thực phẩm.

2. Tại Thông báo số G/SPS/N/MYS/61 ngày 04/02/2025 về Dự luật Y tế Công cộng Thú y 202x. Nội dung chính như sau:

Cục Thú y, Malaysia đề xuất Dự luật Y tế Công cộng Thú y 202x. Đạo luật này nhằm hợp nhất các luật về Y tế Công cộng Thú y trong Bán đảo Malaysia và Lãnh thổ Liên bang Labuan để kiểm soát và phòng ngừa bệnh truyền qua thực phẩm từ động vật và chất gây ô nhiễm trên thực phẩm có nguồn gốc từ động vật nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm; điều chỉnh các hoạt động gây ô nhiễm trong các lò giết mổ, trang trại chăn nuôi và nhà máy chế biến.

Mục tiêu và phạm vi thực hiện Dự luật Y tế Công cộng Thú y bao gồm:

1. Mở rộng phạm vi và chức năng thanh tra thú y đảm bảo rằng các sản phẩm và thực phẩm có nguồn gốc từ động vật luôn sạch sẽ và an toàn để tiêu dùng;
2. Thực hiện thanh tra thú y toàn diện và hiệu quả hơn, Thanh tra 90% các trang trại chăn nuôi, lò giết mổ, lò mổ và cơ sở chế biến sản phẩm chăn nuôi trong vòng năm năm;
3. Kiểm tra tại tất cả các lò giết mổ tư nhân và nhà nước được cấp phép, lò giết mổ gia cầm và cơ sở giết mổ gia cầm quy mô vừa và nhỏ vào năm 2030;
4. Giảm 20% các trường hợp ngộ độc thực phẩm có nguồn gốc từ sản phẩm động vật, đặc biệt là các bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người, hàng năm;
5. Tăng tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm động vật lên 5% trong vòng năm năm, tăng cường cơ hội thương mại toàn cầu và khả năng cạnh tranh thông qua sự công nhận quốc tế;
6. Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm từ động vật bằng cách đạt được ít nhất 80% sự tuân thủ tại các cơ sở vào năm 2030.

3. Tại Thông báo số G/SPS/N/MYS/64 ngày 04/03/2025 về Sửa đổi Phụ lục Quy định về Thức ăn chăn nuôi (Danh mục kháng sinh, hormone và các hóa chất bị cấm) năm 2023 theo Đạo luật Thức ăn chăn nuôi năm 2009. Nội dung chính như sau:

Danh mục kháng sinh bị cấm sử dụng làm chất kích thích tăng trưởng và phòng bệnh trong chăn nuôi tại Malaysia theo Đạo luật Thức ăn chăn nuôi năm 2009, các kháng sinh bị cấm bao gồm: Chlortetracycline, Oxytetracycline, Amoxicillin, Ampicillin, Neomycin, Cefalexin, Benzylpenicillin, Florfenicol, Norfloxacin, Tilmicosin,

Tylvalosin, Spectinomycin, Sulfamonomethoxine, Sulfadiazine, Lincomycin, Enramycin, Bacitracin Methylene Disalicylate (BMD), Apramycin, Tiamulin, Zn Bacitracin, Trimethoprim và Virginiamycin.

## Indonesia (IDN)

1. Tại Thông báo số G/SPS/N/IDN/155 ngày 25/02/2025 về Quy định của Cơ quan Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) Indonesia số 19 năm 2024 về Kiểm soát Sản phẩm Thực phẩm Biến đổi gen. Nội dung chính như sau:

Quy định sửa đổi, bổ sung của Quy định số 6 năm 2018 của FDA Indonesia về kiểm soát các sản phẩm thực phẩm biến đổi gen sẽ thay thế quy định cũ ngay khi có hiệu lực. Quy định sửa đổi, bổ sung nêu rõ các điều khoản chung, yêu cầu và tiêu chí phê duyệt an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm biến đổi gen, dán nhãn thực phẩm biến đổi gen, kiểm soát an toàn thực phẩm, quản lý các tác động tiêu cực tiềm ẩn của các sản phẩm thực phẩm biến đổi gen đối với sức khỏe con người kèm phụ lục quy định các hướng dẫn để tiến hành đánh giá an toàn thực phẩm biến đổi gen.

Nội dung sửa đổi bao gồm:

- Hướng dẫn đánh giá an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm biến đổi gen có yếu tố đơn lẻ;
- Hướng dẫn đánh giá an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm biến đổi gen có đưa nhiều gen vào trong quá trình chuyển đổi hoặc thông qua lai tạo nhiều gen
- Hướng dẫn đánh giá an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm tinh chế cao được sản xuất bởi các vi sinh vật biến đổi gen.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tra cứu thông báo dự thảo/có hiệu lực về các biện pháp SPS của các nước thành viên WTO:

<http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cac-nuoc-thanh-vien>

2. Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010

3. Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2015

4. Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 về nông nghiệp hữu cơ

5. Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 sửa đổi Nghị định số 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa

6. Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn

7. Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 về thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện ATTP

8. Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 quy định về truy xuất nguồn gốc

9. Thông tư số 24/2013/TT-BYT ngày 14/8/2013 quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm

10. Các biện pháp kiểm soát nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật của Hoa Kỳ: <https://www.aphis.usda.gov/animal-product-import>

11. Website của Cục Kiểm tra và An toàn Thực phẩm thuộc USDA (FSIS): <https://www.fsis.usda.gov/inspection/import-export>
12. Website của Cục Vệ sinh thực phẩm và Môi trường Hồng Kông (Trung Quốc) (FEHD): [https://www.cfs.gov.hk/sc\\_chi/import/import.html](https://www.cfs.gov.hk/sc_chi/import/import.html)
13. Biện pháp kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vào Nhật Bản: <https://www.maff.go.jp/aqs/english/>
14. Quy định về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu của Hàn Quốc: [https://www.mfds.go.kr/eng/wpge/m\\_11/de0110021001.do](https://www.mfds.go.kr/eng/wpge/m_11/de0110021001.do)
15. Website của Tổng cục Hải quan Trung Quốc: <http://english.customs.gov.cn/service>
16. Tài liệu Hội thảo “Tiềm năng và nội lực doanh nghiệp Việt Nam vượt qua rào cản kỹ thuật xúc tiến thương mại thị trường nông sản thực phẩm khu vực Hồi giáo Trung Đông, Bắc Phi và Đông Nam Á”, tháng 11-2024.

# SỔ TAY

## HƯỚNG DẪN THỰC THI, HỎI ĐÁP CÁC QUY ĐỊNH VỀ SPS NGÀNH HÀNG ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

### **Chịu trách nhiệm xuất bản**

Giám đốc - Tổng Biên tập

**Trương Thu Hiền**

**Biên tập:** Nguyễn Nguyên Hà

**Chế bản:** Đào Văn Cường

**Trình bày bìa:** Bùi Đức Toàn

### **NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG**

**Trụ sở:** Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

**Điện thoại:** 024-3934 1562   **Fax:** 024-3938 7164

**Website:** <http://nhaxuatbanconghuong.com.vn>

**E-mail:** [nxbct@moit.gov.vn](mailto:nxbct@moit.gov.vn)

---

In 1000 cuốn, khổ 15 x 21 cm tại Công ty Cổ phần In và Thương mại Thành Đạt  
Địa chỉ: Nhà TT5.3-31 Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Định Công, Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 5165-2025/CXBIPH/6-385/CT

Số Quyết định xuất bản: 1045/QĐ-NXBCT ngày 19 tháng 12 năm 2025

In xong và nộp lưu chiểu: Quý IV năm 2025

Mã số ISBN: 978-632-612-967-0





## VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà A3, số 10 Nguyễn Công Hoan, P. Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024-37344764

Email: [spsvietnam@mae.gov.vn](mailto:spsvietnam@mae.gov.vn)

Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn>

